



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung

Điểm Trung Bình Tích Lũy

162

5.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	QT1	GK	QT2	CK	ĐTK
1	81402120	VÕ VĂN AN	14080201	162	6.38	001005	Anh văn 5	3							
						001006	Anh văn 6	3							
						602001	Hóa đại cương A1	2							
2	81402147	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	14080201	146	5.82	802013	Khai thác đường ô tô	2							
						802019	Đồ án thiết kế cầu thép	2							
						802027	Đồ án xây dựng đường	2		172				0.0	0.0
						802031	Xây dựng cầu	2							
						802100	Đồ án tốt nghiệp	10		192				4.2	4.2

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: Tất Cả MH Trong 1 Nhánh

D01101	GDTC 1 - Bóng đá	0
D01102	GDTC 1 - Taekwondo	0
D01103	GDTC 1 - Bóng chuyền	0
D01104	GDTC 1 - Cầu lông	0
D01105	GDTC 1 - Thể dục	0
D01106	GDTC 1 - Quần vợt	0
D01120	GDTC 1 - Thể hình Fitness	0
D01121	GDTC 1 - Hatha Yoga	0

Nhóm TC 2: Tất Cả MH Trong 1 Nhánh

D01201	GDTC 2 - Karate	0
D01202	GDTC 2 - Vovinam	0
D01203	GDTC 2 - Võ cổ truyền	0
D01204	GDTC 2 - Bóng rổ	0
D01205	GDTC 2 - Bóng bàn	0
D01206	GDTC 2 - Cờ vua vận động	0
D01220	GDTC 2 - Khúc côn cầu	0

IN NGÀY 19/08/24

HỒ CHÍ MINH, NGÀY 19 THÁNG 08 NĂM 2024
NGƯỜI LẬP BIỂU



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại tiếng Trung Quốc; Định hướng Thương mại tiếng Anh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 201
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01603092	NGÔ HẢI	THANH	16000303	199	6.48		503021	Cơ sở tin học 1	2				161	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01701182	NGUYỄN PHAN QUỲNH	CHI	17000105	137	6.52	52		Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 4	3					
2	01701230	ĐÀO NHẬT	HÂN	17000105	138	6.39	64		Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
3	01703013	PHAN KHÁNH	LINH	17000101	136	6.79	57	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
4	01703101	HỨA BÍCH	LY	17000109	136	6.69	76	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
5	01701650	ĐOÀN HỒNG	THÁI	17000162	140	7.16	62	D02030	Giáo dục quốc phòng - Học phần 3					181	0.0
6	01701134	LÝ MINH	TUẤN	17000101	122	5.89	50	001168	Cú pháp học	2				222	4.9
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 1	3					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 2	3					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 3	3					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 4	3					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
7	01701542	LÊ THÚY	VY	17000182	133	6.50	78	D01001	Bơi lội					192	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				221	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					202	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	017H0076	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DUNG	17000112	154	6.60	66		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	017H0102	NGUYỄN HOÀNG NHÃ	HƯƠNG	17000112	154	6.14	70		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	017H0109	TRẦN VĨNH	KHANG	17000111	154	6.66	56	D01001	Bơi lội					202	0.0
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	017H0053	PHẠM THỊ BẢO AN	17000113	153	6.60	53	503021 000107 011CM2	Cơ sở tin học 1 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 3 2				213 231	0.0 0.0
2	017H0054	CÙ VŨ HẠNH ÂN	17000112	154	6.28	50		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	017H0079	PHAN LÊ PHƯƠNG DUNG	17000111	154	6.92	50		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	017H0081	PHẠM TRÍ DŨNG	17000113	150	7.55	75	L00001 011CM2 L00021	Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	2 2				211	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	017H0082	VŨ ANH DŨNG	17000110	151	6.30	62	503021 503034	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 3	2 1					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	017H0087	HUỖNH GIANG	17000111	154	6.80	50		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	017H0089	BÙI DUY HÀ	17000111	154	6.71	73		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	017H0097	LÂM QUỐC HIỀN	17000110	154	7.13	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	017H0142	VŨ DUY NAM	17000110	154	6.50	74		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	017H0175	NGUYỄN THỊ HUỖNH NHƯ	17000112	154	6.58	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	017H0030	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	17000110	154	6.76	67		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
12	017H0191	TRỊNH THẾ QUẢN	17000113	154	6.74	68		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
13	017H0195	LÊ LƯU MỸ QUỲNH	17000113	154	7.44	77		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
14	017H0196	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	17000110	154	6.48	54		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
15	017H0214	NGUYỄN LÊ MINH THÔNG	17000111	145	6.75	50	503022	Cơ sở tin học 2	2				172	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
16	017H0215	ĐỖ ANH	THỨ	17000113	145	6.16	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn 1	4		2			
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
17	017H0217	LÂM NHẬT ANH	THỨ	17000112	154	6.22	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
18	017H0223	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	17000112	154	7.13	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
19	017H0225	TẠ NGỌC MINH	THỨ	17000111	154	6.25	64		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
20	017H0261	NGUYỄN THỊ THÚY	UYÊN	17000112	154	6.41	77		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
21	017H0265	HÀNG KIM	VY	17000113	154	6.58	73		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
22	017H0051	TRẦN LÊ	VY	17000110	154	6.43	74		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01702046	TRẦN KIM NHẬT	LINH	17000202	133	6.50	52	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								001203	Tiếng Anh 3	5				183	E
2	01702052	DÌN TẮNG	MÙI	17000201	135	6.13	76	001203	Tiếng Anh 3	5				182	P
3	01702077	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	17000201	135	6.45	52	001203	Tiếng Anh 3	5				182	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01800965	VŨ NGỌC VÂN	ANH	18000104	137	7.55	62		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01800894	TRƯƠNG NGUYỄN LAN CHÂU	18000161	134	6.01	61	001168	Cú pháp học	2				212	4.5
							000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
2	01800414	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	18000161	136	6.52	70	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
3	01800925	NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG	18000181	140	7.35	60		Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
4	01801385	TRƯƠNG YẾN LY	18000181	134	6.59	63	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
5	01800903	PHAN NGUYỄN HÂN NHIÊN	18000161	136	6.65	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
6	01801336	VÕ THỊ NHƯ QUỲNH	18000161	135	6.82	85	001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				221	0.0
								Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
7	01800910	NGUYỄN THỊ LÊ THẨM	18000161	135	6.70	65	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				223	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
8	01800556	VŨ QUỲNH THƠ	18000161	136	6.33	67		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
9	01800958	PHAN HÀ KHÁNH VY	18000181	140	7.28	82	D01001	Bơi lội					212	3.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01801063	TRƯƠNG THỊ LOAN	ANH	18000202	133	6.59	63	001203	Tiếng Anh 3	5				191	E
								D01001	Bơi lội					212	4.1
								503021	Cơ sở tin học 1	2					
2	01801067	NGUYỄN QUỲNH	DAO	18000202	135	6.80	50	D01001	Bơi lội					192	0.0
								002350	Tập sự nghề nghiệp	3				213	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	01800652	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	18000201	135	6.11	69	001203	Tiếng Anh 3	5				211	P
4	01801215	TRẦN BẢO	LINH	18000202	135	7.62	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	01801122	VŨ NGỌC TUYẾT	NHI	18000203	135	6.74	57	002335	Đất nước học Trung quốc	3				221	4.6
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
6	01801123	LÂM TỔ	NHƯ	18000201	135	5.95	76	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	01800192	VÕ THỊ NGỌC	QUÝ	18000201	135	7.79	86	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				221	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	01801152	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	18000203	135	7.26	69	001203	Tiếng Anh 3	5				201	E



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại tiếng Trung Quốc; Định hướng Thương mại tiếng Anh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 204
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01801196	NGUYỄN THANH PHƯƠNG HẰNG	18000304	200	7.13	63	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	018H0072	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG	NGHI	18H00102	156	7.47	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	018H0401	ĐINH QUỲNH	ANH	18H00104	154	7.02	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	51800671	TRẦN HUỲNH	ĐỨC	18H00105	150	7.23	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	018H0019	TRẦN KIM	DUNG	18H00106	154	7.27	99		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	018H0462	ĐINH THỊ THANH	HIỀN	18H00102	153	7.12	52	301003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	018H0522	NGUYỄN DUY	MINH	18H00104	154	6.71	67		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	018H0527	NGUYỄN THỊ LỆ	MY	18H00104	154	6.98	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	018H0568	NGUYỄN LÝ THẢO	NHI	18H00104	152	6.57	50	503022	Cơ sở tin học 2	2				182	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	018H0575	ĐẶNG THANH	NHƯ	18H00101	161	7.58	50	011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	018H0587	ĐINH THỊ THANH	PHƯƠNG	18H00103	154	7.31	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	018H0353	THẠCH NGỌC THỦY	TIỀN	18H00106	154	7.45	64		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	018H0661	TRẦN THỊ THIÊN	TÚ	18H00103	154	7.19	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01900124	PHẠM MỸ	HẠNH	19000161	138	6.33	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
2	01901287	PHẠM HOÀNG NHƯ	UYÊN	19000181	137	6.54	65		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	7					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01900114	PHAN NGỌC	HÂN	19000101	136	6.44	68	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
2	01901140	PHẠM THỊ KHÁNH	HOÀNG	19000161	137	6.57	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
3	01901250	NGUYỄN PHÙNG KIM	NGÂN	19000181	137	6.34	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
4	01900276	ĐÀO NGUYỄN HIỀN	NGOAN	19000103	137	7.04	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
5	01900345	LÊ TRUNG	PHÁT	19000101	136	6.30	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
6	01900359	LÊ KHẢ	PHƯƠNG	19000104	141	6.98	84		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
7	01900567	NGUYỄN THỊ PHÚ	XUÂN	19000102	139	7.04	78	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
8	01901291	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	19000161	141	6.64	72	D01001	Bơi lội					212	3.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01900915	BÙI THỊ NGỌC	ÁNH	19000201	136	8.78	88	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
2	01901304	ĐẶNG QUỐC	BẢO	19000201	136	8.33	83	001413	Tiếng Anh 3	5				202	P
3	01900618	TRẦN THỊ CẨM	DƯ	19000203	136	7.10	80	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]						
4	01901333	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	19000202	136	6.41	74	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	01900965	TRẦN THỊ THU	KHA	19000202	136	6.43	80	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	01900676	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	19000201	131	6.53	76	001413	Tiếng Anh 3	5				212	E
								002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	01900689	NGUYỄN NGỌC NHƯ	MAI	19000202	136	7.05	87	001413	Tiếng Anh 3	5				214	P
8	01901012	HỒ NGUYỄN HOÀI	NHI	19000202	133	7.93	67	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								002327	Đọc tiếng Trung quốc thương mại	3				231	3.8
9	01901334	HUỲNH NGỌC	NHI	19000201	138	6.81	89	002327	Đọc tiếng Trung quốc thương mại	3				221	4.8
10	01900753	KIỀU THỊ	OANH	19000202	136	7.17	75	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				223	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	01900754	NGUYỄN KIM	OANH	19000203	134	6.38	79	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								002327	Độc tiếng Trung quốc thương mại	3				231	4.6
12	01901070	TẠ THỊ THU	THÚY	19000201	137	8.20	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	01901074	NGUYỄN THỊ KIỀU	TIỀN	19000201	137	7.33	84	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	01900537	ĐẶNG THỊ HỒNG	VÂN	19000201	137	7.62	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	01901109	HỒ THỊ HỒNG	VÂN	19000201	136	7.02	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	01901114	NGUYỄN ĐOÀN TUYẾT	VIÊN	19000201	137	8.22	79	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	01901119	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	19000202	136	7.08	83	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại tiếng Trung Quốc; Định hướng Thương mại tiếng Anh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 204

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01901327	ĐẶNG PHƯƠNG	ANH	19000301	199	7.67	82	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
2	01901023	VÕ TRẦN DUẬT	NHƯ	19000302	199	6.92	89	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
3	01901043	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	19000302	199	8.07	92	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
4	01901335	LƯU TỔ	SAN	19000302	199	8.02	87	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
5	01901095	VÕ THỊ MỘNG	TRINH	19000302	199	7.12	86	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
6	01901115	NGUYỄN KIM	VINH	19000302	199	7.22	86	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
7	01901130	TRẦN THỊ HOÀNG	YẾN	19000302	199	6.89	86	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 161
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	019H0102	HÀ BẢO	LONG	19H00102	155	6.99	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	019H0347	LÃ UYÊN PHƯƠNG	NHI	19H00103	158	7.73	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	019H0366	HOÀNG TRIỀU MINH	VƯỢNG	19H00102	159	7.38	63		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	019H0272	LÊ PHẠM LAN	VY	19H00101	159	8.45	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 161

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	019H0029	NGÔ THỊ HẠNH	DUNG	19H00103	155	7.37	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	019H0294	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	19H00103	155	6.52	68		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	019H0039	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	19H00101	151	7.42	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	019H0343	NGUYỄN PHẠM HOÀI	LINH	19H00103	163	7.65	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	019H0125	NGUYỄN HẠNH	NGÂN	19H00101	155	6.49	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	019H0133	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGHI	19H00101	150	7.59	78	001158	IELTS 1	4					
								001159	IELTS 2	4					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	019H0355	NGUYỄN THANH	TÂM	19H00102	149	7.47	62	503022	Cơ sở tin học 2	2				201	0.0
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	019H0240	VÕ HOÀNG BẢO	TRẦN	19H00101	155	7.13	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	019K0147	MAI KHẢ	UYẾN	19H00101	154	7.61	79	503034	Cơ sở tin học 3	1					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	02000709	NGUYỄN THỊ THỤC	ĐOAN	20000102	135	7.85	88		Nhóm tự chọn GDTC 1 Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7	1		0		
2	02000711	NGUYỄN THÙY	DUNG	20000102	139	8.22	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
3	02000725	TRẦN NHẬT	HÀO	20000181	135	7.58	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
4	02000734	TRẦN THỊ XUÂN	HƯƠNG	20000101	133	7.66	86	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 7				231	3.4
5	02000059	HUỲNH THỊ NGỌC	HUYỀN	20000101	135	8.27	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
6	02000747	TRẦN NGUYỄN	KIỀU	20000103	127	6.84	75	L00040 L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3 Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5 Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 7 3 2			232	1	K
7	02000095	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	LINH	20000101	132	7.33	85	D01001	Bơi lội Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	 7 3				221	2.0
8	02000754	NGUYỄN VĂN THÙY	LINH	20000181	135	6.68	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
9	02000117	HỒ KIM	NGÂN	20000101	132	7.29	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	7 3					
10	02000143	NGUYỄN PHAN THẢO	NGUYỄN	20000101	139	8.62	87	D01001	Bơi lội Nhóm tự chọn GDTC 2 Nhóm tự chọn GDTC 1	 1 1			0 0		

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
11	02000779	PHẠM THANH	NGUYỄN	20000104	130	7.30	87	503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 3	3					
12	02000782	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	20000104	135	7.45	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
13	02000783	THÁI THỊ	NHÀN	20000103	135	8.33	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
14	02001001	TRẦN THỊ MỸ	TÂM	20000181	135	7.46	85	D01001	Bơi lội					231	2.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
15	02000819	HUỖNH ANH	THỨ	20000102	135	8.08	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
16	02000262	THÁI NGỌC NHÃ	UYÊN	20000101	135	7.20	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
17	02000847	ĐỖ THỊ KHÁNH	VÂN	20000102	128	7.17	60	306105 L00040	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.8
									Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	7 2			1		
18	02000276	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	20000103	137	7.01	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	02000490	TRẦN NHÂN ÁI	20000103	137	6.95	96	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
2	02000692	BÙI NGỌC TRÂM ANH	20000102	133	7.07	78	306105 503022 000107 001CM2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Cơ sở tin học 2 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2 3 2				231 202 233 233	4.9 0.0 0.0
3	02000693	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20000102	137	7.87	91	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
4	02000008	PHÙNG THỊ QUỲNH ANH	20000101	137	7.63	84	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
5	02000695	TRẦN HÀ ANH	20000102	137	7.71	89	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
6	02000009	TRỊNH THỊ MINH ANH	20000101	137	8.03	91	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
7	02000013	TRANG NGỌC BÍCH	20000101	137	7.21	92	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
8	02000020	PHAN THỊ HỒNG CẨM	20000101	137	7.58	86	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
9	02000700	TRƯƠNG PHAN BẢO CHÂU	20000103	137	7.33	81	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
10	02000702	PHẠM LINH CHI	20000104	137	8.13	85	000107 001CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233 233	0.0
11	02000633	NGUYỄN DUY CỜ	20000181	130	6.37	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
12	02000703	ĐINH LONG	ĐĂNG	20000181	137	6.98	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
13	02000634	VĂN VIẾT	DANH	20000181	137	8.42	98	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
14	02000704	VÕ THỊ ANH	ĐÀO	20000102	137	6.86	86	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
15	02000705	PHAN HỨA KIỀU	DIỄM	20000101	137	7.23	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
16	02000706	TRẦN NGUYỄN NGỌC	DIỄM	20000103	137	7.96	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
17	02000713	NGUYỄN VĂN	DUY	20000102	137	7.73	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
18	02000637	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	20000161	138	6.73	83	000107	Tập sự nghề nghiệp	3					
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								001191	Thương mại tổng quát	5					
								001192	Thư tín thương mại	3					
								001193	Dịch thương mại	3					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
									Nhóm tự chọn 2 (Thương mại)	3					
19	02000995	TRẦN NGUYỄN TÀI	DUYÊN	20000181	137	7.09	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	02000715	NGUYỄN TRẦN	GIANG	20000102	137	7.61	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
21	02000717	ĐỖ THỊ NGỌC	GIAO	20000102	137	6.64	74	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
22	02000719	HOÀNG THU	HÀ	20000102	137	7.15	97	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
23	02000045	NGUYỄN TRẦN BẢO	HÀ	20000181	137	7.42	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
24	02000721	TRẦN THỊ KIM	HÂN	20000103	137	7.50	83	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
25	02000722	ĐOÀN THỊ DIỆU	HẰNG	20000102	135	7.27	92	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.6
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
26	02000723	PHẠM THỊ	HẠNH	20000161	137	7.46	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
27	02000724	ĐỖ ANH	HÀO	20000104	137	7.39	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
28	02000505	ĐẶNG HỮU NHẬT	HOA	20000102	137	7.52	74	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
29	02000508	HỒ HOÀI	HƯƠNG	20000104	133	7.04	78	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
30	02000733	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	20000161	137	7.06	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
31	02000735	HUỖNH NHẬT	HUY	20000103	137	7.48	83	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
32	02000737	TRẦN GIA	HUY	20000161	134	6.94	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
33	02000061	NGUYỄN THỊ THÚY	HUỖNH	20000101	137	7.28	71	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
34	02000509	NGUYỄN VĂN	KHANG	20000103	133	6.71	79	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
35	02000746	TRƯƠNG LỤC	KIÊN	20000181	99.0	6.29	77	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2				212	4.4
								306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				221	3.1
								306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	3.0
								306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				232	4.3
								001330	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3				221	4.7
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3					
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								000108	Học phần nghề nghiệp 2						
								001193	Dịch thương mại	3					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					211	K
							L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					221	K
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
								Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 2	3					
								Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 3	3					
								Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 4	3					
								Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		0		
36	02000083	BÙI THỊ KIM	LAN	20000101	137	8.17	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
37	02000749	VÕ THÀNH	LÂN	20000103	133	7.03	82	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7				
38	02000649	PHẠM THỊ	LIỄU	20000181	137	7.04	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
39	02000093	NGUYỄN ĐAN KHÁNH	LINH	20000101	137	8.26	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
40	02000096	NGUYỄN PHẠM NGỌC	LINH	20000181	137	6.73	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
41	02000753	NGUYỄN THỊ NHÃ	LINH	20000104	133	6.61	76	000107	Tập sự nghề nghiệp	3			233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
42	02000755	TÔN YẾN LINH	20000104	137	7.30	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
43	02000098	VÕ THỊ THANH LOAN	20000161	137	6.94	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
44	02000759	VĂN THỊ HUYỀN LY	20000102	137	7.35	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
45	02000761	NGUYỄN HUỆ MÃN	20000104	133	6.68	72	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
46	02000520	DƯƠNG THANH ANH MINH	20000104	137	7.49	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
47	02000764	NGUYỄN TRẦN HÀ MY	20000104	137	8.26	96	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
48	02000521	PHẠM HÀ MY	20000102	137	7.20	96	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
49	02000109	TRẦN THỊ DIỄM MY	20000101	137	8.02	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
50	02000765	TRẦN HOÀN MỸ	20000104	137	8.39	96	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
51	02000767	HUỲNH THỊ TRÚC NGÂN	20000161	137	6.58	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
52	02000120	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	20000101	137	7.04	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
53	02000770	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	20000161	137	6.99	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
54	02000122	PHAN THỊ KIM	NGÂN	20000101	134	6.99	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
55	02000773	UNG XUÂN KIM	NGÂN	20000161	137	7.17	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
56	02000998	VŨ THỊ	NGÂN	20000181	137	7.00	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
57	02000774	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	20000102	137	7.10	79	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
58	02000125	VẠN GIA	NGHI	20000101	137	7.30	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
59	02000130	LÊ BẢO	NGỌC	20000101	137	6.58	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
60	02000776	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	20000102	137	7.64	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
61	02000777	PHẠM THỊ YẾN	NGỌC	20000103	137	7.58	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
62	02000138	VÕ THÁI	NGỌC	20000101	137	7.44	83	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
63	02000778	BIỆN HUỖNH THẢO	NGUYỄN	20000102	137	7.84	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
64	02000972	DƯƠNG THỊ THẢO	NGUYỄN	20000181	128	6.00	81	503022	Cơ sở tin học 2	2					0.0
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
65	02000656	PHAN LÊ HỒNG	NGUYỄN	20000161	134	7.01	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
66	02000145	TRẦN TRANG	NGUYỄN	20000161	137	7.16	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
67	02000781	TRẦN VĂN	NGUYỄN	20000161	137	6.94	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
68	02000785	NGUYỄN HỒNG THIÊN	NHI	20000104	137	7.35	73	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
69	02000786	NGUYỄN NGỌC BÍCH	NHI	20000161	137	7.48	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
70	02000527	LÂM HUỖNH	NHƯ	20000104	137	7.62	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
71	02000787	NGUYỄN DIỆP BẢO	NHƯ	20000103	134	7.49	82	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
72	02000150	NGUYỄN PHẠM HUỖNH	NHƯ	20000102	137	7.39	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
73	02000788	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	NHƯ	20000102	137	7.40	80	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
74	02000790	NGÔ LÊ HOÀI	NHUNG	20000102	130	7.41	99	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
75	02000791	ĐÀM THỊ PHƯƠNG	OANH	20000104	132	7.43	72	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
76	02000157	ĐOÀN THỊ YẾN	OANH	20000103	137	7.78	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
77	02000792	NGUYỄN BẢO HOÀNG	PHÚC	20000104	137	7.00	74	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
78	02000163	PHAN THỊ YẾN	PHƯƠNG	20000101	137	6.88	86	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
79	02000796	PHÙNG NGỌC	PHƯƠNG	20000103	133	7.04	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
80	02000797	TRẦN DIỄM	PHƯƠNG	20000102	130	7.16	70	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	3.7
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					233	
81	02000167	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20000161	137	7.43	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
82	02000799	TRẦN NGUYỄN MINH	QUANG	20000102	130	7.06	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
83	02000173	HOÀNG MỸ	QUYÊN	20000161	137	7.66	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
84	02000177	ĐÀO TÚ	QUỲNH	20000104	137	7.70	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
85	02000185	NGUYỄN BẢO	SƯƠNG	20000161	137	7.37	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
86	02000187	NGUYỄN THÀNH	TÀI	20000102	137	8.03	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
87	02000979	LÊ MỸ	TÂM	20000161	133	6.52	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
88	02000808	TRẦN MỸ	TÂM	20000103	130	7.32	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
89	02000809	VÕ THANH	TÂN	20000104	137	7.01	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
90	02000200	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20000101	137	7.48	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
91	02000201	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	20000103	134	6.73	97	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
92	02000206	ĐỖ KIM	THOA	20000103	137	7.90	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
93	02000820	LÊ NGỌC MINH	THỨ	20000103	137	7.84	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
94	02000821	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	20000104	137	7.57	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
95	02000213	NGUYỄN THÙY ANH	THỨ	20000104	137	8.21	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
96	02000823	NGUYỄN HỒ XUÂN	THƯƠNG	20000104	131	7.00	70	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				233	0.0
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
97	02001004	TRẦN NHẬT	TIẾN	20000181	133	6.95	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
98	02000830	TRẦN THÁI	TOÀN	20000102	137	7.76	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
99	02000230	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	20000104	137	7.98	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
100	02000232	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	20000102	137	8.05	97	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
101	02000238	LÊ THỊ BẢO	TRÂN	20000104	137	8.02	98	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
102	02000832	ĐÀO THỊ HUYỀN	TRANG	20000104	137	7.40	79	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
103	02000833	LẠI THỊ HUYỀN	TRANG	20000101	137	7.56	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
104	02000246	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	20000104	137	7.32	81	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
105	02000248	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	20000103	137	7.80	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
106	02000986	LÊ THỊ TUYẾT	TRINH	20000181	137	6.77	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
107	02000839	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	20000103	137	6.85	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
108	02000840	BÙI THỊ THANH	TRÚC	20000161	137	6.40	81	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
109	02000841	ĐÀO THANH	TRÚC	20000161	137	6.37	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
110	02000250	NGUYỄN KIỀU MỘNG	TRÚC	20000181	137	6.67	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
111	02000685	ĐẶNG CHÂU THẢO	VÂN	20000161	137	7.18	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
112	02000848	LÊ THỊ CẨM	VÂN	20000104	137	7.36	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
113	02000849	TRƯƠNG NHÃ	VĂN	20000103	130	7.75	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
114	02000266	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH	VI	20000104	137	7.89	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
115	02000850	TRẦN THẢO	VI	20000104	137	7.75	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
116	02001006	TÔN THÁI QUỲNH	VIÊN	20000181	137	6.88	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
117	02000852	CAO NGỌC PHƯƠNG	VY	20000102	135	7.66	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
118	02000854	HỒ HẠ	VY	20000181	133	6.19	81	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	7					
119	02000855	HUỲNH ANH	VY	20000103	137	7.32	82	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương Mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
120	02000273	KHUUU TƯỜNG	VY	20000102	137	6.72	86	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
121	02000857	NGUYỄN HOÀNG BẢO	VY	20000181	137	7.20	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
122	02000860	TRẦN HOÀNG KHÁNH	VY	20000102	135	7.09	76	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.9
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
123	02000861	VŨ TRƯƠNG YẾN	VY	20000103	137	7.69	81	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
124	02000688	NGUYỄN BẢO NHƯ	Ý	20000161	134	6.49	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Nhóm tự chọn Ngoại ngữ phụ 5	3					
125	02000862	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	20000161	137	7.02	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								001CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	02000553	LÂM THIÊN AN	20000201	137	8.51	91	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
2	02000863	LÊ THỊ LAN ANH	20000202	137	6.96	89	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
3	02000286	NGUYỄN HUỲNH VÂN ANH	20000203	131	7.82	87	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
4	02000287	NGUYỄN LOAN ANH	20000201	137	6.73	97	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
5	02000290	TRẦN KIỀU ANH	20000203	137	7.30	89	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
6	02000865	VÕ THỊ TUYẾT ANH	20000203	137	8.48	90	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
7	02000868	ĐẶNG NGỌC MINH CHÂU	20000201	137	7.13	95	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
8	02000300	TRẦN HOÀNG TÂM ĐOAN	20000203	137	8.66	92	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
9	02000871	LẠI MINH KHẢ DOANH	20000201	137	7.38	99	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
10	02000873	NGUYỄN THANH DƯƠNG	20000203	137	8.15	95	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
11	02000874	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	20000203	137	8.25	96	002350 002CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
12	02000875	ĐỖ THỊ MỸ DUYÊN	20000201	137	7.23	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	02000567	NGUYỄN TRẦN THU HÀ	20000202	137	8.19	98	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	02000317	HUỖNH HOÀN HÂN	20000202	125	6.89	67	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
							002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							002327	Độc tiếng Trung quốc thương mại	3				231	3.0
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
15	02000877	HUỖNH THỊ NGỌC HÂN	20000203	137	7.55	89	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	02000319	TRẦN BẢO HÂN	20000201	137	7.93	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	02000881	TSẦN MỸ HẰNG	20000201	137	7.54	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	02000325	VÕ THỊ NHƯ HẢO	20000201	137	8.19	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	02000329	PHẠM THỊ PHÚ HIỀN	20000203	137	7.43	79	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	02000331	VŨ VĂN HIẾU	20000202	131	8.08	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
21	02000569	HỒ NHẬT	HÒA	20000203	130	8.14	91	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				222	4.9
								001413	Tiếng Anh 3	5				212	P
								002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	02000883	PHẠM NGỌC BÍCH	HỢP	20000203	137	7.94	89	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	02000344	LÊ ĐĂNG	KHOA	20000201	137	7.61	82	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	02000885	HỒ THIÊN	KIM	20000202	132	7.77	92	001413	Tiếng Anh 3	5				212	P
								002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	02000347	ĐỖ THỊ HUYỀN	LẠC	20000202	137	8.23	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	02000577	RƠ CHÂM	LING	20000203	137	8.12	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	02000888	NGUYỄN KHÁNH	LINH	20000202	137	7.95	97	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	02000889	NGUYỄN LÊ BẢO	LINH	20000202	136	7.83	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
29	02000890	PHẠM THỊ HUYỀN	LINH	20000202	137	8.35	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	02000363	PHẠM BÍCH	LỰA	20000203	137	8.43	96	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	02000893	MAI LÊ	LỰU	20000201	137	8.11	97	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	02000579	HOÀNG ĐOÀN HẢI	LY	20000202	137	8.15	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	02000581	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	20000203	137	8.31	97	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	02000896	NGUYỄN HOÀNG	MY	20000202	137	8.05	68	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	02000371	HUỖNH TÚ	MỸ	20000203	137	8.08	89	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	02000897	DƯƠNG THỊ HỒNG	NGA	20000201	137	8.04	97	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	02000898	LỘC TRUNG MỸ	NGÂN	20000201	137	7.63	82	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	02000899	TẠ PHƯƠNG	NGHI	20000203	137	7.46	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	02000379	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	20000203	137	8.44	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	02000380	PHẠM NGUYỄN BẢO	NGỌC	20000201	137	8.19	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	02000902	LÊ BÌNH	NGUYỄN	20000202	137	8.49	95	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
42	02000391	HỒNG NGỌC NHI	20000202	137	7.61	90	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	02000392	LÊ THỊ AN NHI	20000203	137	8.83	96	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	02000906	LÊ THỊ Ý NHI	20000202	137	7.47	83	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	02000393	LÊ THỊ YẾN NHI	20000201	137	8.89	96	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	02000907	NGUYỄN LÊ QUYÊN NHI	20000202	136	7.84	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
47	02000908	NGUYỄN THỊ CẨM NHI	20000203	137	8.21	95	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	02000398	NGUYỄN THỊ TRÚC NHI	20000202	137	7.10	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	02000911	VŨ GIA NHI	20000202	137	8.58	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	02000402	CHÂU NGỌC QUỲNH NHƯ	20000202	137	7.54	95	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	02000913	NGUYỄN LÊ HUỲNH NHƯ	20000203	137	6.80	90	D01001	Bơi lội					212	3.0
							002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	02000915	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	20000201	137	8.10	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	02000406	NGUYỄN THỊ NHƯ PHỤNG	20000201	137	8.46	93	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	02000410	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	20000202	131	8.02	88	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6						
55	02000917	NGUYỄN LÊ THU PHƯƠNG	20000201	129	7.55	93	503021	Cơ sở tin học 1	2						
							002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6						
56	02000411	NGUYỄN Tú PHƯƠNG	20000201	134	6.62	93	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							002327	Đọc tiếng Trung quốc thương mại	3					231	4.8
57	02000420	LÀM Tú QUYÊN	20000201	137	7.70	84	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
58	02000428	PHAN PHƯƠNG QUỲNH	20000203	137	7.57	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
59	02000922	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	20000202	134	7.34	92	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							002327	Đọc tiếng Trung quốc thương mại	3					231	2.9
60	02000923	NGUYỄN HOÀNG ÁNH THI	20000203	131	7.72	96	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6						
61	02000924	NGUYỄN TRẦN MAI THI	20000202	137	7.38	82	002350	Tập sự nghề nghiệp	3					233	0.0
							002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
62	02000925	NGUYỄN HUYỀN MINH	THIÊN	20000203	137	7.25	88	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	02000926	CHÂU THỊ KIM	THOA	20000203	137	7.79	95	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	02000442	TRƯƠNG NGUYỄN ANH	THỜI	20000202	137	7.43	95	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	02000927	TRẦN KIM	THU	20000202	137	7.23	76	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	02000609	NGUYỄN ANH	THÚY	20000203	137	7.99	86	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
67	02000930	NGUYỄN THANH	THÚY	20000202	137	7.71	79	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	02000445	BÙI THU	THỦY	20000202	137	8.14	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	02000931	ĐOÀN THỊ THU	THỦY	20000202	137	8.23	82	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	02000448	TRẦN THỊ KIM	TIỀN	20000202	137	8.43	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	02000450	TRẦN THỦY	TIỀN	20000202	137	8.61	93	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
72	02000449	TRẦN THỦY	TIỀN	20000201	137	7.47	97	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	02000932	NGUYỄN NGỌC KIM	TIỀN	20000202	137	7.84	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
74	02000934	NGUYỄN NGỌC	TOÀN	20000201	137	8.42	93	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	02000939	HỒ THỊ BÍCH	TUYỀN	20000201	137	8.35	99	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
76	02000621	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	20000201	137	7.18	89	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
77	02000940	NÔNG THỊ	TUYẾT	20000203	137	7.91	89	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	02000623	NGUYỄN NGỌC BẢO	UYÊN	20000201	137	7.98	96	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
79	02000942	PHẠM NGỌC TÚ	UYÊN	20000201	138	6.82	78	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
80	02000943	ĐỖ THỊ CẨM	VÂN	20000203	137	7.06	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
81	02000944	VÕ THANH	VÂN	20000202	137	7.52	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
82	02000469	ĐẶNG THỊ TƯỜNG	VI	20000201	137	8.18	99	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
83	02000625	TRẦN THỊ	VINH	20000201	137	7.66	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
84	02000472	LÊ THỊ YẾN	VY	20000203	132	8.12	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
85	02000950	MAI ĐẶNG TƯỜNG	VY	20000201	137	7.63	91	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
86	02000951	HÀ NGUYỄN THANH	XUÂN	20000203	137	7.18	85	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
87	02000485	TÔ THỊ NHƯ	Ý	20000201	137	8.53	94	002350	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								002CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	020H0210	TRẦN THỊ HOÀI	AN	20H00103	159	7.38	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	020H0396	NGUYỄN TUYẾT	TÂM	20H00101	153	6.93	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	020H0312	LÊ NGÔ ANH	VY	20H00103	159	7.61	77		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	020H0003	NGUYỄN THẾ AN	20H00102	157	7.62	87	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
2	020H0316	TRƯƠNG THỊ THU AN	20H00102	154	7.62	97	D01001 000107 011CM2	Bơi lội Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	 3 2				231 233	2.0 0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	020H0318	LÊ NGỌC TUYẾT ANH	20H00103	157	7.78	85	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
4	020H0319	LÊ NGUYỄN DUY ANH	20H00101	151	7.78	89	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	020H0214	NGÔ NGUYỄN MINH ANH	20H00101	157	7.78	90	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
6	020H0328	BÙI BẢO BẢO	20H00102	151	7.16	84	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	020H0224	NGUYỄN KHÁNH ĐẠT	20H00102	151	8.19	95	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	020H0337	VÕ THỊ BẢO DUY	20H00101	151	7.20	91	000107 011CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2				233	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	020H0034	LÊ ĐĂNG DUYỄN	20H00103	151	7.29	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	020H0338	NGUYỄN THỊ THANH	DUYỄN	20H00102	151	7.54	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	020H0234	TRẦN LƯƠNG THẢO	HÂN	20H00103	151	6.74	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
12	020H0040	PHAN THỊ HỒNG	HẠNH	20H00102	151	7.40	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
13	020H0350	NGÔ NGỌC BẢO	KHANG	20H00102	151	7.08	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
14	020H0249	VÕ HOÀNG	KHANH	20H00103	149	6.79	82	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
15	020H0251	DƯƠNG QUỐC	KIỆT	20H00102	148	7.03	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
16	020H0353	NGUYỄN THỊ HOÀNG	KIM	20H00102	157	7.75	79	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
17	020H0355	ĐINH VŨ PHƯƠNG	LINH	20H00102	157	7.79	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	02000760	LAI NGỌC	MAI	20H00102	151	7.58	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
19	020H0253	LÊ THỊ NGỌC	MAI	20H00103	151	6.89	81	D01001	Bơi lội					231	2.0
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
20	020H0361	NGUYỄN HOÀNG TRÀ	MY	20H00101	151	7.39	78	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
21	020H0088	TRẦN THẢO	MY	20H00101	151	7.09	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
22	020H0098	NGUYỄN HUỲNH DIỄM	NGHI	20H00103	151	7.38	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
23	020H0367	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	20H00102	151	7.67	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
24	020H0260	LŨ TUYẾT	NGỌC	20H00102	151	7.27	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
25	020H0099	NGÔ HOÀI BẢO	NGỌC	20H00102	146	6.96	90	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
26	020H0101	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	20H00101	157	7.50	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	020H0111	NGÔ CAO	NHIỆM	20H00102	148	7.66	91	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
28	020H0379	NGUYỄN THANH	NHƠN	20H00103	151	6.60	67	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
29	020H0269	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	20H00101	151	7.42	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
30	020H0270	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	20H00102	143	6.63	91	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								001158	IELTS 1	4				212	4.7
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
31	020H0382	NGUYỄN HẢI NGUYỄN	NHUNG	20H00102	157	8.19	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	020H0115	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	20H00101	157	8.05	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	020H0271	TRẦN NGUYỄN MAI	OANH	20H00101	139	6.62	97	D01001	Bơi lội					232	2.0
								001158	IELTS 1	4				212	4.8
								001160	IELTS 3	4				222	H
								001161	IELTS 4	4				231	2.9
								000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
34	020H0116	VÕ MAI HOÀNG	OANH	20H00101	157	7.43	79	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	020H0386	PHẠM THIÊN	PHÁT	20H00103	151	7.83	86	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
36	020H0118	TRẦN TIẾN	PHÁT	20H00101	148	7.42	97	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
37	020H0125	NGUYỄN THỊ HOA	PHƯỢNG	20H00102	157	7.42	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	020H0389	ĐẶNG TÚ	QUYÊN	20H00101	151	7.71	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
39	020H0281	LÊ THỊ CẨM QUỲNH	20H00103	151	7.34	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
40	020H0392	TRẦN NGUYỄN DIỄM QUỲNH	20H00103	151	6.71	80	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
41	020H0395	NGÔ MINH SANG	20H00103	151	7.35	66	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
42	020H0141	HUỲNH THANH SƠN	20H00103	151	7.91	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
43	020H0285	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	20H00103	148	7.14	99	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
44	020H0290	ĐẶNG VŨ QUANG THÁI	20H00103	151	7.35	77	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
45	020H0147	LÊ THỊ HOÀNG THANH	20H00101	157	7.61	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	020H0400	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20H00103	157	7.12	86	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	020H0150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20H00102	154	7.46	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
48	020H0401	THÁI THỊ THANH	THẢO	20H00101	157	7.47	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	020H0403	VĂN THỊ THU	THẢO	20H00101	157	7.44	90	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	020H0407	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	THY	20H00102	151	7.46	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
51	020H0417	PHẠM NGỌC THIÊN	TRANG	20H00101	151	6.83	83	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
52	020H0419	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	20H00101	157	6.99	80	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	020H0422	VĂN CẨM	TÚ	20H00102	151	7.01	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
54	020H0425	LƯU KIM	TUYỀN	20H00102	151	7.18	93	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
55	020H0185	NGÔ THỊ THANH	TUYỀN	20H00102	148	7.68	84	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
								011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
56	020H0309	PHẠM THỊ VÂN	20H00101	151	7.88	95	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
57	020H0191	LÊ TƯỜNG VI	20H00101	151	7.78	94	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
58	02000545	ĐÌNH THỊ LAN	20H00101	157	7.70	92	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	020H0196	LÊ THỊ KHÁNH	20H00103	151	7.69	85	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
60	020H0198	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	20H00103	151	7.50	88	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
61	020H0199	NGUYỄN NGỌC THẢO	20H00103	157	7.20	87	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	020H0431	ĐÌNH THỊ THANH	20H00103	157	7.13	89	000107	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Sư phạm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	020K0024	TRẦN NIÊN	CƯỜNG	20K00101	138	8.42	78		Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	020K0029	NGUYỄN HOÀNG	ĐĂNG	20K00101	132	7.67	79		Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	020K0226	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	MAI	20K00101	138	7.47	76		Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	020K0116	NGUYỄN SONG	NGUYỄN	20K00101	138	7.52	68		Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Chuyên ngành đào tạo : Định hướng Thương mại

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	020K0017	NGUYỄN QUỐC BẢO	20K00101	136	7.90	88	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	020K0065	KHÔNG KIM	20K00101	136	7.72	88	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	020K0223	NGÔ PHẠM HOÀNG	20K00101	130	7.53	77	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	020K0122	HỒ NGỌC YẾN	20K00101	130	7.33	90	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	020K0180	NGUYỄN THANH TRÚC	20K00101	130	6.94	81	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	020K0188	PHAN THỊ TRÚC	20K00101	136	6.93	69	001323	Tập sự nghề nghiệp	3				233	0.0
							011CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

140

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11701031	TRẦN THỊ KIM CHI		17010102	128	5.71	52	503021 Cơ sở tin học 1	2					
								503022 Cơ sở tin học 2	2					
								D01001 Bơi lội					232	3.3
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11701035	NGUYỄN LÊ PHÁT ĐẠT		17010103	132	6.48	50	D01001 Bơi lội					223	3.3
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11701042	NGUYỄN DUY		17010102	128	5.52	50	503022 Cơ sở tin học 2	2				221	0.0
								100031 Lịch sử mỹ thuật	3				171	4.2
								101033 Tin học chuyên ngành Đồ họa 4	3					
								300001 Phương pháp học đại học	1					
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11701049	NGUYỄN VƯƠNG GIA HÂN		17010103	137	7.81	50	300073 Kỹ năng viết và trình bày	1					
								L00001 Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					221	K
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
5	11701056	NGUYỄN BÙI QUANG HUY		17010103	130	6.65	53	101CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	11701064	TRẦN THỊ OANH KIỀU		17010102	127	6.18	52	503021 Cơ sở tin học 1	2				173	0.0
								D01001 Bơi lội					173	0.0
								D02030 Giáo dục quốc phòng - Học phần 3					193	R
								300073 Kỹ năng viết và trình bày	1					
								L00001 Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển					222	K

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học140

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00025	bền vững - Thái độ sống 2 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3 Nhóm tự chọn GDTC 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	8	1 2 1		0 1 0		
7	11701083	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	17010101	129	6.70	51	300035 L00001 L00021 L00025 Nhóm tự chọn GDTC 1 Nhóm tự chọn GDTC 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	Kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3 Nhóm tự chọn GDTC 1 Nhóm tự chọn GDTC 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	1 2 1 1 8			202 212	K K	
8	11701086	BÙI THỊ KIM NGÂN	17010102	139	6.78	56	503022 D01001 L00001 Nhóm tự chọn GDTC 1 Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	Cơ sở tin học 2 Bơi lội Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn GDTC 1 Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2 2 1 2 1 1		0 1 0 0	202 212	0.0 4.1	
9	11701093	NGUYỄN THỊ YẾN NGỌC	17010102	123	5.63	60	503021 503022	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2	2 2				203 213	0.0 0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học140

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								101043	Đồ án Đồ họa 5	3				212	1.8
								101051	Portfolio	2				203	1.5
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	11701094	PHẠM NHƯ	NGUYỆT	17010102	135	6.70	51		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	11701095	LA THỊ THẢO	NHI	17010101	138	6.86	62	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				211	K
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
12	11701116	TRƯƠNG THỊ BÍCH	THẢO	17010103	132	6.16	71		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	11701119	HỒ NGỌC ANH	THƯ	17010102	127	6.32	50	301003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
14	11701140	LÊ NGỌC THANH	VÂN	17010102	132	6.55	53		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế nội thất

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11703023	NGUYỄN HÀ MINH	CHÂU	17010301	131	6.69	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11703026	LƯƠNG HẢI	ĐĂNG	17010302	131	6.07	58		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11703069	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	17010301	124	5.99	50	001203	Tiếng Anh 3	5				211	P
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
4	11703049	THÁI THỊ NGỌC	LINH	17010302	131	6.01	62		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11701137	NGUYỄN TRƯỞNG THẢO	UYÊN	17010301	124	6.56	52	D01001	Bơi lội					221	2.0
								001203	Tiếng Anh 3	5				191	E
								103CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế thời trang

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11704036	NGUYỄN HOÀNG Ý	THƯƠNG	17010401	131	6.23	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11704038	VÕ THỦY	TIỀN	17010401	129	6.55	62	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					212	K
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
3	11704040	LÊ TRẦN NGỌC	TRÂM	17010401	139	6.97	72		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
4	11704044	PHẠM THỊ MỸ	TRINH	17010401	131	5.79	50		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11704048	TRẦN THỊ THẢO	VI	17010401	131	6.00	50		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11800216	TRẦN QUỐC AN	18010103	129	6.40	50	300001	Phương pháp học đại học Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	1 8					
2	11800223	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	18010105	126	6.22	57	503022 L00001 L00021	Cơ sở tin học 2 Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 2 8				183 201 K	0.0
3	11800225	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	18010108	130	6.14	60		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11800226	PHẠM NGỌC TRÂM ANH	18010107	130	6.83	48		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11800238	TRƯƠNG VĂN CHIẾN	18010103	130	6.34	58		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	11800285	NGUYỄN HỒ DẠ HƯƠNG	18010107	130	6.60	72		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	11800287	TRẦN NGỌC QUỲNH HƯƠNG	18010105	130	6.44	70		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	11800290	HUỲNH QUANG HUY	18010101	128	6.72	41	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn GDTC 1	2 1 8 1			0 0		
9	11800106	NGUYỄN VĨ KHANG	18010102	133	6.67	67		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	11800018	TRẦN MINH KHÔI	18010102	130	6.72	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	11800301	NGUYỄN LÊ DIỆU KIỀU	18010103	130	6.66	61		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	11800110	NGÔ PHƯƠNG LINH	18010104	130	6.41	39		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	11800311	PHAN BẢO LINH	18010108	130	6.89	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	11800320	CHÂU NỮ THÁI MINH	18010102	130	6.51	62		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	11800113	HOÀNG KHẮC NAM	18010104	130	6.01	93	503022	Cơ sở tin học 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 8				191	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	11800329	HUỖNH KIM	NGÂN	18010106	130	6.14	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	11800337	LÝ THỊ KIM	NGỌC	18010103	130	6.71	66		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	11800024	TRẦN THANH	NGỌC	18010104	136	6.57	60		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	11800347	TRẦN THẢO	NGUYỄN	18010103	130	6.43	64		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
20	11800358	VÕ TRẦN NGUYỄN	NHƯ	18010105	130	6.40	70		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	11800126	NGUYỄN THÙY KHÁNH	QUYÊN	18010107	130	6.52	63		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	11800383	HÀ NGỌC	TÁ	18010108	128	6.46	66	D01001 101CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	 2 8				221	2.0
23	11800393	NGUYỄN THIÊN	THANH	18010103	133	6.30	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	11800398	TRẦN THỊ	THẢO	18010102	129	6.29	73	300001	Phương pháp học đại học Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	1 8					
25	11800404	LÊ VÕ ANH	THƯ	18010101	130	6.27	79		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	11800039	MAI HOÀNG	THY	18010104	130	7.21	78		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
27	11800040	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	18010102	133	6.47	54		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
28	11800041	ĐỖ HOÀNG	TRÂM	18010101	130	7.40	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
29	11800423	NGUYỄN NGỌC NHẢ	TRÂN	18010104	126	6.07	72	503022 100013	Cơ sở tin học 2 Luật xa gần Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 2 8				191	4.2
30	11800443	NGUYỄN TRẦN NHẢ	UYÊN	18010107	130	6.21	62		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
31	11800458	HUỖNH THỊ TƯỜNG	VY	18010106	130	6.42	79		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế công nghiệp

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học140

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11800473	NGUYỄN QUỐC	DUY	18010201	132	6.56	75		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11800474	LÊ TRẦN HẠNH	DUYÊN	18010201	138	7.28	67	503022	Cơ sở tin học 2	2				183	0.0
3	11800098	HUỲNH LÊ THANH	HÀ	18010201	135	6.19	78		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11800486	CAO NGỌC PHƯƠNG	THÙY	18010201	128	5.89	44	100091	Cơ sở tạo hình	4				182	4.0
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế nội thất

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11800495	TÔ THỊ NGỌC	BÍCH	18010302	130	6.33	56		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11800509	ĐỖ THỊ MỸ	HẠNH	18010301	129	6.85	59		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11800527	VÕ TĂNG TUỆ	NGHI	18010303	128	6.77	54	103CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11800065	NGUYỄN THÙY	NGUYỄN	18010301	130	6.75	65		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11800534	ĐẶNG HÙNG	NHẬT	18010303	138	7.69	46		Chưa đạt điều kiện rèn luyện						
6	11800183	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	18010302	130	7.06	78		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	11800567	NGUYỄN THỊ QUYỀN	TRANG	18010302	130	6.83	60		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

139

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11900003	LƯƠNG GIA	ANH	19010104	131	6.80	68		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11900205	NGUYỄN THÀNH	CHIẾN	19010102	131	7.02	93		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11900208	NGUYỄN CHÍ	ĐẾ	19010104	131	6.52	80		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11900209	HỒ THỊ TRÚC	DIỆP	19010101	131	6.34	61		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11900017	TRƯƠNG NGỌC TRÚC	GIANG	19010105	131	6.59	76		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	11900216	NGUYỄN GIA	HÂN	19010102	131	6.56	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	11900018	PHAN MỸ	HÂN	19010105	131	7.07	71		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	11900021	NGÔ THỊ THU	HẢO	19010105	131	6.94	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	11900220	DƯƠNG PHÚC	HIỀN	19010102	131	6.51	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	11900221	NGUYỄN THANH BÍCH	HIỀN	19010101	131	6.14	80		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	11900022	TRẦN THỊ	HỒNG	19010105	131	6.38	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	11900226	VÕ LƯƠNG THỊ MAI	HỒNG	19010102	129	6.78	80	503021	Cơ sở tin học 1	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	11900023	NGUYỄN HOÀNG	HUY	19010105	129	6.65	73	503022	Cơ sở tin học 2	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	11900232	LẠI TRÚC ĐAN	KHANH	19010101	131	6.41	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	11900234	PHẠM THỊ KIM	KHOA	19010104	131	6.77	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
16	11900238	TRẦN PHƯƠNG	LAM	19010105	127	6.53	60	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				232	4.6
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	11900027	ĐỖ NHƯỢT	LAN	19010104	131	6.64	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	11900030	HÀ TẤN	LỘC	19010105	131	6.48	75		Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	11900247	PHAN MỸ	NGỌC	19010103	131	6.27	66		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	11900160	VŨ THỊ MINH	NGUYỆT	19010103	131	6.51	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	11900041	HỒ MÃN	NHI	19010101	131	7.53	87		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	11900251	HOÀNG VÕ QUỲNH	NHI	19010102	131	7.04	84		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
23	11900254	MAI TRẦN KHÁNH	NHI	19010105	131	6.83	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	11900255	NGUYỄN HOÀI YẾN	NHI	19010105	131	7.16	61		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
25	11900261	TRƯƠNG LÝ	PHÚ	19010104	131	6.95	65		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	11900053	ĐẶNG HỒNG	PHƯỚC	19010104	131	6.34	78		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
27	11900263	NGUYỄN KIM	PHƯƠNG	19010103	131	6.79	91		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
28	11900264	TRẦN HOÀNG ANH	QUANG	19010105	131	6.27	63		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
29	11900265	NGÔ ĐỨC	QUÝ	19010105	131	6.96	72		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
30	11900267	VÕ LÊ TRƯỜNG	SƠN	19010104	131	6.32	42		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
31	11900268	ĐINH THỊ NGỌC	SƯƠNG	19010102	129	6.83	84	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
32	11900271	NGUYỄN QUỐC	THÁI	19010101	131	7.08	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
33	11900272	TRỊNH VĂN	THÀNH	19010103	131	6.67	84		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
34	11900275	MAI HOÀNG	THÔNG	19010104	131	6.49	63		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
35	11900276	NGUYỄN HOÀI	THU	19010104	131	7.08	66		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
36	11900278	HUỲNH PHẠM THANH	THỨ	19010104	131	6.58	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
37	11900069	PHAN MINH	THỨ	19010102	131	6.45	87		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
38	11900070	BÙI NGUYỄN MAI	THY	19010104	131	6.99	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
39	11900072	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRÂM	19010105	131	6.31	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
40	11900079	LÊ HẢI	TRIỀU	19010105	126	7.35	81	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					201	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
41	11900083	TRẦN PHƯƠNG	TUỆ	19010103	126	7.24	76	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]							
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
42	11900298	LÊ THỊ HẢI	YẾN	19010101	131	6.67	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
43	11900299	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	19010103	131	6.54	72		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế công nghiệp

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học141

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11900301	ĐOÀN BẢO	AN	19010201	133	6.73	82		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11900304	ĐẶNG ĐỖ LAN	CHI	19010201	133	5.84	60		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11900092	HUỲNH NGỌC ĐĂNG	KHÁNH	19010201	136	6.92	85	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5	2		1		
4	11900311	DƯƠNG AN	LÀNH	19010201	136	6.72	78		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	11900319	NGUYỄN MINH	NHẬT	19010201	133	6.41	75		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	11900321	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	19010201	133	5.92	71		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	11900325	NGUYỄN NGỌC NHƯ	THẢO	19010201	133	6.26	63		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	11900328	PHAN NGUYỄN NHƯ	TRIỀU	19010201	130	5.95	75	102052	Chuyên đề 2 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	3 8				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế nội thất

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	11900369	NGUYỄN KIM KỲ	MÃN	19010302	131	6.31	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	11900372	VÕ HỒNG YẾN	MY	19010302	126	6.64	66	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]							
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
10	11900379	NGUYỄN ÁI	NGỌC	19010301	131	6.76	67		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	11900112	LÊ HẠNH	NGUYỄN	19010302	131	6.67	93		Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
12	11900381	TRƯƠNG TÂN KỲ	NGUYỄN	19010301	131	6.56	67		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	11900114	ĐOÀN HẠNH	NHI	19010303	129	6.67	65	503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
14	11900115	HỒ HOÀNG NGỌC	NHI	19010301	126	6.52	71	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]							
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
15	11900383	VÕ THỊ TUYẾT	NHI	19010302	134	6.63	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
16	11900117	BÙI THỊ HUỖNH	NHƯ	19010303	131	6.31	73		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	11900120	TRƯƠNG HUỖNH	NHƯ	19010302	131	6.85	94		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	11900387	LẠI NGỌC THIÊN	PHƯƠNG	19010302	134	6.60	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	11900187	MANG THỊ NHƯ	QUỖNH	19010302	134	6.27	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
20	11900398	NGUYỄN NGỌC MINH	THÚY	19010303	131	6.82	94		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	11900403	NGUYỄN LÊ BẢO	TRÂM	19010303	131	7.01	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	11900131	TRẦN THỊ THU	TRÂM	19010303	131	6.89	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế nội thất

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
23	11900405	PHAN THỊ NGỌC	TRẦN	19010303	131	6.58	73		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	11900415	HUỖNH LÝ HOÀNG	VŨ	19010301	131	6.87	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
25	11900136	HUỖNH THỊ TRÚC	VY	19010303	131	6.38	71		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	11900418	NGUYỄN LÊ THỦY	VY	19010303	131	6.47	73		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế thời trang

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thời trang

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11900138	NGÔ LÊ CƯỜNG	DUY	19010401	130	6.65	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11900142	LÊ THỊ MỸ	NGỌC	19010401	130	7.38	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11900439	VÕ THANH	NHỊ	19010402	128	6.75	74	503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	11900150	LÊ NGỌC	TRINH	19010402	128	6.82	66	503022	Cơ sở tin học 2	2				201	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế thời trang

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Thiết kế thời trang

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	11900422	PHÙNG KHÁNH	DUYÊN	19010401	128	6.98	79	503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	11900440	NGUYỄN THÙY BẢO	NHƯ	19010401	128	6.30	70	503022	Cơ sở tin học 2	2				192	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	11900151	PHAN THỊ CẨM	TÚ	19010402	130	7.49	86		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 161

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	119H0003	NGUYỄN PHONG	DOANH	19H10101	151	7.80	70	101CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	119H0008	NGUYỄN KỶ	TRÂN	19H10101	151	6.94	49	101CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

139

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	12000316	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	20010103	131	6.94	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	12000014	TRẦN NAM	DI	20010101	134	6.38	79		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	12000321	TRẦN NAM	ĐỒ	20010106	131	6.86	80		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	12000330	LÊ THỊ MAI	HOA	20010102	131	7.54	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	12000228	BÙI TÂM	NGUYỄN	20010103	131	6.69	68		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	12000344	LÊ PHÚC	NGUYỄN	20010106	131	7.24	80		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	12000058	TÔ PHẠM MỸ	NGUYỄN	20010104	131	7.23	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	12000348	HOÀNG THỊ TÚ	NHÂN	20010103	131	6.96	78		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	12000232	NÔNG ĐỨC	NHÂN	20010103	129	6.45	76	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.9
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	12000062	MAI YẾN	NHI	20010105	131	6.32	76		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	12000235	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	20010105	131	6.40	75	D01001	Bơi lội						
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	12000237	LÊ KHẮC PHƯƠNG	OANH	20010105	131	6.92	78		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	12000356	NGUYỄN TRANG HẢI	PHƯƠNG	20010106	127	6.54	96	503021	Cơ sở tin học 1	2				212	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	12000358	LƯU NHẬT	QUANG	20010103	131	7.01	73		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	12000078	VÕ NGỌC DIỄM	QUỲNH	20010103	131	7.07	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
16	12000079	NGUYỄN CAO	SANG	20010101	137	6.47	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	12000080	PHAN THÀNH	TÀI	20010102	131	6.76	80		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	12000249	PHAN PHƯƠNG	THẢO	20010103	131	6.80	87		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	12000368	HÀU THỊ THANH	TRANG	20010105	131	7.15	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
20	12000369	NGUYỄN THỊ HOA	TRANG	20010102	131	7.13	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
21	12000101	TRƯƠNG THỊ THÚY	VY	20010103	131	6.86	97		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế nội thất

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	12000430	NGUYỄN THỰC	ĐAN	20010304	131	7.41	84		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	12000437	NGUYỄN THỊ DIỆP	HÀ	20010304	126	7.28	91	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]							
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
3	12000121	HỒ GIA	HÂN	20010301	129	6.84	82	103CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	12000440	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	20010304	131	7.01	71		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	12000463	NGUYỄN MINH	NHẬT	20010304	131	7.26	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	12000471	LÊ HOÀNG	PHÚC	20010304	131	6.75	65		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	12000295	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	20010303	131	7.53	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	12000490	ĐỖ HUỲNH GIA	TƯỜNG	20010304	134	7.04	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	12000492	NGUYỄN THÚY	VĂN	20010304	131	7.39	95		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thiết kế đồ họa
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 161
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	120H0029	LÊ VĂN ANH	DŨNG	20H10101	153	6.85	68		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	120H0023	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	20H10101	148	6.38	66	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]						
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	120H0015	DƯ HOÀNG THANH	THỨ	20H10101	148	6.41	71	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 4					233	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
4	120H0043	NGÔ HẢI YẾN	VY	20H10101	153	7.08	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	21701013	LÝ NGỌC BÌNH	17020101	120	6.19	80	200010	Tập sự nghề nghiệp Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4 6				211	0.0
2	21701453	TRẦN NGUYỄN UYÊN	CHI	17020161	126	6.50	53	D01001 L00001 201CM1 L00025	Bơi lội Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3	 2 2 			212 212	3.0 K
3	21701016	ĐỖ THỊ ANH	ĐÀO	17020102	113	5.92	73	001203 200010 L00001 L00021	Tiếng Anh 3 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	5 4 2 			193 222 191	E 0.0 0.0
4	21701032	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	17020102	113	6.06	74	001203 200010 201CM1	Tiếng Anh 3 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	5 4 2 			192 233	P 0.0
5	21701033	VÕ NGỌC	HÂN	17020102	124	6.66	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
6	21701034	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	17020102	115	6.24	76	001203 200010	Tiếng Anh 3 Tập sự nghề nghiệp	5 4 			183 211	P 0.0
7	21701216	PHAN THỊ THU	HIỀN	17020103	124	6.33	57		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
8	21701274	TRẦN THỊ THU	LOAN	17020102	120	6.41	66	200010	Tập sự nghề nghiệp Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4 6			202	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
9	21701074	NGUYỄN NGỌC TRÀ	NGÂN	17020102	120	5.74	59	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				211	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
10	21701310	LÝ ĐẶNG PHIÊN	NHI	17020102	114	5.99	61	201044	Kế toán quốc tế	4				202	4.7
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
11	21701316	HUỖNH CẨM	NHƯ	17020103	124	6.30	65		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
12	21701327	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	17020101	120	7.06	57	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				202	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
13	21701142	LÊ HỮU	TOÀN	17020102	124	6.88	60		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	21701417	VŨ THỊ	TRANG	17020161	120	6.30	74	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				211	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
15	21701426	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	17020102	120	5.84	46	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				211	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	217H0043	NGUYỄN NGỌC	HẢI	17020112	139	5.99	50	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								001215	Global Citizen English 5	9					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
2	217H0048	PHẠM HIẾU	HẠNH	17020111	149	5.99	50		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	21701290	LÊ THỊ VIỆT	NGA	17020112	155	6.19	47	D01001	Bơi lội					232	2.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
4	217H0095	LÊ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	17020111	135	4.99	76	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								001214	Global Citizen English 4	8				181	0.0
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	217H0103	NGUYỄN PHÚ	THÀNH	17020111	148	5.78	75	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6		2			
6	217H0118	TRẦN NGỌC	TRINH	17020110	141	5.87	52	001215	Global Citizen English 5	9					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	217H0126	HUYỀN ĐÀO KHƯƠNG	VINH	17020111	149	5.46	59		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	217H0068	VƯƠNG GIA	LINH	17020110	122	5.21	56	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								001215	Global Citizen English 5	9					
								201053	Kinh doanh và Tài chính	4				221	4.8
								201113	Kế toán quản trị 2	4				222	4.8
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	21800436	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	18020103	127	7.00	77	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	21800224	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	EM	18020103	123	6.82	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	21800495	HOÀNG THỤY NGỌC	LAN	18020101	123	7.53	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
4	21800497	PEH YU CHIA	LINDAA	18020103	121	6.80	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	21800277	DƯƠNG THỊ KIM	LOAN	18020103	123	6.09	70		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
6	21800287	TRẦN THỊ DIỄM	MY	18020101	121	5.95	73	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	21800116	PHẠM THỊ ANH	THƯ	18020102	127	7.15	76	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					212	K
8	21800394	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	TUYỀN	18020102	123	6.92	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
9	21800397	ĐẶNG HÀ SONG	UYÊN	18020161	118	6.18	65	201105	Kế toán thuế và khai báo thuế	3				222	4.8
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	218H0396	NGÔ THÙY	DƯƠNG	18H20103	146	6.39	61	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
2	218H0402	NGUYỄN THUY NAM	GIANG	18H20102	146	6.15	72	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
3	218H0413	NGUYỄN THANH THANH	HƯƠNG	18H20104	146	7.21	86	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
4	218H0183	TẠ THỊ QUỲNH	HƯƠNG	18H20104	146	6.48	77	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
5	218H0193	NGUYỄN THỊ KIỀU	KHANH	18H20104	145	6.06	70	503034 211CM1	Cơ sở tin học 3 Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	1 2 6					
6	218H0419	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	18H20102	148	5.84	80		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	218H0198	NGUYỄN BÙI THANH	LAM	18H20101	142	6.90	67	211CM1 L00001	Kỹ năng thực hành chuyên môn Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 2 6	2		1		
8	218H0443	TRẦN THỊ BẢO	NGỌC	18H20103	146	6.60	79	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
9	218H0249	HUỲNH CẨM	NHI	18H20104	146	6.04	66	D01001 211CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	 2 6				221	2.0
10	218H0259	SỖ BẢO	NHI	18H20103	146	6.73	80	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
11	218H0064	PHẠM THỊ HUỲNH	NHƯ	18H20103	146	6.14	82	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
12	218H0071	ĐOÀN YẾN	PHƯƠNG	18H20101	146	7.11	66		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
13	218H0293	TUỖNG THỊ PHƯƠNG	QUỲNH	18H20104	148	6.84	64		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	218H0461	PHẠM HOÀNG MINH	THANH	18H20102	148	7.06	77		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
15	218H0301	NGUYỄN ĐẶNG XUÂN	THẢO	18H20103	141	6.40	77	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2		25			
									INSPIRE ENGLISH	30					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
16	218H0321	NGUYỄN HẠNH ANH	THỨ	18H20104	146	6.20	79	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
17	218H0344	NGÔ PHƯƠNG	TRÂM	18H20101	146	6.18	78	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
18	218H0488	NGÔ THẢO	UYÊN	18H20104	146	6.15	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
19	218H0493	NGUYỄN TRƯỜNG	VINH	18H20103	144	6.61	28	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	21900459	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	19020102	130	6.85	85	D01001	Bơi lội					221	2.0
2	21900463	VÕ THỊ KIM	ANH	19020101	122	6.90	79	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	21900443	ĐẶNG THÀNH	DANH	19020161	122	6.71	85	D01001	Bơi lội					222	0.0
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
4	21900444	NGÔ THỊ BẢO	HÂN	19020161	122	6.75	90	D01001	Bơi lội					222	2.0
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	21900445	PHẠM MAI	HÂN	19020161	128	6.78	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	21900101	NGUYỄN MINH	KHÔI	19020101	118	5.92	63	200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	21900480	TRẦN ĐĂNG THIÊN	KIM	19020102	117	6.67	89	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2	2		1		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
8	21900118	LÊ PHƯƠNG YẾN	LINH	19020102	122	6.62	92	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
9	21900140	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	19020101	124	6.69	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
10	21900152	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	19020161	121	6.15	90	B02084	Lý thuyết tài chính và tài chính doanh nghiệp	3				212	4.7
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
11	21900153	TRẦN NGỌC KIM	NGÂN	19020102	128	7.04	77	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	21900451	TRỊNH MINH	NGỌC	19020161	116	6.44	86	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4					
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
13	21900505	PHẠM MINH	PHƯƠNG	19020101	117	6.33	63	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2	2		1		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	21900315	ĐÌNH THUY NGỌC	TRÂM	19020102	122	6.08	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
15	21900333	NGÔ PHƯƠNG	TRANG	19020102	122	6.35	76	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
16	21900526	NGUYỄN MINH	TRANG	19020101	122	6.76	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
17	21900338	TRẦN NGỌC THẢO	TRANG	19020102	122	6.50	92	D01001	Bơi lội					221	2.0
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
18	21900392	VÕ HOÀNG	VY	19020101	122	6.25	77	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
19	21900399	TRẦN HOÀNG	YẾN	19020102	122	6.83	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	219H0003	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	ÂN	19H20101	147	6.99	81	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
2	219H0103	LÊ HÀ PHƯƠNG	ANH	19H20103	147	7.35	84	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
3	219H0112	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	19H20103	140	5.90	71	503022 503034 201106 211CM1	Cơ sở tin học 2 Cơ sở tin học 3 Kiểm toán Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 1 4 2 6				201 232	0.0 4.8
4	219H0113	NGUYỄN ANH	ĐÀO	19H20103	147	6.48	88	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
5	219H0114	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	19H20101	147	6.97	92	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
6	219H0079	NGUYỄN TRẦN MỸ	DUYÊN	19H20102	144	6.43	79	503021 503034 211CM1	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 3 Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 1 2 6					
7	219H0081	ĐOÀN TRẦN HOÀNG	KIM	19H20104	149	7.32	84		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
8	219H0145	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	19H20101	147	6.60	88	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
9	219H0154	ĐẶNG NGỌC	MY	19H20102	147	6.90	90	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
10	219H0029	PHẠM TRÀ	MY	19H20101	147	6.26	89	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
11	219H0084	NGUYỄN LÊ ÁNH	NGÂN	19H20104	149	6.40	93		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
12	219H0164	HOÀNG THỊ NHƯ	NGỌC	19H20102	150	7.12	73	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	5	2		1		
13	219H0171	TRẦN THANH	NHÂN	19H20104	143	6.06	61	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	219H0185	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	19H20101	147	6.70	91	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
15	219H0188	NGUYỄN TRẦN HOÀI	PHƯƠNG	19H20102	147	6.49	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
16	219H0196	HUỖNH NHƯ	QUỖNH	19H20103	147	7.19	94	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
17	219H0204	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THANH	19H20102	147	6.94	94	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
18	219H0092	LÊ PHƯỚC	THẢO	19H20104	149	7.80	94		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
19	219H0213	NGUYỄN MINH	THƯ	19H20102	147	6.13	73	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
20	219H0234	HUỖNH LƯU THANH	TRÚC	19H20104	147	6.54	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
21	219H0243	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	19H20101	147	6.50	79	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
22	219H0248	NGUYỄN ANH YẾN	VY	19H20102	147	6.30	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
23	219H0253	NGUYỄN HOÀNG YẾN	19H20102	147	6.53	95	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	22000011	ĐẶNG NGUYỄN TRÂM	ANH	20020101	122	7.76	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
2	22000334	KHÀ NGỌC	ANH	20020161	117	6.84	84	L00040 201CM1	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	5 2 6	2		1		
3	22000337	VŨ MINH	ANH	20020102	122	6.98	84	D01001 201CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	 2 6				232	4.0
4	22000338	LÊ NGỌC	ÁNH	20020101	122	7.09	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
5	22000339	NGUYỄN THỊ THU	ÁNH	20020101	122	7.62	90	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
6	22000340	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	20020101	122	6.77	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
7	22000455	CHẾ THỊ NGỌC	BÍCH	20020161	122	7.02	83	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
8	22000311	PHẠM THỊ THU	CÚC	20020161	122	6.90	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
9	22000341	VƯƠNG TRÍ	ĐẠT	20020102	110	6.63	84	201085 204020 200010	Hệ thống thông tin kế toán Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội Tập sự nghề nghiệp	4 4 4				233 233 233	0.0 0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
10	22000343	NGÔ NGUYỄN THỰC	ĐOÀN	20020101	122	7.00	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
11	22000344	TRẦN VĂN	ĐOÀN	20020102	122	7.48	82	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
12	22000345	LÊ THỊ NGỌC	ĐỨC	20020102	122	6.75	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
13	22000346	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	20020102	122	6.98	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	22000035	NGUYỄN HOÀNG	DUNG	20020101	122	6.77	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
15	22000350	NGUYỄN TRƯỞNG THÚY	DUY	20020102	122	6.98	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
16	22000351	TRẦN THÁI MỸ	DUY	20020102	122	7.20	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
17	22000352	BÙI NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	20020161	122	6.60	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
18	22000353	HUỲNH THỊ TIỀN	GIANG	20020101	122	7.04	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
19	22000356	VÕ QUỲNH	GIANG	20020101	122	7.75	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
20	22000357	PHẠM THỊ	HÀ	20020102	122	7.36	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
21	22000053	HỒ HIẾU HÂN	20020101	122	6.61	76	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
22	22000359	TỔNG THỊ NGỌC HÂN	20020102	122	6.72	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
23	22000247	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	20020101	122	7.41	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
24	22000360	LÝ GIAI HIỀN	20020101	122	7.21	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
25	22000065	HUỲNH VĂN HIỆP	20020101	122	7.19	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
26	22000457	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	20020161	122	7.50	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
27	22000248	BÙI NGỌC HƯƠNG	20020101	122	6.91	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
28	22000361	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	20020101	122	7.54	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
29	22000363	NGUYỄN THẢO HUỲNH	20020102	118	6.29	86	201057 201CM1	Kế toán tài chính 1 Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4 2 6				212	4.0
30	22000365	LƯƠNG VĨ KIÊN	20020102	122	7.18	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
31	22000366	NGUYỄN THANH TUẤN KIẾT	20020101	122	7.35	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
32	22000368	VÕ THỊ THANH KIỀU	20020102	122	6.81	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
33	22000370	ĐẶNG TRÚC LINH	20020102	122	6.60	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
34	22000254	LÂM THỊ NGỌC LINH	20020101	110	5.81	86	201085	Hệ thống thông tin kế toán	4				233	0.0
							204020	Báo cáo tài chính và trách nhiệm xã hội	4				233	
							200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
35	22000371	NGUYỄN THỊ CẨM LINH	20020102	115	6.31	88	201057	Kế toán tài chính 1	4				212	4.7
							201105	Kế toán thuế và khai báo thuế	3				232	4.3
							201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
36	22000375	TRẦN THỊ NGỌC LỰA	20020102	122	7.15	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
37	22000378	TRƯƠNG THỊ THANH MAI	20020102	122	7.46	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
38	22000094	LÝ MINH MÃN	20020101	122	7.18	82	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
39	22000379	NGUYỄN TIỂU MY	20020102	122	7.28	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
40	22000380	TRẦN THANH MY	20020161	122	7.11	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
41	22000384	MAI THỊ NGÂN	20020102	122	6.68	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
42	22000316	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	20020161	122	6.82	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
43	22000101	TRỊNH BỬU	NGÂN	20020101	122	7.10	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
44	22000386	TRƯƠNG THỊ NHƯ	NGỌC	20020101	122	7.90	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
45	22000268	LÊ NGỌC THẢO	NGUYỄN	20020101	122	7.95	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
46	22000387	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	20020101	122	7.38	83	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
47	22000388	ĐỒNG XUÂN	NHÂN	20020102	122	7.10	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
48	22000460	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	20020161	122	6.12	83	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
49	22000395	TRẦN NGỌC LINH	NHI	20020102	122	7.14	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
50	22000396	TRẦN THỊ TUYẾT	NHI	20020102	122	7.04	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
51	22000398	VÕ THỊ BẢO	NHI	20020161	122	6.61	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
52	22000401	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	20020161	122	6.55	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
53	22000402	VÕ QUỲNH	NHƯ	20020102	122	6.67	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
54	22000403	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	20020102	122	7.11	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
55	22000405	NGUYỄN THỊ THANH	OANH	20020102	122	6.99	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
56	22000138	ĐẶNG THIÊN	PHÁT	20020101	122	7.06	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
57	22000406	LÊ HỒNG	PHÚC	20020102	122	6.88	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
58	22000066	TRẦN HOÀNG	QUY	20020101	122	6.73	79	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
59	22000408	NGUYỄN THÀNH	TÂM	20020101	122	6.97	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
60	22000409	VÕ THU	THANH	20020102	122	7.60	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
61	22000410	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	20020101	122	7.25	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
62	22000412	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20020161	122	6.84	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
63	22000413	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	20020102	122	6.81	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
64	22000164	NGUYỄN MINH	THI	20020101	122	7.06	83	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
65	22000414	TRỊNH THỊ MAI	THI	20020102	122	7.02	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
66	22000416	NGUYỄN NGỌC	THU	20020101	122	7.33	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
67	22000463	HÀ THỊ HUYỀN	THƯƠNG	20020161	113	8.10	83	001413 200010 201CM1	Tiếng Anh 3 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	5 4 2 6				211	P
68	22000417	TRẦN THỊ HUYỀN	THƯƠNG	20020161	122	7.35	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
69	22000293	LÊ PHƯƠNG	THỦY	20020101	122	7.16	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
70	22000419	NGUYỄN THỊ XUÂN	THỦY	20020102	122	7.72	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
71	22000189	NGUYỄN HUỲNH	TRÂN	20020101	122	7.16	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
72	22000421	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	20020161	122	7.04	78	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
73	22000422	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	20020102	122	7.46	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
74	22000423	TRẦN THẢO	TRÂN	20020102	122	7.13	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
75	22000424	TRỊNH TÚ	TRÂN	20020161	122	6.31	84	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
76	22000425	TRƯƠNG BẢO	TRÂN	20020102	122	7.79	82	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
77	22000464	ĐÀO THỊ TRANG	20020161	122	6.30	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
78	22000426	ĐÀO THỊ MỸ	20020102	123	7.07	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
79	22000428	HOÀNG THỊ THU	20020102	122	7.29	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
80	22000432	PHẠM THỊ TRANG	20020102	122	6.51	82	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn GDTC 1 Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6	1		0		
81	22000433	TRẦN THỊ THANH	20020102	122	6.88	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
82	22000434	HÀ THỊ MINH	20020102	122	6.64	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
83	22000326	TRẦN THỊ NGỌC	20020161	122	6.77	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
84	22000436	TRỊNH NGUYỄN CÁT	20020161	122	6.93	83	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
85	22000214	NGUYỄN PHÙNG ĐIỂM	20020101	122	7.13	84	D01001 201CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	 2 6				222	R
86	22000216	PHAN HOÀNG PHƯƠNG	20020101	122	7.42	88	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
87	22000440	NGUYỄN THỊ THÙY	20020101	122	7.35	86	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
88	22000217	LÊ ĐOÀN YẾN	VI	20020101	122	8.47	89	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
89	22000220	PHẠM TƯỜNG	VI	20020101	122	7.07	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
90	22000444	TRẦN NGUYỄN THÚY	VY	20020102	122	6.90	87	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
91	22000331	VÕ THỊ	XUÂN	20020161	122	6.53	81	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
92	22000467	NGUYỄN THỊ	YẾN	20020161	122	6.79	85	201CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	220H0001	HUỖNH THÚY	AN	20H20104	147	7.83	78	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
2	220H0003	HOÀNG MINH	ANH	20H20105	147	6.81	88	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
3	220H0314	PHAN VÂN	ANH	20H20101	147	7.06	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
4	220H0326	BÙI PHÁT	ĐẠT	20H20105	124	5.73	92	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								D01001	Bơi lội					233	0.0
								201053	Kinh doanh và Tài chính	4				232	4.3
								201109	Kế toán quốc tế 2	4				233	0.0
								201056	Dịch vụ bảo đảm	4				233	0.0
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4					
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								001516	Tiếng Anh 6	5				221	P
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	220H0328	TRẦN THÀNH	ĐẠT	20H20104	147	6.45	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
6	220H0336	NGUYỄN XUÂN	ĐỒNG	20H20104	147	6.32	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
7	220H0194	NGUYỄN PHƯƠNG	DUYỄN	20H20102	147	7.24	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
8	220H0343	CÙ LÊ PHƯƠNG	HẰNG	20H20104	147	7.75	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
9	220H0348	NGUYỄN LÊ ĐIỂM	HIỀN	20H20105	147	6.12	82	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
11	220H0355	TRẦN NGỌC	HƯNG	20H20102	147	6.79	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
12	220H0360	NGUYỄN PHỤNG	HUY	20H20106	147	6.88	86	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
13	220H0362	TRẦN THÁI	HUY	20H20105	147	6.34	84	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
14	220H0214	NGUYỄN ĐIỀU	HUYỀN	20H20104	147	7.13	89	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
15	220H0380	LÊ HOÀNG KHÁNH	LY	20H20106	147	6.65	87	D01001 211CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	 2 6				232	H
16	220H0381	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH	LY	20H20101	147	7.77	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
17	220H0382	TRẦN NGUYỄN HOÀI	LY	20H20104	145	7.07	80	211CM1 001516	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tiếng Anh 6 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 5 6				221	P
18	220H0062	TRẦN TUẤN	MINH	20H20102	147	7.27	79	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
19	220H0064	PHAN THỊ NGỌC	MỸ	20H20101	147	6.85	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 6					
20	220H0070	TRANG TỐ	NGÂN	20H20106	125	6.15	81	503021	Cơ sở tin học 1	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5				241	
								201107	Kế toán quốc tế 1	3					
								201109	Kế toán quốc tế 2	4					
								201056	Dịch vụ bảo đảm	4				233	0.0
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4					
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
21	220H0406	BÙI MINH	NHẬT	20H20103	147	7.92	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
22	220H0085	CAO NGỌC HOÀNG	NHI	20H20102	147	7.64	89	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
23	220H0087	HỒ YẾN	NHI	20H20101	139	5.79	92	201109	Kế toán quốc tế 2	4				231	4.8
								200010	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
24	220H0414	TRƯƠNG BẢO	NHI	20H20102	147	7.54	83	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
25	220H0252	LÊ QUỲNH	NHƯ	20H20101	147	6.69	88	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
26	220H0416	VŨ THỊ TUYẾT	NHƯ	20H20104	147	7.18	84	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
27	22000137	CAO LÊ	PHÁT	20H20101	147	6.82	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
28	220H0423	NGUYỄN ĐÌNH THIÊN	PHONG	20H20103	147	6.35	67	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2	1		0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2						
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
29	220H0424	HUỖNH VẠN	PHÚ	20H20106	147	6.40	82	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
30	220H0432	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	20H20103	143	6.65	89	201109	Kế toán quốc tế 2	4				231	4.4
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
31	220H0449	TRẦN THỊ KIM	THOA	20H20103	143	6.76	82	201108	Kế toán mô phỏng 3	4				231	3.7
								211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
32	220H0127	LÊ HÀ THANH	THÚY	20H20101	147	7.36	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
33	220H0136	LÊ BẢO	TRÂN	20H20106	147	7.18	82	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
34	220H0477	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	TRINH	20H20104	147	7.12	87	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
35	220H0162	NGUYỄN ĐOÀN THẢO	VY	20H20106	147	7.18	85	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
36	220H0503	NGUYỄN PHƯƠNG TƯỜNG	VY	20H20101	147	7.74	84	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
37	220H0301	PHẠM HỒNG THẢO VY	20H20103	147	7.09	84	211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kế toán

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Chuyên ngành đào tạo : Kế toán quốc tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	219V0023	VÕ KHÁNH HÀ	20K20501	131	7.44	78	D01001	Bơi lội					191	6.2
							211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
2	220K0081	NGUYỄN THUY QUỲNH NHƯ	20K20501	127	6.39	77	205005	Kế toán doanh nghiệp	4				221	4.9
							211CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 135

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31702027	DƯƠNG TRẦN CẨM VÂN	17030201	129	7.09	96	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31703064	PHẠM CHÍ	BẢO	17030301	125	6.47	53	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31703088	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	17030302	126	6.57	72	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31703094	NGUYỄN ĐẶNG MINH	KHANG	17030302	123	7.09	54	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				203	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					203	K
4	31703106	TRẦN KHÁNH	LINH	17030302	125	6.25	58	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	31703114	TRẦN THỊ CẨM	NGÂN	17030302	127	6.96	74	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
6	31703116	LÊ THỊ THU	NGỌC	17030302	125	6.75	61	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	31703121	TRƯƠNG THANH	NGUYỆT	17030301	125	6.55	75	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	31703126	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	17030302	126	6.80	69	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	31703134	LÊ ĐỒNG BÍCH	PHƯỢNG	17030302	128	6.78	61	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				201	0.0
10	31703159	NGUYỄN HIẾU	THUẬN	17030301	125	6.53	62	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	31703169	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	17030302	124	6.56	61	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lữ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	31703058	PHẠM TRẦN KHÁNH VY	17030301	123	6.64	67	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công tác xã hội

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31704018	MAI CHÍ	DỪNG	17030401	120	5.99	37	304101	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31705072	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	17030501	123	6.09	70	201080	Kế toán và kiểm soát trong du lịch và nhà hàng, khách sạn	3				202	4.7
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31705046	TRẦN QUỐC TIẾN	17030501	127	7.36	76	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31705137	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VÂN	17030501	133	7.27	74	D01001	Bơi lội					201	3.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	317H0053	LÊ TIẾN ĐẠT	17030510	141	6.83	67	503022	Cơ sở tin học 2	2					
2	317H0077	NGUYỄN HỒ THU HIỀN	17030511	135	6.66	55	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 2	1			0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
3	317H0188	TRẦN THỊ HOÀNG UYÊN	17030511	138	6.17	50	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 135

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31800810	HÀ GIA	OANH	18030201	125	6.51	65	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31800816	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	18030201	129	6.62	69	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31800499	ĐẶNG THẢO	VÂN	18030201	127	6.21	63	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 135

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31800321	LÊ HOÀNG LAN ANH	18030202	129	6.29	44	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lữ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31800518	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	18030302	127	7.36	75	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
2	31800169	HUỖNH THỊ NGỌC	DUYỀN	18030302	131	7.24	67	D01001	Bơi lội					202	3.0
3	31800171	TRẦN BẠCH	HÀO	18030301	125	6.86	74	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	31800889	BÙI THỊ	LINH	18030302	126	6.97	76	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	31800890	LÊ TRỊNH NGÂN	LINH	18030301	125	6.81	71	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	31800550	THÁI TIỂU	MY	18030302	125	6.81	68	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	31800568	ĐOÀN VĨNH	PHÁT	18030301	126	6.97	93	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	31800911	TRỊNH NGỌC	PHÁT	18030301	125	7.07	75	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	31800912	THANG CHÂU	PHONG	18030301	125	7.28	73	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công tác xã hội

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31800646	LÊ NGUYỄN KIM	SANG	18030401	122	7.04	72	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								304101	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								304CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31801037	TRẦN KHÁNH DUY	18030502	128	6.74	80	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	51800694	NGUYỄN THANH LỘC	18030502	129	7.03	79	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31801102	NGUYỄN LÊ HỒNG NHUNG	18030502	128	6.26	74	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	31801113	LÊ NHƯ QUỲNH	18030501	125	5.87	68	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	31801132	LÊ THỊ KIỀU TIỀN	18030502	128	6.70	64	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	31800757	HUỲNH ĐANG TRƯỜNG	18030502	121	6.63	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4					
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	318H0138	LÊ VĂN AN	18H30502	136	6.34	53	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
2	318H0347	LÊ THỊ VÂN ANH	18H30502	139	6.62	73	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	318H0146	TRẦN QUẾ ANH	18H30502	131	6.98	75	303104	Chuyên đề tổng hợp	6					
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4					
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	318H0348	TRẦN VIỆT ANH	18H30502	137	6.68	57	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	318H0149	TRỊNH THỊ NGỌC ANH	18H30504	137	6.53	65	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	318H0349	VŨ KIM NHẬT ANH	18H30502	135	6.85	65	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
7	318H0161	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	18H30504	137	6.71	71	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	318H0031	NGÔ TUYẾT HỒNG	18H30504	138	6.29	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	318H0051	VƯƠNG PHƯỚC LONG	18H30502	137	6.15	62	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học143

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10	318H0413	NGUYỄN VÕ THÀNH NHÂN	18H30502	139	6.60	41	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					212	K
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
11	318H0252	VÕ TRỌNG	18H30502	137	7.24	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	318H0079	NGUYỄN LÊ	18H30504	141	6.78	57	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
13	318H0431	NGUYỄN THỊ HỒNG	18H30502	137	6.43	67	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
14	318H0272	NGUYỄN THỊ KIM	18H30501	137	6.77	68	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	318H0285	NGUYỄN NGỌC ĐAN	18H30501	137	7.15	83	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	318H0466	NGUYỄN THỊ CẨM	18H30501	137	7.20	74	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	318H0331	TRƯƠNG THỊ NGỌC	18H30502	135	6.50	62	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					191	K

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					221	K
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	318H0338	PHẠM NGUYỄN HẠ VY	18H30501	134	6.19	70	503022	Cơ sở tin học 2	2				182	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				191	0.0
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31900829	TRẦN THANH BÌNH	BÌNH	19030201	130	6.74	83	D01001	Bơi lội					232	2.0
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31900835	VÕ NGỌC CHIÊU	ĐAN	19030201	130	6.38	73	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31900012	NGUYỄN NGÔ NHÃ	ĐÌNH	19030201	130	6.60	74	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	31900662	NGUYỄN LÊ HƯƠNG	GIANG	19030201	130	6.29	59	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	31900664	BÙI THỊ THANH	HÀ	19030201	132	7.11	80	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
6	51900649	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	19030201	130	7.34	93	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	31900043	CAO ĐỖ KHÁNH	LINH	19030201	130	6.78	93	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	31900861	NGUYỄN XUÂN	MAI	19030201	130	6.72	60	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	31900863	TRẦN THẢO	MY	19030201	130	7.07	73	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	31900865	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	19030201	130	6.88	69	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	31900883	HÀ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	19030201	130	6.84	67	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	31900086	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	19030201	128	6.76	96	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	31900888	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	19030201	130	7.05	72	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	31900907	LƯƠNG THỊ KIM TIỀN	19030201	130	7.19	82	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lữ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31900152	NGHIÊM NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	19030302	124	6.65	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31900154	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	19030302	124	6.73	79	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31900172	NGUYỄN THỊ	GIANG	19030302	124	7.10	77	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	31900179	NGUYỄN NGỌC LAM	HÂN	19030301	124	7.43	87	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	31900704	HUỲNH THỊ THÚY	HẰNG	19030301	124	7.19	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	31900194	TRẦN GIA	HUY	19030302	119	6.23	75	L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen					233	0.0
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								303110	Tập sự nghề nghiệp	4					
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	31900200	THÁI NHẬT	LINH	19030302	126	7.19	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	31900222	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	19030301	124	6.92	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	31900225	PHẠM THỊ TUYẾT	NGÂN	19030301	124	7.02	90	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	01900718	NGÔ NGUYỄN NGUYỄN	NGỌC	19030301	124	6.17	72	D01001	Bơi lội					231	2.0
								303110	Tập sự nghề nghiệp	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	31900272	TRƯƠNG HỮU SANG	19030301	124	6.91	80		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	31900721	NGUYỄN NGỌC SƯƠNG	19030302	124	7.03	81		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	31900287	PHAN HỒNG THÔNG	19030301	124	6.97	91		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	31900289	LÊ TRẦN MINH THƯ	19030302	124	6.84	73		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	31900297	ĐINH THỊ MỸ THƯƠNG	19030302	124	6.81	90		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	31900727	HỒ HUỖNH GIA THUY	19030302	126	6.75	85		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	31900308	NGUYỄN NGỌC TRÂM	19030302	124	6.73	72		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	31900309	TRẦN NGỌC HUYỀN	TRÂM	19030301	130	7.14	90	D01001	Bơi lội					222	2.0
19	31900318	PHẠM THỊ KIM TRÚC	19030302	126	7.02	80		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	31900328	NGUYỄN THỊ KIM VÂN	19030302	122	6.35	70		503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	31900338	PHẠM THÚY VY	19030301	124	6.94	78		303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công tác xã hội

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31900349	TRƯƠNG NGỌC ANH	19030401	124	7.50	93	304101	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							304CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	31900745	PHAN THỊ KHẢ	ÁI	19030502	123	6.99	75	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	31900387	HUỖNH THỊ VÂN	ANH	19030502	123	6.93	74	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	31900996	NGUYỄN THANH	BỀN	19030501	125	7.16	94	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	31900750	PHAN THỊ THÙY	DUNG	19030501	123	6.34	71	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	31900440	THÁI NGỌC	HUYỀN	19030501	123	6.37	71	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	31900758	NGUYỄN HOÀNG YẾN	LINH	19030501	118	7.21	77	L00040 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
7	31900806	NGUYỄN THỊ HOÀNG	MAI	19030581	121	6.62	94	B03027 Quản trị tài chính trong du lịch	2				221	4.8
								303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	31900763	PHẠM HOÀNG TẤU	NAM	19030501	123	6.75	77	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	31900538	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	19030501	129	7.75	85	D01001 Bơi lội					221	2.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10	31900816	ĐÌNH THỊ	THẨM	19030581	119	6.45	86	503022	Cơ sở tin học 2	2				231	0.0
								B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				231	4.9
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	31900555	LÂM DUY	THANH	19030502	129	7.49	87		Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
12	31900558	TRẦN PHƯƠNG	THANH	19030581	127	6.93	89	503022	Cơ sở tin học 2	2					
13	31901027	VÕ HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	19030501	129	7.61	92	B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				231	4.6
14	31900569	LÊ HOÀNG ANH	THƯ	19030502	116	6.90	78	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				192	0.0
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2	2		1		
15	31900575	VŨ KHÁNH	THUẬN	19030502	123	6.65	69	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	31900578	LÊ THỊ BÍCH	THÙY	19030501	117	6.07	70	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				231	4.1
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	31900608	NGUYỄN NGỌC THANH	TRÚC	19030501	123	6.98	89	D01001	Bơi lội					212	3.0
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
18	31900627	ĐOÀN TUYẾT VẪN	19030581	123	6.50	78	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	319H0005	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	ANH	19H30503	133	7.41	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	319H0187	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	19H30504	133	6.82	75	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	319H0190	VŨ QUỲNH	ANH	19H30503	133	7.05	74	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4					
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	319H0010	VŨ VÂN	ANH	19H30501	135	6.80	76	503022	Cơ sở tin học 2	2				192	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	319H0194	NGUYỄN GIA THÀNH	BẢO	19H30501	130	6.71	82	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	319H0013	TRẦN GIA	BẢO	19H30501	131	6.72	90	B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				221	4.7
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	319H0197	NGUYỄN NGỌC ĐAN	CHÂU	19H30503	132	6.53	80	503034	Cơ sở tin học 3	1				233	0.0
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4					
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	319H0200	NGUYỄN KIM	CHI	19H30503	133	7.17	78	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	519H0150	CAO THÀNH	ĐẠT	19H30501	129	6.71	61	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	319H0022	PHẠM TRẦN MINH	DUY	19H30502	133	6.89	82	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	319H0025	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG	GIAO	19H30503	133	7.18	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	319H0214	ĐÌNH NHẬT	HOÀNG	19H30504	133	7.27	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	319H0227	NGUYỄN CẨM	LINH	19H30502	133	6.91	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	319H0228	THÓI NGUYỄN THU	LINH	19H30504	133	7.34	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	319H0231	VÕ THÀNH	LỢI	19H30503	132	6.65	68	302201	Quản lý thời gian hiệu quả	1					
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	319H0157	ĐÌNH NGỌC TUYẾT	MAI	19H30503	133	6.58	80	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	319H0233	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	19H30503	133	7.62	97	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	319H0237	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	MY	19H30503	133	6.52	82	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	319H0063	PHẠM THỊ BÉ	NGỌC	19H30501	133	7.23	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	319H0066	LỤC LÊ THẢO	NHI	19H30501	133	6.56	76	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
21	319H0256	NGUYỄN THANH	NHỰT	19H30501	133	7.04	82	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
22	319H0083	NGUYỄN NHƯ HOÀNG	PHÚC	19H30504	133	6.82	70	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
23	319H0084	NGUYỄN TRƯỜNG	PHƯỚC	19H30504	133	6.61	77	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
24	319H0265	LÂM QUÍ	QUÝ	19H30501	133	6.60	81	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
25	319H0100	NGUYỄN BÁ	THUẦN	19H30502	131	7.32	84	503021 Cơ sở tin học 1	2					
							503022 Cơ sở tin học 2	2						
							303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0	
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
26	319H0284	TẠ NGỌC MAI	THY	19H30504	133	7.41	85	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
27	319H0106	NGUYỄN NGỌC THỦY	TIỀN	19H30503	133	6.94	77	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ							
28	319H0289	PHAN TRƯƠNG BẢO	TRÂM	19H30503	133	7.09	76	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
29	319H0293	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	TRINH	19H30504	137	7.39	59	313CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	319H0118	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	TRINH	19H30503	133	6.98	85	303103 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	319H0297	TĂNG THANH	TRƯỜNG	19H30503	133	6.96	79	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	319H0300	NGUYỄN THÁI	TUẤN	19H30502	133	7.16	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	319H0302	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	19H30503	133	6.88	77	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	319H0181	PHẠM THẢO	VY	19H30502	133	7.11	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	319H0313	TRẦN HẢI	YẾN	19H30502	133	6.90	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

136

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	32000623	NGUYỄN HOÀNG AN	20030201	130	7.05	88	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
2	32000006	BÙI THỊ VÂN ANH	20030201	130	6.50	85	D01001 302103 302CM1	Bơi lội Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	 4 2				222 233	2.0 0.0
3	32000007	HỨA NGỌC KIM ANH	20030201	130	6.85	88	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
4	32000890	PHAN THỊ MINH CHÂU	20030202	130	7.11	90	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
5	32000031	TẠ MAI LAN CHI	20030201	130	7.39	87	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
6	32000892	TRẦN TIẾN ĐẠT	20030202	125	6.82	68	302103 302CM1 L00040 L00033	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	4 2 5				233	0.0
							Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		211	K
7	32000632	VÕ THỊ HỒNG DIỆP	20030201	130	7.95	99	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
8	32000897	ĐỖ NGỌC HÂN	20030202	130	6.92	87	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
9	32000056	LÊ TRẦN MỸ HÂN	20030201	130	6.96	89	302103 302CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10	32000898	NGUYỄN PHAN GIA HÂN	20030202	126	6.83	87	503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
							302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	32000059	VÕ TRẦN GIA HÂN	20030201	130	6.84	56	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	32000903	NGUYỄN HOÀNG NHỰT HUY	20030201	129	6.79	74	302113	Nhân học và những điều kiện nhân sinh	3				211	3.0
							302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	32000905	THIỀU ĐỨC HUY	20030201	130	7.38	98	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	32000649	TRẦN THỊ MỸ KHANH	20030201	130	7.53	88	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	32000907	VÕ NGỌC KIM	20030202	130	6.83	85	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	32000088	VÕ THÙY LAM	20030201	130	6.96	92	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	32000097	NGUYỄN THỊ TRÚC LINH	20030201	130	7.45	94	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	32000664	SÚ NGỌC NGA	20030202	130	7.10	85	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	32000915	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	20030202	130	7.60	95	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	32000917	HUỲNH THỊ KIM NGỌC	20030201	130	6.89	88	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
21	32000130	MAI TRÚC	NGỌC	20030201	130	7.07	84	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	32000921	VĂN THỊ MINH	NGỌC	20030202	125	7.03	76	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
23	32000922	BỒ TRỌNG	NGÔN	20030201	130	6.70	85	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	32000924	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	20030202	130	7.07	85	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	32000931	PHAN VŨ YẾN	NHUNG	20030202	125	7.97	78	302103	Tập sự nghề nghiệp	4					
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
26	32000932	TRƯƠNG THỊ MỘNG	NI	20030202	130	7.90	96	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	32000153	LÊ THÀNH	PHÁT	20030201	130	7.14	85	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	32000939	PHAN THỊ MỸ	PHỤNG	20030202	130	6.84	86	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	32000169	ĐÀO THẢO	QUYÊN	20030201	124	6.57	85	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				231	3.1
								503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	32000171	VĂN PHƯƠNG	QUYẾN	20030201	130	7.05	90	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	32000174	ĐẶNG THUY NGOC	QUỲNH	20030201	130	7.15	69	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	32000184	HUỲNH VIỆT	THẢO	20030201	130	7.24	89	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	32000185	NGUYỄN NHƯ	THẢO	20030201	130	7.43	93	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	32000186	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20030201	130	6.92	91	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	32000952	PHẠM THỊ THANH	THẢO	20030202	130	6.78	80	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	32000199	TRẦN THỊ ANH	THƯ	20030201	130	7.03	98	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	32000957	TRẦN BÉ	THƯƠNG	20030202	126	6.86	80	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				222	0.0
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	32000961	ĐÀO PHẠM DUY	TOÀN	20030202	132	6.70	97	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	32000963	LÊ THỊ BẢO	TRẦN	20030202	130	7.90	95	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	32000232	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	20030201	130	6.88	87	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	32000233	NINH THỊ QUỲNH	TRANG	20030201	130	6.97	70	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	32000236	ĐÌNH YẾN	TRINH	20030201	130	7.07	88	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	32000726	HOÀNG THIÊN	TRÚC	20030202	130	6.59	62	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	32000973	HOÀNG ĐỨC ANH	TÚ	20030202	130	6.92	65	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	32000974	TRẦN CÁT	TUỜNG	20030202	130	7.33	99	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	32000975	PHẠM QUANG	TUYẾN	20030202	130	7.32	87	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	32000976	NGUYỄN NGỌC KIM	TUYẾN	20030201	130	7.30	95	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	32000732	KIỂU LAN	UYÊN	20030202	130	7.51	90	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	32000977	NGUYỄN LÊ HOÀNG TRINH	UYÊN	20030202	130	6.89	96	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	32000978	TRẦN HẢI	UYÊN	20030202	130	7.35	95	302103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Xã hội học

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
51	32000982	NGUYỄN QUỐC VINH	20030201	130	6.95	52	302103	Tập sự nghề nghiệp	4						
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	32000986	LÊ HOÀNG VỸ	20030201	130	7.78	91	302103	Tập sự nghề nghiệp	4					233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	32000274	NGUYỄN TIỂU YẾN	20030201	130	7.37	92	302103	Tập sự nghề nghiệp	4					233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	32000989	TRIỆU NGUYỄN PHI YẾN	20030202	125	6.87	81	302103	Tập sự nghề nghiệp	4					233	0.0
								302CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5						
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1			
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1			



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	32001318	PHẠM THÚY AN	20030361	124	6.83	87	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	32000276	KIẾN THỊ NHƯ ANH	20030301	124	6.81	93	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	32000990	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	20030302	124	7.00	99	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	32000991	PHẠM NGÔ TÂM ANH	20030302	124	6.83	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	32001319	THÂN THỊ PHƯƠNG ANH	20030361	124	7.38	92	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	32000992	TRẦN ĐĂNG ANH	20030302	124	7.63	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	32000282	VÕ NGỌC ÁNH	20030361	124	7.01	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	32000283	ĐOÀN VŨ BẰNG	20030361	124	6.89	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	32000994	ĐIỀU GIA BẢO	20030301	124	7.22	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	32000284	NGUYỄN THỊ PHÚC BÌNH	20030301	124	7.57	96	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	32000995	DƯƠNG HỒNG CHƯƠNG	20030301	124	6.87	73	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	32000998	LÊ HỒ ĐIẾP	20030301	126	6.62	66	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	32000999	NGUYỄN THỊ	DIỆU	20030302	124	6.88	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	32000859	LÝ KIỀU	DUNG	20030361	124	7.90	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	32001005	NGUYỄN VĂN	DUY	20030302	124	7.02	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	32001007	NGUYỄN TRẦN KIM	DUYÊN	20030361	124	6.87	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	32000292	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	20030301	124	7.13	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	32001008	TRƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	20030301	124	7.06	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	32001009	ĐỖ THỊ TRÀ	GIANG	20030302	124	6.88	90	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	32001010	NGÔ NGUYỄN NGÂN	HÀ	20030302	124	7.07	84	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	32000750	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	20030301	124	7.00	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	32001014	TRẦN THỊ BẢO	HÂN	20030301	124	7.02	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	32001015	LÊ NGUYỄN THANH	HĂNG	20030301	124	7.29	87	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
24	32000751	THỊ HẢO	20030301	124	6.97	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	32001018	LÂM THANH HIẾN	20030302	124	7.49	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	32001022	ĐÌNH QUỐC HOÀNG	20030301	124	7.13	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	32001023	TRẦN ĐÌNH HOÀNG	20030302	124	7.05	81	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	32001321	PHẠM THỊ THẢO HƯƠNG	20030361	124	7.04	85	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	32001025	TRẦN THỊ MỸ HƯƠNG	20030302	119	7.16	85	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5				233	0.0
							303110	Tập sự nghề nghiệp	4					
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
30	32001026	PHẠM PHÚC HUY	20030302	124	7.33	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	32000311	NGÔ NHẬT KHÁNH	20030301	124	7.06	81	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	32000315	NGUYỄN TRÍ KIẾT	20030301	123	7.13	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	32000862	ĐOÀN THỊ DIỄM KIỀU	20030361	124	6.82	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lữ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
34	32001034	PHAN NGỌC QUẾ LÂM	20030301	126	7.49	96	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	32001035	PHAN THỊ NGỌC LAN	20030302	124	7.35	85	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	32001037	ĐẬU NGUYỄN KHÁNH LINH	20030301	119	6.88	81	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
37	32000757	TRƯƠNG THỊ KIM LOAN	20030301	124	6.98	87	D01001	Bơi lội					232	4.9
							303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	32001042	PHAN THÀNH LỢI	20030301	124	7.00	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	32001043	CÁI MINH LONG	20030302	124	7.34	85	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	32001044	HỒ THỊ MỸ LY	20030361	124	7.08	90	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	32001045	HUỖNH THỊ THANH MAI	20030301	124	7.09	92	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	32000328	HỒ HƠ MARY	20030301	124	7.49	90	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	32001052	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	20030302	124	6.94	90	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	32000330	HUỠNH THU	NGÂN	20030301	124	7.25	87	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	32001055	VÕ LÊ HIẾU	NGHĨA	20030302	124	7.37	73	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	32001059	TRƯƠNG TRỌNG	NHÂN	20030302	124	6.95	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	32000346	TRẦN BẢO	NHI	20030301	124	7.31	81	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	32001063	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	20030302	124	6.80	81	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	32001064	NGUYỄN HUỠNH	NHƯ	20030302	124	7.15	95	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	32001065	PHẠM NGỌC	NHƯ	20030302	124	7.50	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	32001068	NGUYỄN THỊ	OANH	20030302	124	7.68	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	32001069	QUÁCH THỊ LÂM	OANH	20030302	124	6.60	77	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	32000771	LƯU HOÀNG	PHONG	20030301	124	7.13	83	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	32001074	HỒ HỮU	PHƯƠNG	20030302	124	7.03	92	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lữ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐBTMH
55	32001076	HUỲNH THỊ TRÚC	PHƯƠNG	20030302	124	7.42	96	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	32000867	HUỲNH NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	20030361	124	7.09	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	32001080	NGUYỄN THỊ THẢO	QUYẾN	20030301	124	7.05	88	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	32001081	TRẦN HƯƠNG	QUỲNH	20030302	124	7.14	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	32001082	TRẦN LÊ HOÀNG	TÂM	20030302	124	7.23	93	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	32001084	LÂM THANH	TÂN	20030302	120	7.54	93	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								303110	Tập sự nghề nghiệp	4					
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	32001086	HỒ HỒNG	THẨM	20030361	124	7.20	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	32000774	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	20030301	124	7.44	86	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	32001089	NGUYỄN HỒ NGỌC	THẢO	20030302	124	7.51	87	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	32001091	NGUYỄN TIẾN	THÔNG	20030302	124	7.53	85	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	32000375	NGUYỄN NHẬT ANH	THỨ	20030301	124	7.39	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Lễ hành

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	32001093	NGUYỄN THỊ THỨ		20030302	124	7.06	89	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
67	32001101	BÙI MINH TRANG		20030361	124	7.25	91	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	32000384	LÊ THỊ HÀ TRANG		20030301	124	7.39	82	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	32001108	PHAN THỊ CẨM TÚ		20030302	122	6.92	95	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								D01001	Bơi lội					232	2.0
								303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	32000395	LÂM GIA TUẤN		20030301	124	6.83	95	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	32001109	PHAN THỊ THU UYÊN		20030301	125	6.78	78	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
72	32001113	TÔN THẮT ANH VŨ		20030302	124	7.18	92	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	32001114	CAO TƯỜNG VY		20030302	124	7.01	96	303110	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công tác xã hội

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 127

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	32000802	BÙI NGỌC MINH	THỨ	20030401	121	7.02	87	304101	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								304CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	32001177	NGUYỄN MINH	THỨ	20030401	121	7.60	84	304101	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								304CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	32001185	CHÂU LÊ PHƯƠNG	UYÊN	20030401	119	7.04	78	503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
								304101	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								304CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	32000466	LẠC ĐẶNG HOÀNG ANH	20030501	116	6.91	78	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							303122	Thực hành quản lý du lịch	2					
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
2	32001194	LÊ HÀ MINH ANH	20030502	123	7.10	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	32000468	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	20030501	123	8.15	94	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	32001202	TRẦN MINH CHÂU	20030502	123	7.47	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	32001206	LÊ THỊ KIM CƯƠNG	20030501	123	7.43	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	32001207	VÕ HẢI ĐĂNG	20030502	123	7.62	94	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	32001209	HOÀNG HẢI DƯƠNG	20030501	123	7.22	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	32001211	NGUYỄN QUỐC DUY	20030502	123	6.78	79	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	32001212	PHẠM ĐÌNH DUY	20030501	123	6.92	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	32001213	TRẦN PHẠM ANH DUY	20030501	125	7.07	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	32000485	NGUYỄN ĐỖ NAM	GIANG	20030501	123	6.90	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	32001215	HOÀNG THỊ	HÀ	20030501	123	6.97	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	32001220	DIỆP HỒNG	HÂN	20030501	123	7.19	71	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	32000491	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	20030501	123	7.80	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	32001221	VÕ NGUYỄN NGỌC	HÂN	20030502	123	7.36	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	32001222	NGUYỄN MAI	HẬU	20030501	123	7.37	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	32001223	TRẦN CÔNG	HẬU	20030501	123	7.32	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	32001224	NGUYỄN THÚY	HIỀN	20030502	123	7.58	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	32001225	NGÔ QUAN	HIẾU	20030501	123	7.44	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	32000497	LỮ PHÚC LỤC	HOA	20030501	123	7.10	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	32001228	LÊ THỊ TUYẾT	HỒNG	20030502	123	8.03	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
22	32001229	TRẦN LAI BỬU	HUẾ	20030502	123	6.87	82	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	32000821	NGUYỄN THỊ TRÂM	HƯƠNG	20030501	123	7.36	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	32000880	LÊ VIỆT	HUY	20030581	125	6.98	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	32000822	LƯU GIA	HUY	20030501	123	8.18	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	32001231	NGUYỄN CAO	HUY	20030501	123	7.79	66	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	32001329	ĐÌNH ĐOÀN MẠNH	KIÊN	20030581	121	7.05	77	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				232	4.9
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4					
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	32001236	LÊ THỊ MỸ	LIÊN	20030502	123	7.60	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	32000514	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	20030581	123	7.41	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	32000829	LÊ HOÀNG	MAI	20030501	123	7.13	64	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	32001242	LÊ THANH BẢO	MY	20030501	123	7.17	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	32001244	VÕ PHAN KIỀU	MY	20030581	123	6.80	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
33	32000521	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	20030501	123	6.90	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	32001248	TRỊNH BẢO	NGÂN	20030502	123	6.96	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	32000837	VÕ THỊ THANH	NGÂN	20030501	123	7.48	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	32000522	VÕ THÙY TUYẾT	NGÂN	20030501	123	7.09	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	32000525	LÂM THÀNH	NGHỊ	20030501	123	7.39	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	32000530	LƯU HỒNG	NGỌC	20030501	123	7.97	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	32001251	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	20030502	123	6.58	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	32000840	LÊ TRUNG	NGUYỄN	20030501	123	6.49	63	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	32001255	TRẦN THẾ	NHÂN	20030502	123	7.45	99	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	32000533	ĐẶNG YẾN	NHI	20030501	123	7.12	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	32000534	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	20030501	123	7.17	94	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	32001256	PHAN THỊ TUYẾT	NHI	20030502	123	7.52	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	32000536	NGUYỄN HỒNG	NHIÊN	20030501	123	7.30	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	32001258	ĐÌNH THỊ QUỲNH	NHƯ	20030501	123	7.68	97	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	32001261	NGUYỄN THỊ PHI	NHUNG	20030581	123	7.43	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	32001262	THÁI YẾN	NY	20030502	123	6.82	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	32001264	NGUYỄN HẢI	PHI	20030502	125	7.44	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	32001266	LƯU HỒ DIỄM	PHÚC	20030501	123	7.66	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	32000844	NGÔ QUANG	PHÚC	20030501	123	7.25	79	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	32001270	PHẠM THỊ LAN	PHƯƠNG	20030581	123	7.34	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	32001271	HOÀNG THỊ HỒNG	PHƯƠNG	20030581	123	7.39	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	32000549	NGUYỄN BÁ	QUỐC	20030501	123	7.98	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	32000555	TRỊNH LƯƠNG TRÚC	QUỲNH	20030501	123	7.25	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
56	32001278	BÙI THỊ MINH	TÂM	20030502	123	6.97	85	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	32001280	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	20030501	123	7.03	72	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	32001281	LÝ QUỐC	TẤN	20030502	123	7.79	99	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	32001282	TRỊNH VIỆT	THÂN	20030502	123	7.52	99	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	32001284	NGUYỄN THANH	THẢO	20030502	123	7.04	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	32000566	NGUYỄN UYÊN	THẢO	20030501	123	8.03	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	32000850	NGUYỄN TRỌNG KHOA	THI	20030501	123	7.30	98	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	32000852	ĐOÀN THỊ MINH	THU	20030501	123	8.33	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	32001288	VŨ THỊ	THU	20030502	123	6.99	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	32000579	TRẦN ANH	THỨ	20030501	123	8.00	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	32001290	NGUYỄN NGỌC HOÀI	THƯƠNG	20030502	123	7.58	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
67	32000581	TRẦN NHẢ	THUY	20030501	123	7.44	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học129

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	32001291	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	20030502	123	6.87	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	32000585	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	20030501	123	7.57	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	32000590	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRẦM	20030501	123	7.42	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	32001293	LÊ HUYỀN	TRÂN	20030581	123	7.20	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
72	32001294	NGUYỄN THỊ QUẾ	TRÂN	20030502	123	7.20	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	32000592	PHẠM NGỌC	TRÂN	20030501	123	8.40	100	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
74	32000593	PHẠM THỊ HUẾ	TRÂN	20030501	123	6.96	77	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	32000597	ĐẶNG MINH	TRÍ	20030501	123	7.73	97	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
76	32001296	NGÔ THỊ	TRINH	20030502	123	6.79	94	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
77	32000601	NGUYỄN THỊ	TƯ	20030501	123	7.80	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	32001299	LÊ THỊ KIM	TUYẾT	20030502	123	7.41	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
79	32001300	LÊ THỊ THU UYÊN	20030502	123	7.05	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
80	32001301	NGUYỄN HỮU MINH UYÊN	20030502	123	7.46	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
81	32001303	BÙI THỊ THÚY VI	20030502	123	7.14	87	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
82	32000610	ĐỖ PHẠM TƯỜNG VI	20030501	120	6.72	87	303073	Quản lý chiến lược trong du lịch	3				231	4.3
							303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
83	32001306	CAO THỊ THẢO VY	20030502	123	7.52	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
84	32001309	TRỊNH VŨ NHƯ Ý	20030502	123	7.58	90	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
85	32001310	LÊ THỊ NGỌC YẾN	20030502	123	7.45	91	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
86	32001311	LÊ THỊ PHI YẾN	20030502	123	7.13	74	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							303CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	320H0002	LÊ TRẦN THUẬN	AN	20H30505	133	7.27	94	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
2	320H0003	TRẦN LÂM LINH	AN	20H30502	133	7.26	92	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
3	320H0270	TRẦN NGUYỄN THỊ HỒNG	AN	20H30503	133	7.13	85	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
4	320H0004	CAO GIA	ÂN	20H30501	133	6.95	84	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
5	320H0271	HUỲNH HÀ QUỲNH	ANH	20H30502	133	6.90	87	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
6	320H0012	PHAN QUỲNH	ANH	20H30504	133	7.43	87	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
7	320H0015	TRẦN BỘI	BỘI	20H30501	133	7.15	82	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
8	320H0137	NGUYỄN THU MINH	ĐÀI	20H30504	133	7.27	87	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
9	320H0144	PHẠM THỊ KIM	DUNG	20H30503	133	7.22	90	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
10	320H0146	ĐÌNH THỊ THÙY	DƯƠNG	20H30501	133	6.75	74	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
11	320H0028	HUỲNH THỰC	HÀ	20H30503	133	7.50	93	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
12	320H0155	LÊ ĐỖ GIA	HÂN	20H30502	133	7.15	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	320H0030	TRỊNH GIA HÂN	20H30504	131	7.44	84		503021	Cơ sở tin học 1	2					
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	320H0034	LÊ HỒNG HIỀN	20H30503	133	7.97	94		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	320H0284	LÊ THANH HIỀN	20H30502	133	7.08	89		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	320H0035	LƯƠNG PHAN NHẬT HIỀN	20H30502	133	7.87	93		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	320H0292	LÊ THỊ MỸ HUYỀN	20H30502	133	7.70	90		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	320H0163	VÕ THỊ GIÁNG HUYỀN	20H30501	133	7.51	93		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	320H0294	TẠ NGUYỄN THUY KHA	20H30503	133	7.24	87		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	320H0043	VƯƠNG THỊ KIM KHANH	20H30501	128	7.25	73		D01001	Bơi lội	5				223	2.0
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	320H0169	HUỠNH NHƯ KIỂU	20H30505	133	7.74	98			Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	320H0300	VŨ HƯƠNG	LAN	20H30501	133	6.59	85	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	320H0174	LẠI ĐÀO MỸ	LINH	20H30504	133	7.31	76	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	320H0175	LÝ HOÀI	LINH	20H30501	133	7.19	72	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	320H0049	NGUYỄN NGỌC YẾN	LINH	20H30502	133	7.34	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	320H0179	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	20H30504	133	7.58	81	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	320H0303	HUỲNH HOÀNG	LONG	20H30503	133	6.81	82	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	320H0304	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	MAI	20H30503	131	7.01	73	B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				231	4.5
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	320H0183	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	MẠNH	20H30502	133	7.48	98	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	320H0184	LÂM NHẬT	MINH	20H30501	133	7.16	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	320H0307	PHAN TRẦN HỮU	MINH	20H30502	133	6.96	73	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	320H0057	ĐẶNG THANH TRÚC	MY	20H30503	133	7.20	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	320H0311	NGÔ THANH	NGÂN	20H30504	133	7.34	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	320H0312	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGÂN	20H30503	133	7.76	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	320H0060	ĐÌNH GIA	NGHI	20H30502	133	7.84	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	320H0314	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	20H30503	133	6.71	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	320H0062	NGUYỄN TRẦN HẠ	NGHY	20H30502	133	7.05	80	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	320H0202	TRẦN HOÀNG YẾN	NHI	20H30502	133	7.09	74	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	320H0321	CHUNG NGỌC QUỲNH	NHƯ	20H30503	133	7.29	86	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	320H0207	TRẦN THỊ TỔ	NHƯ	20H30504	133	7.47	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	320H0324	HUỲNH TẤN	PHÁT	20H30504	133	7.35	96	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	320H0072	HUỲNH THÀNH	PHÁT	20H30504	133	7.02	88	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
43	320H0073	NGÔ HOÀNG	PHÚC	20H30505	133	7.71	93	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	320H0326	NGUYỄN HỮU PHÚC	20H30502	128	6.50	73		503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								B03027	Quản trị tài chính trong du lịch	2				231	4.8
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	320H0216	PHẠM THUY DIỄM PHÚC	20H30501	133	7.93	91		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	320H0327	ĐỖ NGỌC KIM PHỤNG	20H30501	133	6.94	80		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	320H0330	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20H30501	132	6.95	81		503034	Cơ sở tin học 3	1					
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	320H0076	TRỊNH NGỌC PHƯƠNG	20H30502	133	6.82	87		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	320H0218	VÕ NGỌC YẾN PHƯƠNG	20H30503	133	7.19	91		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	320H0332	VŨ ĐẶNG XUÂN PHƯƠNG	20H30501	133	6.97	87		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	320H0344	VĂN NGỌC ĐAN THANH	20H30504	133	6.96	60		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	320H0226	TRẦN ĐỖ PHƯƠNG THẢO	20H30503	133	7.29	95		303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
53	320H0347	TRƯƠNG THỊ NGỌC	THẢO	20H30503	133	7.06	73	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
54	320H0348	TRẦN NGUYỄN THỊ HOÀNG	THI	20H30504	133	7.33	88	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
55	320H0356	NGUYỄN THANH THỦY	TIỀN	20H30502	133	6.69	85	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
56	320H0244	DƯƠNG CHÍ	TOÀN	20H30503	133	7.78	89	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
57	320H0365	TRẦN NGỌC MỸ	TRÂN	20H30502	133	7.42	87	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
58	320H0255	VÕ THỊ ĐOAN	TRANG	20H30502	133	6.87	86	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
59	320H0368	TÔN LÊ PHƯƠNG	TRINH	20H30503	133	6.92	75	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
60	320H0371	TÔ TRẦN THANH	TRÚC	20H30501	133	8.22	96	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
61	320H0373	NGUYỄN NGỌC	TÙNG	20H30505	133	6.76	83	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
62	320H0374	TRẦN AN	TƯỜNG	20H30504	133	7.08	86	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
63	320H0378	LÊ NGUYỄN TRÚC	UYÊN	20H30505	133	6.74	85	303103 313CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
64	320H0121	NGÔ TRIỆU	VY	20H30503	133	7.47	89	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	320H0380	TRẦN NGUYỄN CÁT VY	20H30501	133	7.07	80	303103	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0
							313CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 123
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	320V0009	TRƯƠNG QUỲNH	ANH	20K30501	117	7.39	72	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	320V0010	ĐẶNG NGỌC	HÂN	20K30501	117	7.55	92	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	320K0011	LÊ TRÚC	QUỲNH	20K30501	117	7.76	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	320K0019	NGUYỄN BÙI BẢO	THIỆN	20K30501	117	7.53	95	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	320K0038	TRẦN NGUYỄN VIỆT	TIẾN	20K30501	107	6.29	65	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5				241	
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Việt Nam học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Chuyên ngành đào tạo : Du lịch và Quản lý du lịch

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 125

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	321K0014	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	21K30501	119	8.02	84	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	321K0008	NGUYỄN HỒNG HẢI	TIÊN	21K30501	119	8.07	98	303103	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								305CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41602011	TRƯƠNG QUỐC ANH	16040201	136	5.95		402CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41701052	NGUYỄN HUY GIA	BẢO	17040103	143	6.08	65	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								403037	Điện tử công suất	3				202	4.8
								403038	Thí nghiệm điện tử công suất	1				231	3.0
								401069	Lưới điện truyền tải và phân phối	3				231	2.9
2	41701063	TRẦN QUỐC	CHƯƠNG	17040102	140	5.91	65		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41701145	NGUYỄN DUY	KHANG	17040103	154	6.24	54		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
4	41701164	NGUYỄN TIẾN	LỘC	17040101	140	6.22	65		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41701187	HỒ VĂN HỮU	NGHĨA	17040102	152	6.86	68	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
6	41701271	TRƯƠNG TRUNG	TIẾN	17040102	140	5.94	50		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41701291	HỒ ANH	TÚ	17040103	136	5.84	59	503021	Cơ sở tin học 1	2				203	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				213	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 167

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	417H0042	PHAN VĂN DUY	17040110	143	5.82	50	503021	Cơ sở tin học 1	2					172	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				181	0.0
								D01001	Bơi lội					231	2.0
								403037	Điện tử công suất	3				221	4.1
								401099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9					
2	417H0079	ĐỖ HỮU LONG	17040111	167	7.15	64	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2						
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2			1		
3	417H0095	LÊ HỒNG PHÚC	17040110	167	6.39	46	402064	Giải tích cho kỹ thuật	2					232	3.4
4	417H0125	LÊ NGUYỄN THANH TUẤN	17040111	154	5.81	55	503022	Cơ sở tin học 2	2					181	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				202	0.0
								401099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41702016	LƯƠNG THIÊN BẢO	17040202	117	5.60	61	001203	Tiếng Anh 3	5				182	P
							402058	Thiết kế mạch điện tử 1	3				181	4.8
							402060	Thiết kế mạch điện tử 2	2				182	4.5
							402072	Truyền thông tương tự và số	3				202	1.8
							402077	Kỹ thuật anten truyền sóng	2				202	4.6
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							402CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					202	K
2	41702047	NGUYỄN VĂN HẢI	17040202	136	5.47	38	402070	Xử lý số tín hiệu	3				232	3.9
								Nhóm tự chọn 1	6		4			
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41702002	HÀ THANH HẬU	17040201	150	7.28	51	402CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
4	41702065	ĐÌNH GIA HƯNG	17040202	141	5.59	58		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41702084	THÁI VƯƠNG ĐĂNG KHÔI	17040201	140	5.59	62	402066	Thí nghiệm vi điều khiển	1				232	4.0
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	41702111	NGÔ TẤN NI	17040201	141	5.79	53		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41702124	HUỲNH TẤN SANG	17040202	141	5.97	50		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	41702141	PHAN NGỌC QUANG THOẠI	17040202	141	5.83	53		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	41702150	NGUYỄN THỊ TRANG	17040201	141	5.90	83		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 168
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	417H0145	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	17040210	158	6.05	75	402099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41703048	HUỖNH QUANG	ĐẠT	17040301	138	5.75	57		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	41703079	VÕ LƯU MINH	HOÀNG	17040302	139	5.62	63		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41703099	NGUYỄN NGỌC	KHÔI	17040301	139	5.51	53		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41703101	PHẠM DUY	KHƯƠNG	17040301	138	6.00	61		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41703194	PHẠM NGUYỄN LAM	TRƯỜNG	17040302	139	5.93	56		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 165
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	417H0170	ĐẶNG VŨ	DŨNG	17040310	164	6.66	81	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
2	417H0206	NGUYỄN VĂN PHONG	PHÚ	17040311	152	6.49	59	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
3	417H0209	ĐOÀN MINH	QUANG	17040311	156	6.29	63	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				231	0.0
4	417H0225	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	17040310	158	5.97	65	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				231	0.0
5	417H0226	PHAN THANH HOÀNG	TÚ	17040310	147	5.60	53	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9				182	P



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học154

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41800283	NGUYỄN MINH	CHÂU	18040102	153	6.49	73	403045	Thí nghiệm mạng truyền thông công nghiệp	1				221	3.0
2	41800868	NGUYỄN VÕ VĨNH	LỘC	18040102	139	5.65	57	300012	Phương pháp học đại học	1					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41800916	HỒ ĐỨC	QUY	18040103	140	5.64	70		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41800410	NGUYỄN TÙNG	SAN	18040103	140	6.06	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41800419	NGUYỄN MINH	TÂN	18040103	140	5.78	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	41800462	NGUYỄN CÔNG	TY	18040101	140	6.26	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41801009	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	18040201	141	6.00	62		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	41801017	MAI HOÀNG	KHÁNH	18040201	136	5.68	79	001203	Tiếng Anh 3	5				201	E
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41801030	BẠCH HOÀI	NAM	18040201	141	5.67	60		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41801063	LÊ TRƯỜNG	THỊNH	18040201	141	5.87	66		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học152

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41801080	PHẠM TIẾN	ANH	18040303	153	7.06	70		Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
2	41800606	HỒ QUỐC	BẢO	18040301	136	5.76	84	001203	Tiếng Anh 3	5				203	P
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41801116	ĐOÀN TRỌNG	HIẾU	18040302	138	7.35	77		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41801176	TRẦN KIM	LONG	18040302	139	5.75	72		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41800887	HỒ ĐĂNG PHƯƠNG	NAM	18040302	151	7.14	76		Nhóm tự chọn 1	4		3			
6	41800707	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	18040301	138	6.29	71		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41801200	VÕ HOÀNG TẤN	PHÁT	18040302	139	6.06	67		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	41801260	ĐỖ ĐỨC	TRÍ	18040302	138	5.76	66		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 168
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	418H0167	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	18H40201	158	6.33	74	402099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
2	418H0170	NGUYỄN BẢO	DUY	18H40201	158	5.88	54	402099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
3	418H0032	NGUYỄN QUỐC	KHOA	18H40201	156	5.90	61	402077	Kỹ thuật anten truyền sóng	2				221	4.9
								402099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
4	418H0408	NGUYỄN ĐÌNH ANH	PHƯƠNG	18H40201	158	6.53	67	402099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 165
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	418H0423	LÊ ĐÌNH	BẢO	18H40303	161	6.42	60	413CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
2	418H0233	NGUYỄN HỮU	DŨNG	18H40303	147	6.01	65	413CM1 403099	Kỹ năng thực hành chuyên môn Đồ án tốt nghiệp	5 10				232	0.0
3	418H0446	NGUYỄN THÀNH	HUY	18H40302	164	6.50	70	L00001 L00021	Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	2					
4	418H0261	LÊ ĐĂNG	KHOA	18H40303	156	6.12	65	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
5	418H0271	ĐỖ MINH	LỢI	18H40303	148	5.73	68	413CM1 403099 403037	Kỹ năng thực hành chuyên môn Đồ án tốt nghiệp Điện tử công suất	5 10 3				232 231	0.0 4.8
6	418H0492	NGUYỄN MINH	THIỆN	18H40303	156	5.86	75	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
7	418H0505	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	18H40301	156	6.04	76	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
8	418H0507	PHẠM LÊ QUANG	TUẤN	18H40302	159	6.37	61	413CM1 L00001 L00021	Kỹ năng thực hành chuyên môn Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	5 2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

155

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41900748	HUỖNH DƯƠNG	ẨN	19040102	141	6.02	84	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	41900758	HỒ SỸ	CÔNG	19040103	141	6.01	87	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41900030	TRẦN BẢO	DUY	19040101	141	6.06	80	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41900782	LÊ VĂN HUỖNH	HẢO	19040101	141	5.86	98	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41900784	NGUYỄN THÀNH	HIỆP	19040102	141	5.73	92	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	41900796	PHẠM NGỌC	HÙNG	19040103	141	5.70	89	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41900809	NGUYỄN TRẦN MINH	KHÁNH	19040101	141	5.48	77	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	41900823	NGÔ TẤN	LỘC	19040102	141	5.98	69	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	41900834	ĐỖ ĐÌNH	NGHỊ	19040102	141	6.00	70	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	41900869	TRỊNH HỘI	TÂN	19040103	141	6.37	95	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	41900891	NGUYỄN MINH	THUẬN	19040103	141	5.63	87	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	41900892	BÙI XUÂN	THÚY	19040101	141	5.76	82	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	41900893	TRẦN TRIỆU	TỈ	19040101	139	5.66	87	503022 Cơ sở tin học 2 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 14				232	0.0
14	41900896	NGUYỄN VĂN PHÚC	TOÁN	19040103	136	6.24	70	L00040 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14	2		1		
15	41900901	TRẦN QUỐC	TRÍ	19040102	141	6.24	85	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	41900906	TRẦN QUỐC	TRUNG	19040102	141	6.53	81	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
17	41900907	NGUYỄN PHƯƠNG QUANG	TRƯỜNG	19040103	141	5.73	88	D01001 Bơi lội Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	 14				191	1.6
18	41900913	TRẦN TÙNG	VĂN	19040101	139	6.16	96	Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn 1	14 6		4			

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
19	41900916	NGUYỄN NGỌC HOÀNG VŨ	19040101	136	5.85	76	401CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41900920	BÙI QUANG TUẤN	ANH	19040202	142	5.71	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	41900924	TRẦN TUẤN	ANH	19040201	142	5.69	86		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41900157	TRẦN HÀ	BẮC	19040202	140	6.01	90	402077	Kỹ thuật anten truyền sóng	2				221	4.8
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	41900928	BÙI LÊ QUỐC	BẢO	19040202	142	5.84	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41900172	TRẦN MINH	ĐĂNG	19040202	142	5.96	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	41900939	NGUYỄN ANH	DŨNG	19040202	138	5.51	69	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				201	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41900194	LÊ TRỌNG	HIẾU	19040202	142	5.96	86		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	41900956	VÕ HUY	HOÀNG	19040202	142	5.60	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	41900958	VŨ MẠNH	HÙNG	19040201	135	5.75	79	402077	Kỹ thuật anten truyền sóng	2				221	4.3
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	41900967	TRẦN NGUYỄN DUY	KHANG	19040201	142	6.23	96		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	41900979	TRẦN QUANG	LÂM	19040202	142	6.33	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	41900993	LÊ THỊ KIM	NGÂN	19040202	140	6.15	85	503021	Cơ sở tin học 1	2					
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	41900996	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	19040202	142	6.13	79		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
14	41900263	VÕ THẾ	PHỤNG	19040201	142	6.13	83		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
15	41900677	PHẠM THỊ TRÚC	PHƯƠNG	19040202	142	6.01	96		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	41901022	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	QUỲNH	19040202	133	5.76	92	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.3

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học156

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					231	K
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
17	41901025	NGUYỄN QUANG	SÁNG	19040201	142	5.98	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
18	41901026	ĐỖ TIẾN	SĨ	19040201	142	6.64	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
19	41901044	NGUYỄN PHƯƠNG	THỊNH	19040201	142	5.90	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
20	41900278	LÊ VÕ HOÀNG	THÔNG	19040201	142	6.17	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
21	41901053	LÂM HIẾU	TRÍ	19040201	142	5.79	84		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
22	41901055	NGUYỄN HUY	TRƯỜNG	19040201	142	5.62	75		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
23	41901056	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	19040201	142	5.99	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
24	41901057	NGUYỄN XUÂN	TÚ	19040201	142	5.85	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
25	41901060	NGUYỄN NHẬT	TUẤN	19040201	140	5.69	87	402060	Thiết kế mạch điện tử 2	2				231	4.9
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
26	41900316	HUỲNH QUỐC	VIỆT	19040202	142	5.83	69		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
27	41901063	LÊ VĂN	VIỆT	19040201	142	5.94	91		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	41900324	LÝ QUANG	ANH	19040301	154	6.98	86		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
2	41900695	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	19040302	140	6.01	95		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	41901081	BÙI TẤN	DŨNG	19040301	148	7.37	88	L00040 L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Nhóm tự chọn GDTC 1	5	1		0	232	K
4	41901082	LÊ ĐỨC	DUY	19040301	139	6.26	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	41901083	NGUYỄN ĐỨC	DUY	19040302	139	6.66	74		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	41900377	TRẦN HOÀNG KHÁNH	DUY	19040301	140	6.37	94		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	41900397	HOÀNG NGỌC	HIẾU	19040302	139	6.20	68		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	41900707	LƯU LÊ ANH	KHOA	19040303	139	6.02	84		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	41900439	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHÔI	19040301	139	5.96	77		Nhóm tự chọn GDTC 1 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14	1		0		
10	41901107	QUÁCH BẢO	LÂN	19040301	139	5.80	62		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	41900490	THÁI HẠO	NHIÊN	19040302	139	5.94	87		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	41900494	VÕ MINH	NHỤT	19040303	139	6.08	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	41901133	NGUYỄN TẠ DUY	TÂN	19040301	148	6.89	83	403CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
14	41900552	HUỲNH QUỐC	THẮNG	19040302	139	5.79	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
15	41900565	NGUYỄN HUỲNH HỮU	THIỆN	19040302	140	6.05	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	41901137	TRẦN VĂN	THUẦN	19040301	137	5.98	86	503021	Cơ sở tin học 1 Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 14					
17	41900580	HUỲNH TRUNG	TOÀN	19040303	140	5.84	97		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
18	41900591	NGUYỄN MINH	TRÍ	19040301	139	5.99	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
19	41901141	ĐOÀN THANH	TRỌNG	19040302	140	6.20	85		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học153

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	41900600	TRẦN PHƯỚC	TRUNG	19040301	139	6.30	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
21	41901146	TRẦN QUANG	TUẤN	19040302	140	5.99	81		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
22	41900624	TRẦN QUỐC	VŨ	19040303	139	5.98	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	419H0118	LÊ ĐỨC	ANH	19H40301	156	6.56	95	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
2	419H0126	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	ĐAN	19H40301	156	6.23	93	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
3	419H0021	HUỲNH TẤN	ĐẠT	19H40302	156	6.34	78	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
4	419H0134	NGUYỄN KHẢ	DƯƠNG	19H40301	156	6.24	88	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
5	419H0026	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	19H40302	156	6.56	94	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
6	419H0141	VŨ	HOÀNG	19H40301	154	6.59	83	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				232	4.7
								403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
7	419H0153	ĐÌNH TRẦN NGUYỄN	KHÔI	19H40301	157	6.53	79	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
8	419H0154	TRỊNH CHẤN	KIỆT	19H40302	156	6.56	64	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
9	419H0161	NGUYỄN TRỌNG TÍN	NGHĨA	19H40302	156	6.49	89	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
10	419H0172	NGUYỄN MINH	TÂM	19H40302	154	5.79	89	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
								402067	Tín hiệu và hệ thống	2				221	4.2
11	419H0174	ĐÌNH VĂN	TẠO	19H40301	156	6.51	95	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
12	419H0055	TRƯƠNG MINH	THÔNG	19H40302	156	7.10	91	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0
13	419H0182	NGUYỄN HỮU	TRIỂN	19H40301	156	6.30	74	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	419K0017	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	19K40301	142	7.22	86	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	42000860	VŨ KHẮC	BIỂN	20040101	141	6.28	93		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	42000880	LẠI THỊ TUYẾT	GIANG	20040102	141	7.14	98		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	42000885	NGUYỄN NHẬT	HÀO	20040102	141	6.99	93		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	42000979	HỒ VĨ	TÙNG	20040101	141	6.53	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	42000992	TRẦN CHÂU	CẨM	20040202	142	6.54	97		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	42001064	NGUYỄN HỮU	NHƠN	20040202	142	6.04	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì VẬY, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	42001116	NGUYỄN PHAN LÊ	ANH	20040302	140	6.57	94		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	42000342	PHAN NGUYỄN THIÊN	ĐÌNH	20040301	139	6.81	98		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	42001176	NGUYỄN MINH	HUY	20040302	139	6.61	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	42001179	VÕ HOÀNG	HUY	20040302	139	5.90	88		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	42001195	LÊ HUỖNH TUẤN	KIỆT	20040302	139	6.85	94		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	42001205	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	20040302	140	6.28	93		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	42001207	NGUYỄN CÔNG	MINH	20040302	139	6.43	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	42001213	NGUYỄN NHẬT	NAM	20040303	139	6.79	91		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	42001220	NGUYỄN TRÍ	NHÂN	20040302	139	6.68	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	42001227	LÊ PHÚC	PHÁT	20040302	139	6.22	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	42001229	PHẠM KHÁNH	PHONG	20040302	139	7.17	96		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	42001233	TRẦN VĂN	PHÚC	20040302	139	6.87	82		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	42001243	NGUYỄN ĐOÀN QUỐC	SĨ	20040302	139	6.53	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
14	42001273	TRẦN	TROY	20040303	140	7.23	96		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
15	42001280	PHẠM MINH	TUẤN	20040303	140	6.54	92		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	42001286	DƯƠNG CHẤN	VIỆT	20040302	139	7.48	95		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật cơ điện tử

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	42001334	PHẠM THÀNH	LUÂN	20040401	145	6.59	100		Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	10					
2	42000830	DƯƠNG TẤN	TÀI	20040401	145	7.05	95		Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	10					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	420H0265	ĐINH NGUYỄN GIA	PHÚ	20H40301	157	7.24	95	403099	Đồ án tốt nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Công nghệ phần mềm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51603386	ĐÀO CẨM	AN	16050302	136	7.15		504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				202	0.0
2	51603357	HUỖNH XUÂN	TÚ	16050303	136	6.58		504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				193	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51702052	NGUYỄN PHÚ	AN	17050201	145	6.97	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
2	51702053	LÊ NGUYỄN HOÀI	ÂN	17050202	134	5.94	51	504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				222	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
3	51702054	NGUYỄN THIÊN	ÂN	17050281	135	6.08	63	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	51702062	TRƯƠNG ĐÌNH	ÁNH	17050201	136	6.51	31	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
5	51702092	VÕ NHẬT	DUY	17050202	136	6.71	65	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	51702121	NGUYỄN HOÀNG	KHÁNH	17050281	135	6.64	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				201	0.0
7	51702123	HUỖNH ĐĂNG	KHOA	17050202	114	5.47	52	502044	Tổ chức máy tính	4				172	4.9
								501031	Giải tích ứng dụng cho Công nghệ thông tin	4				171	4.5
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				212	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	18		9			
8	51702025	VŨ VĂN	KIÊN	17050201	138	6.87	60	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
9	51702135	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	LONG	17050202	143	6.47	47	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
10	51702181	LÝ ĐỨC	THẮNG	17050201	136	6.63	65	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
11	51702199	LÝ CHÍ	TOÀN	17050201	138	6.22	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
12	51702048	TẠ VĂN	TRỌNG	17050201	139	6.99	76	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
13	51702206	NGÔ ĐỨC	TRUNG	17050201	143	6.67	51		Nhóm tự chọn 2	18		15			



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	517H0001	PHAN TRƯỜNG PHÚ	AN	17050210	142	6.62	69	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				221	0.0
2	517H0043	PHÙNG TẤN	ĐỨC	17050211	146	6.55	50		Chưa đủ điểm HK 2/2023-2024						
3	517H0054	HOÀNG TUẤN	HUY	17050211	142	6.26	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	517H0082	TÔ QUỐC	THẮNG	17050210	142	6.43	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	517H0017	NGUYỄN HOÀNG	THUẬN	17050210	151	7.02	100	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51703038	PHAN THẾ	AN	17050301	136	7.67	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				202	0.0
2	51703057	VŨ ĐÌNH	ĐẠT	17050303	131	6.68	65	001203	Tiếng Anh 3	5				191	E
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				202	0.0
3	51703072	LƯU VĂN	HẢI	17050303	131	6.73	59	001203	Tiếng Anh 3	5				201	E
								201087	Kế toán tài chính	3				202	2.7
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	51703135	PHẠM PHƯƠNG	NAM	17050302	132	6.37	58	D01001	Bơi lội					212	3.0
								001203	Tiếng Anh 3	5				181	P
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	51703195	LIM HIỆP	TIẾN	17050302	134	7.00	58	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					201	K
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	51703213	NGÔ QUANG	TRƯỜNG	17050301	139	7.03	84	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51703132	NGUYỄN ĐĂNG	MINH	17050302	136	6.88	52	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				231	0.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	517H0103	NGUYỄN TRẦN BẢO	ĐẠI	17050310	141	6.46	54	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
2	517H0108	TRẦN HỒ MINH	ĐỨC	17050310	134	6.94	66	D01001	Bơi lội					212	3.0
								001215	Global Citizen English 5	9					
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
3	517H0113	HUỲNH TRẦN TUẤN	DUY	17050310	141	6.63	61	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	517H0120	NGUYỄN ĐÀO TRUNG	HIẾU	17050311	141	7.09	66	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				202	0.0
5	517H0121	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	17050310	139	6.48	60	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	517H0134	ĐỖ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	17050310	141	7.03	53	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				231	0.0
7	517H0145	NGUYỄN VĂN	MINH	17050311	141	7.06	78	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				202	0.0
8	517H0146	TRẦN CÔNG QUANG	MINH	17050311	144	6.25	54	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
9	517H0152	TRẦN MINH	NHỰT	17050310	141	6.43	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
10	517H0167	VĂN NGỌC	TIẾN	17050311	132	6.36	68	001215	Global Citizen English 5	9				183	E
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
11	517H0172	NGUYỄN XUÂN	TRÌNH	17050311	141	6.71	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				221	0.0
12	517H0176	DƯƠNG ANH	TÚ	17050310	141	6.64	67	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
13	517H0184	NGUYỄN HÙNG	VỸ	17050310	141	6.91	65	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51704059	PHẠM NGUYỄN KIỀU	KHANH	17050402	137	6.83	68	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
2	51704085	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	17050401	137	6.81	84	514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
3	51704087	BÙI CÔNG	QUẢN	17050401	128	6.07	50	D01001	Bơi lội					202	3.0
								001203	Tiếng Anh 3	5				191	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Nhóm tự chọn 1	12		10			
4	51704111	HUỖNH HOÀNG	TIẾN	17050402	136	6.34	69	D01001	Bơi lội					232	2.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	51704115	NGUYỄN TRUNG KIỀU	TRANG	17050401	135	6.50	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51800002	NGUYỄN TRƯỜNG AN	18050202	126	6.62	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
2	51800341	TRỊNH PHIÊU AN	18050203	133	6.55	68	504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
3	51800021	NGUYỄN NHẬT ĐĂNG	18050203	136	7.26	62	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	51800023	NGÔ TẤN ĐẠT	18050201	135	7.41	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	51800366	NGUYỄN SƠN ĐÌNH	18050281	135	7.05	68	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	51800768	NGUYỄN HUỲNH XUÂN GIAO	18050203	129	6.64	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
7	51802081	TRỊNH THỊ MAI HÂN	18050281	125	6.34	92	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
8	51800036	NGUYỄN TRƯỜNG HÂN	18050203	124	6.38	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
9	51800748	MAI VĂN HIỆP	18050281	136	7.19	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
10	51800779	NGUYỄN HOÀNG QUANG HUY	18050203	135	7.24	72	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
11	51802084	LÊ DUY KHANH	18050281	121	5.87	77	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							502044	Tổ chức máy tính	4				182	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
12	51802085	NGUYỄN DUY	KHÁNH	18050281	125	6.18	80	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				221	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
13	51800055	LÊ DƯƠNG MINH	KHOA	18050202	141	6.37	72	D01001	Bơi lội					233	0.0
14	51800434	HUỖNH TẤN	LUÂN	18050201	139	7.48	70	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
15	51800751	TRƯƠNG TIẾN	LỰC	18050281	125	7.19	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
16	51800088	NGUYỄN PHÚC TÂM	NGUYỄN	18050203	135	7.14	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
17	51800463	TRẦN TẤN	PHÁT	18050201	135	6.99	77	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				222	0.0
18	51800802	NGUYỄN ĐẠI	PHƯỚC	18050201	132	7.45	65	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
19	51800112	NGUYỄN TẤN	TÀI	18050201	135	7.63	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
20	51800128	TRỊNH VÂN	THƯƠNG	18050202	130	6.98	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
21	51800502	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	18050203	129	6.75	80	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
22	51800825	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	18050203	136	7.59	86	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	51800144	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC	18050203	133	6.67	84	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
24	51800509	ĐẶNG ANH	TÚ	18050281	135	7.01	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51800840	NGUYỄN TUẤN ANH	18050302	136	7.31	69	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								Nhóm tự chọn Nhóm 2 (Hệ thống thông tin)	18		15			
2	51800184	TRẦN NGUYỄN THÀNH ĐẠT	18050302	124	6.38	49	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
3	51800868	PHAN VĂN HIẾU	18050303	136	7.31	56	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
4	51800575	ĐẶNG HUỖNH LONG	18050303	134	6.86	59	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	51800904	HỒ VĂN NAM	18050302	136	7.58	84	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	51800214	TRẦN VŨ NGÂN	18050301	126	6.23	62	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
7	51800216	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	18050302	136	6.74	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								Nhóm tự chọn Nhóm 2 (Hệ thống thông tin)	18		12			
8	51800588	PHẠM THÀNH NHÂN	18050302	133	6.89	56	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								Nhóm tự chọn Nhóm 1 (Hệ thống thông tin)	12		9			
9	51800921	NGUYỄN QUỐC SƠN	18050301	136	7.78	67	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
10	51800247	NGHIÊM MINH TIẾN	18050302	136	7.86	71	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
11	51800248	NGUYỄN ĐỨC TÍN	18050303	136	6.82	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				212	0.0
12	51800945	NGUYỄN VIỆT TRUNG	18050302	136	7.33	72	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
13	51800948	NGUYỄN HỮU NHẬT TRƯỜNG	18050301	125	6.75	84	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51800867	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	18050302	120	6.87	79	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	12					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51800268	NGUYỄN TUẤN	ANH	18050401	126	5.23	54	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	51800663	MAI HỮU	BẰNG	18050401	127	6.69	78	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	51800271	TRẦN TUẤN	ĐẠT	18050401	134	7.00	70	504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	51800972	LÂM MỸ	DUYÊN	18050401	136	6.89	77	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	51800289	NGUYỄN ĐỨC TRẦN MINH	KHẢI	18050402	136	6.77	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	51801000	HỒ VĨNH	NGHIÊM	18050402	136	6.89	67	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
7	51801008	NGUYỄN HỒNG	PHÁT	18050401	136	6.80	79	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
8	51800304	TIÊU LÂM	PHONG	18050402	133	6.15	68	504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				233	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	51800721	TRẦN QUỐC	TÂM	18050402	136	6.75	69	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
10	51800311	NGUYỄN LÂM	THANH	18050402	136	6.62	80	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
11	51800727	NGUYỄN MINH	THÀNH	18050402	139	8.45	83	D01001	Bơi lội					201	3.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	518H0475	TRẦN HOÀI	BẢO	18H50202	141	6.38	58	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	518H0144	TRẦN PHÚC	CHƯƠNG	18H50205	137	6.96	76	504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	518H0179	LÊ MINH	HIẾU	18H50205	136	5.52	58	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	518H0497	NGÔ XUÂN	HIẾU	18H50202	134	6.04	68	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	518H0502	TẠ TRUNG	HIẾU	18H50205	130	6.65	87	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	518H0511	NGUYỄN QUANG	HUY	18H50205	133	6.89	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	518H0209	NGÔ TRUNG	KIÊN	18H50205	130	6.33	71	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	518H0031	NGUYỄN CHÂU THÙY	LINH	18H50203	133	6.17	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	518H0034	ĐỖ HUỲNH	LONG	18H50201	140	6.15	64	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	518H0043	TRẦN HỒNG	NHUNG	18H50202	134	6.02	71	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	518H0552	TĂNG MINH	PHÚC	18H50201	141	6.54	59	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
12	518H0554	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	18H50201	150	6.62	56	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
13	518H0275	DƯƠNG LÝ BẢO	THÀNH	18H50204	130	6.21	60	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	518H0578	PHẠM HỒNG	TOÀN	18H50204	140	6.44	66	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	518H0170	PHẠM HÀ	GIANG	18H50204	121	6.68	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	12					
2	518H0019	LÊ QUANG	HUY	18H50205	136	6.41	74	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	12					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	518H0326	ĐÌNH GIA	BẢO	18H50302	134	6.83	73	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	518H0084	PHẠM HỮU	BÌNH	18H50301	145	6.62	60	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	518H0613	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	18H50303	144	6.48	63	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	518H0348	PHẠM VĂN	HẢI	18H50303	130	5.57	72	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	518H0090	HUỖNH TRẦN TRUNG	HIẾU	18H50303	134	6.44	70	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	518H0633	VŨ GIA	HUY	18H50302	131	6.28	42	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	518H0372	NGUYỄN THÀNH	KHANG	18H50303	131	6.18	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								D01001	Bơi lội					212	3.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học143

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Nhóm tự chọn 1	24		22			
8	518H0102	VÕ THÀNH	LỘC	18H50301	138	7.63	95	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				221	0.0
9	518H0656	NGUYỄN HOÀI	NAM	18H50303	134	6.02	67	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	518H0661	ĐẶNG VI	NHIÊN	18H50303	130	6.15	62	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	518H0663	NGUYỄN MINH	QUẢN	18H50302	141	7.19	50	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	51800649	NGUYỄN THANH	TÙNG	18H50301	140	6.33	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

137

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900585	NGUYỄN HUỲNH TẮT ĐẠT	19050202	126	7.57	70	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
2	51900030	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	19050201	127	7.27	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4					
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
3	51900032	PHAN LÊ THÀNH ĐẠT	19050201	127	6.54	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
4	51900036	ĐẶNG NIL ĐỒ	19050201	128	6.99	82	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
5	51900586	GIẢN VIỆT ĐỨC	19050202	125	6.23	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
6	51900043	HỨA PHÚC DỪNG	19050202	133	8.08	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				231	0.0
7	51900587	NGUYỄN ĐÌNH DỪNG	19050201	129	7.66	78	504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
8	51900589	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	19050202	126	6.45	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
9	51900064	LIÊU QUỐC	HÀO	19050202	134	7.11	82	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
10	51900067	NGUYỄN TRUNG	HẬU	19050202	130	7.14	84	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
11	51900073	NGUYỄN ĐẶNG	HIẾU	19050201	131	7.21	72	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				233	0.0
12	51900077	NGUYỄN HỮU	HÒA	19050201	129	6.94	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				231	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	51900598	PHAN QUANG	KHẢI	19050201	134	7.35	96	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
14	51900112	TRẦN NGUYỄN	KHANG	19050201	132	7.54	85	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
15	51900118	LÊ TẤN	KHOA	19050202	134	7.53	82	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
16	51900132	NGUYỄN KHÁNH	MINH	19050202	136	7.32	93	504008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4				201	4.3
17	51900137	LÝ THỊ HOÀNG	MỸ	19050201	124	7.29	97	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
18	51900601	NGUYỄN KHOA	NAM	19050202	130	6.30	79	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
19	51900145	PHẠM HÙNG	NGHĨA	19050202	128	7.20	74	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	18		15			

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	51900157	NGUYỄN THÀNH NHÂN	19050201	125	6.49	58	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
21	51900164	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	19050281	125	6.62	95	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
22	51900167	NGUYỄN TIẾN PHÁT	19050202	124	6.19	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
23	51900178	PHẠM NGỌC PHỤNG	19050201	128	7.13	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
24	51900204	TRẦN MINH TÀI	19050201	136	7.66	72	504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0
25	51900711	NGUYỄN NGỌC THIÊN	19050201	134	7.84	81	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				231	0.0
26	51900712	TRƯƠNG TUẤN THỊNH	19050201	128	7.65	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
27	51900231	TRƯƠNG TẤN THÔNG	19050201	124	6.58	90	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
28	51900693	VÕ THỊ PHƯƠNG	THÙY	19050281	127	6.42	61	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0
29	51900251	NGUYỄN MINH	TRÍ	19050201	129	7.49	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0
30	51900253	VŨ MINH	TRÍ	19050201	127	7.05	84	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0
31	51900255	NGUYỄN LÊ ĐÔNG	TRIỀU	19050202	135	6.99	69	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
32	51900718	TĂNG KIẾN	TRUNG	19050201	124	7.77	91	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0
33	51900262	HỒ VĂN	TRƯỜNG	19050202	125	6.76	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3			232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0
34	51900270	LÊ	TUẤN	19050201	128	7.23	75	504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4			232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
35	51900286	NGUYỄN VÕ HOÀNG VŨ	19050201	124	7.42	88	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
36	51900290	LÊ TRIỆU VỸ	19050202	131	7.65	74	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900850	PHAO RATHANA	19050202	122	5.91	82	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				231	4.9
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900715	ĐẶNG ĐĂNG TRÍ	19050201	131	7.98	87	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900310	NGUYỄN VĂN	ĐIỂM	19050302	140	7.30	87	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn Nhóm 2 (Hệ thống thông tin)	18		15			
2	51900732	NGUYỄN ĐỨC	DŨNG	19050302	134	7.52	93	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
3	51900324	TRƯƠNG KHÁNH	DUY	19050302	140	7.24	88	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	51900759	NGUYỄN HOÀNG	LONG	19050301	136	7.42	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
5	51900399	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	19050301	127	6.28	78	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
6	51900403	NGUYỄN MINH	NHỰT	19050302	140	7.31	87	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
7	51900419	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	QUẢN	19050302	138	7.24	80	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	51900774	HOÀNG QUANG	THẮNG	19050302	130	6.81	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
9	51900640	NGUYỄN TRUNG	TÍN	19050302	135	7.92	70	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
10	51900447	PHAN THANH	TOÀN	19050301	136	7.69	91	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
11	51900464	LÊ NGỌC PHƯƠNG	VI	19050301	133	7.16	83	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900778	PHAN MINH	TRIẾT	19050302	126	7.45	84	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	12					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900744	MAI NGUYỄN THÁI	HỌC	19050301	137	7.22	78	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
2	51900745	NGUYỄN QUỐC	HỢP	19050301	131	7.41	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4				222	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				233	0.0
3	51900338	NGUYỄN	HƯNG	19050301	137	8.40	76	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	51900369	LÊ HIẾU	KỶ	19050302	138	7.42	92	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	51900758	LẠC MINH	LONG	19050301	131	6.63	78	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	51900420	LƯƠNG MINH	QUANG	19050301	137	7.30	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
7	51900440	PHẠM ANH	THỨ	19050302	137	8.43	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
8	51900781	TRẦN QUANG	VINH	19050302	127	6.56	73	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900423	TRƯƠNG HIẾU SAN	19050301	119	6.99	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	12					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51900475	NGUYỄN VĂN KHÁNH AN	19050402	129	6.84	74	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	51900477	NGUYỄN TẤN ANH	19050401	130	6.91	75	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	51900645	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	19050402	127	6.69	85	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				231	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	51900646	PHẠM NHẬT ANH	19050401	131	7.11	85	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	51900479	NGUYỄN HUỲNH DUY BẢO	19050402	130	5.93	77	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	51900782	PHẠM BÙI GIA BẢO	19050402	137	7.69	88	514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	C1900103	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	19050402	136	7.46	88	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
8	51900793	PHẠM TRƯỜNG GIANG	19050401	126	6.19	74	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	51900652	NGUYỄN ANH HUY	19050402	136	7.44	79	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10	51900800	TRẦN THANH	HUY	19050401	137	7.87	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
11	51900801	NGUYỄN PHÚC DUY	KHANG	19050402	129	7.30	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	51900806	DOÃN HOÀNG GIA	KHIÊM	19050402	137	6.95	66	514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	51900814	LÊ TIỂU	LONG	19050401	130	6.70	68	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	51900816	CAO TIỂU	MY	19050401	136	6.84	85	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
15	51900817	LÊ TRẦN THÁI	MY	19050402	135	7.52	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
16	51900665	LÂM NHƯ	NGỌC	19050402	126	6.40	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				231	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				231	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	51900668	PHAN HOÀI	PHONG	19050401	126	6.53	66	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	51900823	TRẦN NGÔ TẤN	PHONG	19050401	126	6.40	66	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3					
								504074	Kiến tập công nghiệp	4					
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	51900544	HÀ MINH	QUẢN	19050402	127	5.97	79	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	51900825	NGUYỄN HẠO	QUÂN	19050401	136	6.87	80	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
21	51900671	NGUYỄN THỊ NGÂN	TÂM	19050401	136	6.94	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
22	51900828	CAO THIÊN THIÊN	TÂN	19050401	126	6.15	89	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				231	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	51900829	ĐÀO NHẬT	TÂN	19050401	136	7.98	86	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
24	51900554	LÊ ANH	THẮNG	19050402	126	5.83	87	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	51900564	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	19050401	127	6.92	84	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	51900567	NGÔ QUANG	THUẬN	19050401	122	6.40	80	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4				223	4.8
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	51900838	VÕ MINH	THUẬN	19050401	135	7.23	74	504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
28	51900572	NGUYỄN TRUNG	TÍN	19050402	136	7.93	92	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
29	51900842	LÊ QUỐC	TRUNG	19050401	130	7.23	73	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	51900843	NGUYỄN PHONG	TÚ	19050402	136	7.26	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				222	0.0
31	51900844	ĐỖ ANH	TUẤN	19050401	126	6.83	90	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	51900846	TRẦN ĐỨC	VĂN	19050402	131	6.93	73	504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
								504083	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	519H0139	TRẦN THÁI BẢO	19H50201	125	5.88	80	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2	2		1		
2	519H0145	ĐỖ ĐĂNG CỜ	19H50202	130	5.59	75	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
3	519H0100	NGUYỄN THÁI CƯỜNG	19H50202	137	6.09	65	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
4	519H0101	PHẠM TIẾN ĐẠT	19H50201	130	7.24	97	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
5	519H0152	NGUYỄN HIẾU ĐÔNG	19H50202	133	6.14	79	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				222	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
6	519H0166	ĐẶNG MINH HOÀNG	19H50202	137	5.99	66	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3					
7	519H0176	TRẦN HỮU QUANG	HUY	19H50202	130	5.84	71	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
8	519H0177	TRẦN LÊ HOÀNG	HUY	19H50201	130	6.16	74	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
9	519H0179	LÊ TRẦN NGỌC DUY	KHANH	19H50202	137	6.30	84	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
10	519H0180	TRẦN ĐĂNG	KHOA	19H50202	133	5.61	91	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
11	519H0181	LÊ CÔNG MINH	KHÔI	19H50203	134	6.64	83	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
12	519H0025	PHAN HỒ TUẤN	KIỆT	19H50204	130	6.62	79	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
13	519H0185	TẮT TẤN	LÂM	19H50202	140	7.21	83	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
14	519H0188	LÊ MINH	LONG	19H50202	136	5.93	62	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học143

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
15	519H0193	NGUYỄN THÀNH LUÂN	19H50202	141	7.31	86	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
16	519H0199	TRẦN QUỐC NAM	19H50202	134	6.46	49	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
17	519H0034	TRẦN SĨ NGUYỄN	19H50203	135	7.82	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
18	519H0206	HUỲNH HỮU NHÂN	19H50201	140	7.59	67	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
19	519H0211	PHAN LÊ MINH NHỰT	19H50204	139	6.67	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
20	519H0212	HUỲNH TẤN PHÁT	19H50201	130	6.00	61	D01001	Bơi lội					222	3.6
							512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3					
21	519H0113	NGÔ GIA PHÁT	19H50202	130	6.58	92	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
22	519H0227	NGUYỄN HỒ THANH SƠN	19H50201	130	6.25	79	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
23	519H0228	NGUYỄN XUÂN SƠN	19H50202	134	7.09	68	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
24	519H0244	NGUYỄN HUỲNH MINH TRIẾT	19H50202	134	6.91	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
25	519H0250	PHÚ HỮU CHÍ TRUNG	19H50201	133	6.98	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
26	519H0259	HOÀNG QUỐC VINH	19H50204	140	6.13	56	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
27	519H0262	HOÀNG TUẤN VŨ	19H50201	134	6.42	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH	
1	519H0269	NGUYỄN ĐỨC ANH	19H50303	131	6.42	91	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0	
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0	
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0	
2	51900313	BẠCH TRẦN ANH	19H50301	138	7.62	90	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0	
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0	
3	519H0284	HOÀNG TRUNG	ĐỨC	19H50303	144	6.67	82	504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
4	519H0303	NGUYỄN ANH	19H50303	135	6.41	63	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0	
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0	
								Nhóm tự chọn 1	27		23				
5	519H0314	DƯƠNG HÒA	19H50302	133	5.98	83	504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0	
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0	
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0	
6	519H0323	ĐOÀN VĂN	19H50302	142	7.40	81	504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0	
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0	
7	519H0352	NGUYỄN LÊ ANH	19H50302	138	6.41	69	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0	
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0	
8	519H0358	PHẠM NGỌC	19H50302	130	5.33	76	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
							504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0	
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504075	Dự án Công nghệ thông tin 2	3				232	0.0
9	519H0098	VÕ TƯỜNG VI	19H50302	143	7.66	81	504041	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				223	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	519K0054	TRẦN	HUY	19K50201	116	5.43	50	504079	Khóa luận tốt nghiệp	12				231	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504078	Dự án Công nghệ thông tin 1	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				222	0.0
2	519K0013	NGUYỄN ĐÌNH MINH	KHÔI	19K50201	111	7.32	92	504079	Khóa luận tốt nghiệp	12				222	0.0
									Nhóm tự chọn 1	18		10			
3	519K0060	LÝ ĐĂNG	MINH	19K50201	120	7.16	81	504079	Khóa luận tốt nghiệp	12				231	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

137

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000008	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	20050201	128	6.47	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
2	52000010	VŨ LƯƠNG NGỌC BAN	20050201	127	7.09	95	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
3	52000630	LƯƠNG GIA BẢO	20050201	124	6.44	77	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
4	52000635	NGUYỄN DUY BEN	20050201	131	7.55	81	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
5	52000025	NGHIÊM TIẾN ĐẠT	20050201	128	8.29	81	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
6	52000883	NGUYỄN TIẾN DŨNG	20050261	124	6.34	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	4.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
7	52000888	TRẦN TRUNG HIẾU	20050261	125	6.16	81	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	1.5
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
8	52000445	HOÀNG THỊ MAI	HOA	20050201	125	7.42	84	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		18			
9	52000046	THÁI TIẾN	HOA	20050201	127	6.69	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
10	52000664	NGUYỄN KHÁNH	HÒA	20050261	124	6.80	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
11	52000665	LÊ THỊ THU	HỒNG	20050201	127	7.41	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
12	52000049	PHẠM TRÍ	HÙNG	20050201	127	7.69	97	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
13	52000668	NGUYỄN TRẦN QUANG	HUY	20050201	127	7.84	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
14	52000688	NGUYỄN HOÀI	NAM	20050201	127	7.01	91	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
15	52000086	HUỲNH THỊ THẢO	NGÂN	20050201	127	7.50	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
16	52000118	TRẦN ĐĂNG	QUANG	20050201	128	7.86	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
17	52000128	TÔ VĂN	SƠN	20050201	127	7.04	84	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
18	52000129	NGUYỄN THỊ DIỄM	SƯƠNG	20050201	128	6.98	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
19	52000717	NGUYỄN BÁ	THÀNH	20050201	124	6.48	79	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
20	52000474	NGUYỄN KHƯƠNG VIỆT	TIẾN	20050201	127	7.48	96	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
21	52000727	TRẦN HIẾU	TRUNG	20050201	128	7.16	79	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
22	52000166	PHẠM VĂN QUỐC	VĨNH	20050201	127	7.52	77	504074	Kiến tập công nghiệp	4				231	0.0
								502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
23	52000170	HUỖNH NGUYỄN TUỜNG VY	20050201	127	7.56	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
24	52000172	ĐOÀN THỊ KIM YẾN	20050201	125	7.14	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn 2	21		18			



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000015	MA NHẬT BIỂN	20050201	119	7.08	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	52000643	NGUYỄN TÔN ĐIỀN	20050201	118	7.34	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	52000646	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	20050201	118	6.70	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	52000648	ĐỖ QUỐC DŨNG	20050201	114	7.41	68	504074	Kiến tập công nghiệp	4					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	52000650	HOÀNG ĐỨC DUY	20050201	118	7.05	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
6	52000035	HUỖNH KHÁNH DUY	20050201	118	6.69	94	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	52000651	HUỖNH KIẾN DUY	20050201	118	7.34	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	52000038	LÊ KHẮC DUY	20050201	115	6.73	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	52000042	TRẦN KHÁNH DUY	20050201	119	6.81	80	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	52000657	LƯU ĐỨC HẢI	20050261	118	7.02	97	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	52000047	PHẠM THÁI HỌC	20050201	119	7.14	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
12	52000052	TRẦN TẤN HƯNG	20050201	118	7.23	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4					232	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								502090 Tập sự nghề nghiệp	4					232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9						
13	52000058	PHẠM HOÀNG KHA	20050201	129	7.79	100			Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
14	52000680	TRẦN HỢP KIÊN	20050201	119	6.47	72	504074	Kiến tập công nghiệp	4					233	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								502090 Tập sự nghề nghiệp	4					232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9						
15	52000078	NGUYỄN TẤN LỰC	20050201	121	6.47	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4					232	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								502090 Tập sự nghề nghiệp	4					232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9						
16	52000693	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	20050281	118	6.96	93	504074	Kiến tập công nghiệp	4					232	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								502090 Tập sự nghề nghiệp	4					232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9						
17	52000699	NGUYỄN THUẬN PHÁT	20050201	118	7.15	82	504074	Kiến tập công nghiệp	4					232	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
								502090 Tập sự nghề nghiệp	4					232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9						
18	52000109	TRẦN ĐÌNH PHÚC	20050281	118	7.11	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4					232	0.0
								502CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
19	52000463	NGUYỄN MINH QUANG	20050201	122	7.10	94	502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				232	0.0
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
20	52000709	LÊ MINH TÂM	20050201	118	6.64	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
21	52000720	NGUYỄN THANH THÚY	20050201	119	6.87	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
22	52000722	TRƯƠNG THỊ NGÂN TRÂM	20050261	118	6.41	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
23	52000152	NGUYỄN TRẦN MINH TRANG	20050201	119	6.89	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
24	52000731	NGUYỄN QUỐC VĨNH	20050201	119	7.11	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học137

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
25	52000732	TRẦN VŨ	20050281	115	6.34	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4					
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000736	BÙI THỊ LOAN ANH	20050301	135	7.34	91	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
2	52000185	CAO NGUYỄN BÌNH	20050301	133	7.50	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
3	52000741	VÕ THỊ QUẾ CHI	20050301	128	6.52	81	504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
4	52000765	NGUYỄN VÕ CÔNG HUY	20050301	131	6.82	64	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
5	52000217	TÔ NGỌC HUYỀN	20050301	125	7.18	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn Nhóm 2 (Hệ thống thông tin)	21		18			
6	52000784	HUỖNH LÊ NHẤT NGHĨA	20050301	134	7.76	69	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
7	520H0557	NGUYỄN KHẮC NGHIÊM	20050301	127	7.68	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
8	52000789	NGUYỄN THÚC PHÚC	20050301	130	6.43	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
9	52000790	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	20050301	133	7.17	93	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
10	52000801	HUỖNH QUỐC THẮNG	20050301	128	6.99	78	306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				222	3.2
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000193	NGUYỄN PHÚC BẢO DANH	20050301	121	7.07	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	52000197	HUỖNH HUỖNH ĐỨC	20050301	121	7.00	96	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	52000762	NGUYỄN ĐĂNG HƯNG	20050301	122	6.50	78	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	52000236	LÊ NGOC TRÚC NGÂN	20050301	121	7.23	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	52000271	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	20050301	121	7.02	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	52000277	KỶ MINH THỨ	20050301	121	7.05	88	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Hệ thống thông tin

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520H0663	PHẠM LÊ TRỌNG NHÂN	20050301	130	7.10	69	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
2	52000805	TRẦN VĂN THẢO	20050301	130	7.44	75	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
3	52000813	TRẦN LÊ MINH TIẾN	20050301	134	6.86	59	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000734	NGUYỄN DƯƠNG BÌNH AN	20050301	120	6.86	86	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	52000737	ĐÀO NGỌC BÁCH	20050301	121	6.84	83	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	52000742	DƯƠNG TRỌNG CHÍ	20050301	122	7.10	67	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	52000189	NGUYỄN MINH CHÍ	20050301	128	7.40	86	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	52000744	NGUYỄN MINH HOÀNG CHƯƠNG	20050301	131	6.87	91	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	52000749	NGUYỄN DUY ĐỒNG	20050301	125	6.56	81	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	52000750	PHAN HUỲNH TOÀN ĐỨC	20050301	121	6.63	80	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	52000751	TRẦN VĂN	DUY	20050301	121	6.45	70	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	52000759	TRẦN GIA	HOÀNG	20050301	122	7.34	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	52000761	BÙI TUẤN	HƯNG	20050301	121	6.42	74	504074	Kiến tập công nghiệp	4					
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	52000768	HUỖNH DUY	KHANG	20050301	120	6.99	87	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
12	52000777	HUỖNH ĐÌNH	LONG	20050301	121	6.49	85	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
13	52000782	NGUYỄN QUỐC	MINH	20050301	122	6.31	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				223	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
14	52000238	NGÔ TRỌNG	NGHĨA	20050301	125	6.94	85	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
15	52000241	NGUYỄN PHƯỚC	NGUYỄN	20050301	120	7.08	96	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
16	52000510	ĐÀO NHỰT	QUI	20050301	125	6.94	84	503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
17	52000800	ĐÌNH VĂN	THẮNG	20050301	122	6.20	75	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
18	52000264	LÊ VÕ QUYẾT	THẮNG	20050301	120	7.11	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
19	52000288	VÕ HỮU	TRÍ	20050301	120	6.77	75	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tính toán thông minh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000314	NGUYỄN THÀNH DANH	20050401	121	6.35	80	504008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4				211	4.3
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn 2	21		20			
2	52000832	LÂM GIA ĐẠT	20050401	126	6.99	77	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
3	52000325	NGUYỄN NHẢ THẢO DUY	20050401	129	7.22	93	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
4	52000331	LÊ QUỐC HẢO	20050401	126	7.26	77	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn 2	21		18			
5	52000845	NGUYỄN THỊ THIÊN KIỀU	20050401	129	7.05	98	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
6	52000578	LÂM BÍCH NGỌC	20050401	129	6.63	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
7	52000379	LÊ TRẦN QUỲNH	NHƯ	20050401	129	7.19	93	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
8	52000583	NGUYỄN TẤN	PHÁT	20050401	129	6.93	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
9	52000409	PHẠM HUỲNH ANH	THƯ	20050401	129	6.91	84	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
10	52000867	NGUYỄN THÀNH	TUYẾN	20050401	129	6.85	91	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
11	52000610	TRẦN THỊ ANH	TUYỀN	20050401	122	6.21	76	501031	Giải tích ứng dụng cho Công nghệ thông tin	4				223	4.5
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
12	52000868	NGUYỄN KHẮC	VĂN	20050401	130	6.98	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000533	NGUYỄN HỮU AN	20050401	124	7.55	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	52000829	NGUYỄN MINH ĐĂNG	20050401	117	6.81	91	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	52000550	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	20050401	120	6.36	91	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	52000328	CHÂU CHÍ HẢI	20050401	117	5.84	97	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
5	52000555	NGUYỄN VĂN HẬU	20050401	123	7.20	93	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
6	52000348	TIẾU VIỆT KHÁNH	20050401	120	6.91	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
7	52000848	NGUYỄN THÀNH LỘC	20050401	117	6.11	78	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
8	52000573	VỒONG QUANG MẠNH	20050401	120	6.67	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
9	52000579	DƯƠNG ĐỨC NGUYỄN	20050401	120	6.99	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
10	52000375	THÁI TRẦN ANH NGUYỄN	20050401	117	6.05	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
11	52000853	TRẦN TRƯỞNG GIA PHÁT	20050401	120	6.87	91	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
12	52000587	ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG	20050401	120	6.51	90	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
13	52000390	NGUYỄN NGỌC QUANG	20050401	120	6.31	86	D01001	Bơi lội					212	3.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
14	52000591	DƯƠNG THANH QUÝ	20050401	120	6.48	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
15	52000398	VÕ QUỐC THÁI	20050401	120	6.41	83	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
16	52000862	NGUYỄN LÊ TRÍ THÔNG	20050401	117	6.48	89	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
17	52000424	TRƯƠNG THỊ BÍCH TRINH	20050401	120	6.38	84	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					
18	52000430	NGÔ TƯỜNG	VI	20050401	120	6.77	92	504074	Kiến tập công nghiệp	4			232	0.0
							514CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							504090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520H0335	NGUYỄN CHÍ ANH	20H50202	133	7.22	73	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
2	520H0011	CHU TRẦN GIA BẢO	20H50204	130	6.81	68	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
3	520H0516	TRẦN LÊ GIA BẢO	20H50205	134	7.19	90	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
4	520H0520	BÙI QUANG CHÍ	20H50205	130	6.37	68	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
5	520H0345	HÀ QUỐC CUỒNG	20H50201	133	7.15	83	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
6	520H0525	VÕ THÀNH DANH	20H50205	127	6.67	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
								Nhóm tự chọn 2	18		15			
7	520H0348	PHẠM NGUYỄN PHÁT ĐẠT	20H50203	130	6.69	78	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
8	520H0352	LÊ NHẬT	DUY	20H50202	130	6.58	81	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
9	520H0535	NGUYỄN ĐỒNG	HƯNG	20H50201	133	7.22	75	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
10	520H0537	TIỀN PHÚ	HUY	20H50205	130	7.40	91	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
11	520H0538	TRẦN VĂN	HUY	20H50201	133	6.69	94	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
12	520H0373	NGUYỄN LÊ MINH	KHÁNH	20H50205	133	7.28	90	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
13	520H0547	BÙI TRUNG	KIÊN	20H50205	130	6.72	87	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
14	520H0390	PHẠM ĐĂNG	NGUYỄN	20H50203	130	6.62	89	D01001	Bơi lội					232	3.3
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
15	520H0392	TRƯƠNG PHÚC	NGUYỄN	20H50204	127	6.08	84	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	18		15			
16	520H0393	NGÔ TRỌNG	NHÂN	20H50205	127	6.43	84	D01001	Bơi lội					231	2.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
17	520H0396	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	20H50205	127	6.02	84		Nhóm tự chọn 2	18		15			
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								503073	Lập trình web và ứng dụng	3				212	3.8
18	520H0562	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	20H50201	131	7.21	68	504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
19	520H0120	VŨ LÊ TẤN	PHÁT	20H50204	126	5.85	85	501042	Phương pháp lập trình	4				201	4.9
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
20	520H0399	PHẠM THÀNH	PHONG	20H50203	130	6.90	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
21	520H0401	LÊ GIA	PHÚ	20H50202	139	7.95	90	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
22	520H0130	NGUYỄN LƯƠNG	PHÚC	20H50203	129	6.14	91	501042	Phương pháp lập trình	4				201	4.7
								D01001	Bơi lội					231	2.0
								512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
23	520H0572	TỔNG THỊ DIỆU	QUỲNH	20H50205	133	7.58	97	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
24	520H0150	PHẠM HOÀNG	SƠN	20H50202	127	6.84	93	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
								Nhóm tự chọn 2	18		15			
25	520H0418	PHẠM PHƯỚC TẤN	20H50204	134	7.00	84	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
26	520H0587	NGUYỄN CHÁNH TÍN	20H50202	130	6.06	85	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
27	520H0590	LÊ MINH TRÍ	20H50201	130	6.72	76	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
28	520H0594	NGUYỄN ĐẶNG NHƯ TUYỀN	20H50205	130	6.86	82	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
29	520H0440	NGUYỄN NGỌC BẢO UYÊN	20H50202	130	6.43	93	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
30	520H0599	DƯƠNG NGỌC BẢO YẾN	20H50203	130	6.62	87	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 143

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520H0077	NGUYỄN ANH KHOA	20H50203	124	6.19	85	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	520H0380	HỒ TUẤN KIẾT	20H50201	127	7.10	80	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520H0603	LÊ ĐỨC ANH	20H50302	130	6.49	59	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
2	520H0604	LƯU MINH BẮN	20H50304	127	6.28	75	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								Nhóm tự chọn 2	18		15			
3	520H0448	HỒ ĐĂNG PHÚC	20H50302	129	7.42	95	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
4	520H0211	VÕ THANH DANH	20H50302	129	7.31	83	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
5	520H0621	NGUYỄN TRIỀU	20H50301	134	6.75	83	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
6	520H0626	LÊ HUỖNH MỸ	20H50304	127	6.06	90	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
7	520H0627	TRÀ LÂM THANH HÀ	20H50302	131	6.55	81	L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1						
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
8	520H0225	TRẦN HUỖNH DUY	HẢI	20H50304	127	6.43	94	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					
									Nhóm tự chọn 2	18		15			
9	520H0631	PHAN HOÀNG VINH	HIỂN	20H50303	130	6.46	74	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
10	520H0634	NGÔ THANH	HOÀNG	20H50302	126	6.41	85	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
11	520H0644	NGUYỄN NHỰT	HUY	20H50301	127	7.48	69	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
12	520H0645	PHẠM QUANG	HUY	20H50302	130	6.47	92	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
13	520H0659	TRỊNH CẨM	MINH	20H50303	131	7.29	71	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học139

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
14	520H0661	BÙI VI NGỌC	NGÂN	20H50303	130	7.92	93	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
15	520H0265	ĐOÀN THẾ KHÔI	NGUYỄN	20H50301	130	6.35	66	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
16	520H0664	HÀ SỸ TẤN	PHÁT	20H50301	129	6.85	89	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
17	520H0272	PHẠM HÙNG	PHÁT	20H50302	129	7.03	93	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
18	520H0669	LƯƠNG NGỌC	PHƯƠNG	20H50303	133	6.96	84	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
19	520H0671	TÔ HOÀNG MINH	QUẢN	20H50304	130	7.28	86	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
20	520H0676	NGUYỄN NHẬT PHƯƠNG	QUỲNH	20H50303	130	7.37	90	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
21	520H0683	PHẠM VŨ HOÀNG	THIÊN	20H50302	130	6.62	87	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
22	520H0497	NGUYỄN THANH THƯ	20H50301	129	7.36	87	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520H0283	NGUYỄN ĐẶNG ANH	QUẢN	20H50302	120	6.85	84	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4					
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					
2	520H0490	MAI BẢO	THẠCH	20H50304	121	6.92	90	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					
3	520H0319	TRẦN THÀNH	TRUNG	20H50303	124	6.82	98	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					
4	520H0696	PHAN ANH	VŨ	20H50301	121	6.39	86	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn Khóa luận/Thay thế tốt nghiệp	9					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 128

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520K0307	PHẠM THẾ BẢO	20K50201	119	6.37	92	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
2	520K0314	TRẦN THANH BÌNH	20K50201	119	6.39	65	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
3	520K0309	TRẦN TAM	KHÔI	20K50201	120	6.86	85	Nhóm tự chọn 2		18		9		
4	520K0043	TRẦN TUẤN	KIẾN	20K50201	118	7.14	75	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								Nhóm tự chọn 2		18		9		
5	520K0257	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	20K50201	118	7.85	95	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn 2		18		9		
6	520K0060	VÕ THÀNH PHÁT	20K50201	114	6.35	73	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
							512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]			2		1		
7	520V0012	NGUYỄN PHẠM PHÚ THỊNH	20K50201	119	7.35	84	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
							504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
8	520K0078	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	TOÀN	20K50201	127	6.90	71	512CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	520K0127	ĐỖ PHẠM QUANG	HƯỜNG	20K50301	116	6.95	89	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		12			
2	520K0140	LIÊU ĐĂNG	KHOA	20K50301	116	6.66	72	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		12			
3	520V0015	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	20K50301	130	7.18	89	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				231	0.0
4	520K0343	LÊ PHƯỚC	THỊNH	20K50301	116	6.85	85	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		12			
5	520K0332	TRỊNH BẢO	TOÀN	20K50301	116	6.39	82	513CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								503090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0
								504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		12			
6	520C0156	LÊ HUỲNH HUYỀN	TRANG	20K50301	125	7.27	93	504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
									Nhóm tự chọn 2	21		15			
7	520K0344	PHẠM VŨ PHÚC	VIÊN	20K50301	138	6.87	90		Nhóm tự chọn 2	21		18			



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật phần mềm

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52100104	LÊ ĐÀO DUY TÂN	21050201	123	7.28	99	504074	Kiến tập công nghiệp	4				232	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							502CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							502090	Tập sự nghề nghiệp	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học máy tính

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52100674	TRẦN THỊ VÊN	21050301	130	7.51	96	504074	Kiến tập công nghiệp	4				233	0.0
							504091	Dự án Công nghệ thông tin	3				232	0.0
							503CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503090	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61702147	TRẦN GIA	LINH	17060203	151	7.10	67	D01001	Bơi lội					212	3.0
2	61702191	CHÂU NHÂN	PHÁT	17060202	137	6.72	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61702242	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	17060202	152	6.88	57	601087	Vật lý đại cương	2				223	4.8



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y sinh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 150
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61703206	NGUYỄN ĐẶNG PHÚC	THỊNH	17060301	137	5.95	56		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 162
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	617H0093	LÊ NGỌC THANH TRÚC	17060310	150	5.99	58	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu vô cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61800706	PHẠM MINH	ANH	18060202	151	6.87	71	602037	Hóa phân tích	3				231	3.6
2	61800164	LÊ GIA	HÂN	18060202	151	7.05	65	602035	Hóa hữu cơ	3				232	4.6
3	61800818	PHẠM THỊ BÍCH	NHƯ	18060201	140	6.30	53		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	61800821	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	18060202	140	6.57	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	61800901	HOÀNG ANH	VŨ	18060201	151	6.94	84	602038	Kỹ thuật phân riêng	3				211	4.7



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tổng hợp hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61800739	NGUYỄN THỊ	HẰNG	18060203	140	6.21	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61800909	VŨ KIM HOÀNG	YẾN	18060201	140	6.63	65		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Nông nghiệp

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61800916	VÕ MINH	ANH	18060302	139	5.80	64		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61800957	LÂM CAO	LẢNH	18060301	132	5.53	67	603CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61800046	MÃ KHÁNH	LINH	18060301	137	6.06	75		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	61800583	NGUYỄN TRẦN PHỤNG	NGHI	18060302	135	5.60	83	503022	Cơ sở tin học 2	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	61800647	HỒ QUYỀN	THÔNG	18060301	138	6.11	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61800963	PHẠM TRỌNG LUÂN	18060301	149	7.20	80	L00001 L00021	Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	2					
2	61800053	TRANG GIA MÃN	18060301	137	6.54	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61801011	PHAN NGUYỄN BẢO TRÂN	18060302	153	6.95	55	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2		1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Nông nghiệp
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 165
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	618H0257	NGUYỄN THÚY NHI	18H60301	156	5.72	76	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
							603125	Thí nghiệm công nghệ Protein và Enzyme	2				233	0.0
							607027	Thí nghiệm Quá trình và thiết bị công nghệ	1				233	
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
2	618H0051	NGUYỄN YẾN	18H60301	151	5.72	76	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu vô cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900252	TRẦN ANH	THI	19060202	139	6.10	75	503022	Cơ sở tin học 2	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61900337	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	19060202	136	5.98	93	602022	Hóa đại cương	3				232	4.9
								602044	Điều khiển quá trình	2				232	4.9
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900123	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	NAM	19060202	141	6.74	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61900783	PHAN TRẦN HOÀI	THƯƠNG	19060201	141	6.05	72		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tổng hợp hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900024	NGUYỄN THỊ LAN	CHÂU	19060202	153	6.65	74	503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
2	61900077	NGUYỄN QUỐC	HUY	19060202	141	6.26	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61900670	TRẦN VŨ	SAN	19060201	141	6.79	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	61900242	NGUYỄN THỊ MINH	THẠNH	19060202	141	6.40	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	61900266	VÕ NGỌC ANH	THỨ	19060201	141	5.97	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	61900304	TRẦN THANH	TRÚC	19060202	141	6.15	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	61900332	MAI TRÚC	VY	19060202	141	5.88	70		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Nông nghiệp

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900379	LÊ HOÀNG	CHÂU	19060302	138	6.01	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61900848	VÕ THỊ	LÊ	19060301	138	6.04	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61900631	ĐOÀN TRIỆU	VY	19060301	138	5.86	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	61900634	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	VY	19060302	138	6.14	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900359	ÂU DƯƠNG THI	ANH	19060302	138	6.06	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	61900873	HUỖNH VĂN	THIÊN	19060302	152	7.40	90	D01001	Bơi lội					223	2.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y sinh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	61900352	VÕ DUY KIM	AN	19060301	138	6.33	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	619H0005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	19060301	140	6.02	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	61900392	TRẦN NGUYỄN MINH	DUY	19060302	138	6.32	71		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	61900863	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	19060302	141	6.57	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	61900549	LÊ BÙI THANH	THẢO	19060302	140	6.11	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	61900877	LÊ PHẠM PHỤNG	TIỀN	19060301	143	7.32	88	607027	Thí nghiệm Quá trình và thiết bị công nghệ	1				232	
								603CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Nông nghiệp
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	619H0116	NGUYỄN THỊ THẢO	HƯƠNG	19H60302	152	5.87	81	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
2	619H0032	CAO NGUYỄN TRÚC	LINH	19H60302	152	6.22	84	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
3	619H0065	TRẦN THANH	THIÊN	19H60302	152	6.45	90	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	619H0108	HUỖNH VŨ	ĐẠT	19H60301	152	6.56	93	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
2	619H0112	NGUYỄN MINH	DUY	19H60302	152	5.86	64	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
3	619H0031	LÊ THỊ LY	LAN	19H60302	152	6.28	90	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
4	619H0033	LƯU HUỖNH YẾN	LINH	19H60301	150	5.98	90	C01143	Toán cao cấp trong khoa học sự sống	2				231	4.7
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
5	619H0140	TRẦN NGUYỄN ANH	THỨ	19H60302	152	6.67	91	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
6	619H0070	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRẦN	19H60301	152	6.06	70	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
7	619H0142	TRẦN NGỌC BẢO	TRẦN	19H60302	152	6.10	94	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
8	619H0081	NGUYỄN TIẾN	VĨNH	19H60302	152	6.54	92	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y Sinh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	619H0106	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	19H60302	152	5.95	89	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
2	619H0127	TRƯƠNG HUỖNH KIM	NGÂN	19H60302	149	6.47	74	D01001	Bơi lội					231	2.0
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
								L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
3	619H0061	NGUYỄN SONG	TÂN	19H60302	154	6.65	95	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
4	619H0137	BÙI TRẦN THANH	THÁI	19H60301	155	6.53	88	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
5	619H0075	PHẠM QUỐC	TUẤN	19H60302	154	6.37	79	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
6	619H0145	NGUYỄN DUY	VŨ	19H60302	154	6.57	87	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y sinh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	619K0030	ĐỖ	HOÀNG LAN ANH	19K60301	140	7.00	90	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu vô cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62000745	LÊ VĂN	AN	20060202	141	7.29	95		Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	62000811	TRẦN NGUYỄN HOÀI	LIÊN	20060202	141	6.36	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62000749	HOÀNG LÊ MAI	ANH	20060202	141	6.63	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	62000776	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	20060202	144	7.11	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	62000780	TRẦN HOÀNG THANH	HÂN	20060202	141	7.51	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	62000781	HUỖNH NHẬT	HÀO	20060202	141	7.10	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	62000784	NGUYỄN TRỌNG	HẬU	20060201	139	6.80	84	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					233	
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		0		
6	62000093	LÊ PHÚC	KHANG	20060201	144	6.78	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	62000814	TRƯƠNG THỊ NHẬT	LINH	20060203	141	6.89	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	62000819	NGUYỄN ĐỊNH	LUẬT	20060203	141	6.89	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	62000154	TRƯƠNG TUYẾT	NGÂN	20060201	141	6.50	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	62000627	TRẦN THỊ Tú	NHÃ	20060201	138	6.49	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
									Nhóm tự chọn (Vật liệu hữu cơ)	9		6			
11	62000177	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	20060201	141	6.99	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	62000852	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	20060203	141	7.04	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	62000853	TRẦN ĐÌNH CẨM	NHUNG	20060202	141	6.51	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
14	62000859	NGUYỄN HỮU HOÀI	PHONG	20060202	141	6.98	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
15	62000199	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	20060201	141	7.23	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	62000861	TĂNG MINH	PHÚC	20060203	141	6.88	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
17	62000876	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỖNH	20060202	141	6.92	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
18	62000877	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	20060202	141	7.06	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
19	62000220	VÕ NGỌC PHƯƠNG	QUỖNH	20060201	141	6.50	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
20	62000880	NGUYỄN ĐỨC THÁI	SƠN	20060202	141	6.85	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
21	62000881	TRẦN THỊ TRÚC	SƯƠNG	20060203	150	7.13	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
22	62000893	NGUYỄN HỮU	THÁI	20060201	141	7.07	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
23	62000233	NGUYỄN KIM	THANH	20060201	141	6.96	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
24	62000896	HUỖNH THỊ MỸ	THẢO	20060203	141	6.96	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
25	62000254	HUỖNH NGỌC	THÚY	20060201	141	7.40	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
26	62000918	LÊ VĂN	TÓI	20060203	136	6.45	83	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14	2		1		
27	62000263	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	20060201	141	6.62	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
28	62000922	PHAN HUỖNH BẢO	TRÂN	20060203	141	6.81	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
29	62000929	HOÀNG LÊ MINH	TRÍ	20060203	141	7.27	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
30	62000932	VÕ NGỌC THANH	TRÚC	20060202	141	6.67	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
31	62000933	TRƯƠNG MINH	TRƯỜNG	20060203	141	6.74	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
32	62000936	LÊ ĐÌNH	TUẤN	20060201	141	6.53	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
33	62000937	LƯƠNG HƯNG	TƯỜNG	20060201	141	6.53	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
34	62000327	NGUYỄN THỊ KHẢ	VY	20060201	141	7.25	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
35	62000328	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	20060201	141	7.19	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Vật liệu hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
36	62000952	ĐINH LÊ HẢI YẾN	20060203	134	6.22	86	503022	Cơ sở tin học 2	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
37	62000954	PHẠM HOÀNG YẾN	20060202	138	6.36	94	602022	Hóa đại cương	3				223	4.9
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tổng hợp hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62000751	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	ANH	20060201	141	6.63	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	62000753	PHẠM ĐIỂM HOÀNG	ANH	20060202	138	6.66	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn (Tổng hợp hữu cơ)	14 9		6			
3	62000756	MAI HỒNG	ÁNH	20060202	136	6.47	95	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14	2		1		
4	62000757	DƯƠNG THIẾN	BẰNG	20060201	141	6.44	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	62000767	ĐẶNG CAO TRÚC	ĐOAN	20060202	141	6.98	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	62000045	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	20060201	141	6.32	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	62000772	TRẦN BÙI KHÁNH	DƯƠNG	20060202	141	6.45	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	62000778	HỒ PHƯƠNG	HÂN	20060202	141	6.25	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	62000062	NGUYỄN THỊ THÙY	HÂN	20060201	141	7.12	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	62000069	NGUYỄN HỒNG	HANH	20060201	141	7.15	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	62000783	NGUYỄN CHÍ	HẬU	20060201	141	6.60	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	62000791	PHẠM THỊ ÁNH	HỒNG	20060203	133	6.55	74	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn (Tổng hợp hữu cơ) Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14 9	2	6	1		
13	62000796	VŨ THỊ THU	HƯỜNG	20060203	141	6.27	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
14	62000122	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20060201	141	6.60	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
15	62000821	TRẦN THỊ TRÀ	MI	20060203	141	6.81	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật hóa học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Tổng hợp hữu cơ

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học155

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	62000172	VĂN KHÁNH	NGUYỄN	20060202	141	7.25	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
17	62000860	LÀU THIỆU	PHÚ	20060203	141	6.43	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
18	62000210	LÊ MINH	QUANG	20060201	141	6.62	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
19	62000882	NGUYỄN TẤN	TÀI	20060201	136	6.26	90	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		0		
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14						
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]							
20	62000947	LÊ HỮU THẾ	VINH	20060203	141	6.40	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
21	62000326	NGUYỄN NGỌC THANH	VY	20060201	141	7.09	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Nông nghiệp

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62001000	TRƯƠNG KHÁNH LINH	20060302	133	7.10	98	603CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62000347	NGUYỄN LÊ VĂN	ANH	20060301	138	6.27	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	62000688	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	20060301	138	6.62	99		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	62000386	LÊ TRÌNH TRUNG	HẬU	20060301	138	6.07	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	62000388	NGUYỄN MINH	HIẾU	20060301	138	6.48	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	62000711	VŨ NGUYỄN THẢO	MY	20060301	138	6.78	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	62001013	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NGÂN	20060301	138	6.57	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	62001018	BÙI NGỌC	NGUYỄN	20060302	133	6.33	83	L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					231	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	62000516	PHAN TẤN	THÀNH	20060301	136	6.91	94	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.9
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	62001060	NGUYỄN THÙY MINH	THỨ	20060301	138	6.63	90		Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	62000736	TRẦN THỊ THU	TIỀN	20060301	138	7.26	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	62001067	NGUYỄN TẤN	TIỆP	20060301	138	7.23	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y sinh

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	62000956	HUỖNH THỊ VÂN	AN	20060301	139	6.20	83	D01001	Bơi lội Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14				231	2.0
2	62000375	ĐỖ BẢO	DUY	20060301	135	6.95	93	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14	2		1		
3	62000737	HỒ QUANG	TIẾN	20060301	138	6.79	99		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	62001086	HUỖNH THANH	TUYỂN	20060301	138	6.67	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	62001096	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	20060302	138	6.81	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Thực phẩm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	620H0024	LÊ CÔNG	ĐỨC	20H60301	152	6.61	88	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
2	620H0103	VŨ THỊ KIỀU	OANH	20H60301	152	6.72	85	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
3	620H0130	TRẦN PHẠM THANH	THẢO	20H60301	147	6.07	86	D01001	Bơi lội					232	2.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								603125	Thí nghiệm công nghệ Protein và Enzyme	2				233	0.0
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
4	620H0167	LÊ NGỌC	TUYỀN	20H60301	152	6.64	91	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
5	620H0169	TRẦN PHẠM THANH	TUYỀN	20H60301	147	6.01	83	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								603125	Thí nghiệm công nghệ Protein và Enzyme	2				233	0.0
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y Sinh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 166
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	620H0021	HÀ MINH ĐẠT	20H60301	150	6.52	90	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
							L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1						
							L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					232	K
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
2	620H0134	VƯƠNG TINH THI	20H60301	155	6.97	99	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
3	620H0139	TRẦN THỊ ANH THƯ	20H60301	155	6.61	90	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ sinh học
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Chuyên ngành đào tạo : Khoa học Y sinh
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	620K0121	LƯU NGỌC PHƯƠNG	KHANH	20K60301	137	7.21	100	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
2	619V0011	NGUYỄN HUỲNH THANH	PHƯƠNG	20K60301	137	6.47	89	D01001	Bơi lội					191	10.0
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
3	619V0014	TRẦN THỊ ANH	THỨ	20K60301	137	6.70	85	D01001	Bơi lội					191	8.8
								603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0
4	620K0143	BÙI PHƯƠNG	VY	20K60301	137	7.09	99	603132	Khóa luận tốt nghiệp	14				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71608114	LÂM HẢI THANH	16070612	136	6.58		503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1				171	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71704254	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	17070403	133	7.46	74	D01001	Bơi lội					212	3.6
2	71704500	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	17070461	131	6.81	66	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2		1		
3	71704507	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	17070461	129	6.68	73	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
4	71704046	PHẠM THỊ THU	HIỀN	17070401	122	6.64	55	503021 503022 704000 001203	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2 Tập sự nghề nghiệp Tiếng Anh 3	2 2 2 5				233 192	0.0 P
5	71704299	PHẠM THỊ THANH	HƯƠNG	17070403	126	6.81	59	704000 001203	Tập sự nghề nghiệp Tiếng Anh 3	2 5				223 191	0.0 E
6	71704518	LÊ THỊ MỸ	LINH	17070461	126	6.53	60	704000 201039 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Nguyên lý kế toán Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 3 2				233 182	0.0 4.9
7	71704329	LÊ VĂN	LỢI	17070402	114	6.48	51	704000 001203 L00001 704CM1 L00021	Tập sự nghề nghiệp Tiếng Anh 3 Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2	2 5 2 2 8				233 211 221	0.0 P K
8	71704336	NGUYỄN HỒNG	MINH	17070402	124	7.07	63	704000 001203	Tập sự nghề nghiệp Tiếng Anh 3	2 5				233 191	0.0 E

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học133

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	71704090	NGUYỄN THỊ THANH	MY	17070401	131	6.91	60	704000	Tập sự' nghề nghiệp	2				233	0.0
10	71704365	NGUYỄN ĐÀO YẾN	NHI	17070461	129	6.91	52	704000	Tập sự' nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	71704385	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	17070461	131	7.22	69	704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	017H0191	TRỊNH THẾ	QUÂN	17070409	131	7.42	68	704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	71704408	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THANH	17070461	130	6.91	87	B02037	Quản trị tài chính	3				231	4.7
14	71704443	NGUYỄN BẢO	TOÀN	17070461	131	6.81	52	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
15	71704203	NGUYỄN TRIỆU HẢI	TRIỀU	17070401	129	6.73	52	704000	Tập sự' nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	71704472	LÊ NHẬT	TÙNG	17070402	129	7.29	71	704000	Tập sự' nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	717H0270	PHAN LÊ HOÀNG	ANH	17070413	142	7.14	77	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	717H0272	TRẦN PHƯƠNG	ANH	17070411	139	7.17	64	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
3	717H0274	HÀ GIA	BẢO	17070410	142	7.69	90	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	717H0277	TRẦN PHÓ KINH	BẢO	17070414	131	6.49	60	001215	Global Citizen English 5	9				211	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2					
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	717H0278	TRẦN MINH	BUÙ	17070413	139	6.66	48	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								C01120	Toán kinh tế	3				171	4.8
6	717H0005	VÕ THỊ BÍCH	DIỄM	17070411	142	7.15	69	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	1		0		
7	717H0344	BÙI THỊ THÙY	LINH	17070412	140	7.11	64	D01001	Bơi lội						
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	717H0378	PHẠM NHƯ	NGỌC	17070413	140	7.13	50	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	717H0381	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỄN	17070410	144	7.51	57	D01001	Bơi lội					232	2.0
10	717H0402	DIỆP TIỂU	PHỤNG	17070411	140	6.94	65	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
11	717H0404	ĐỖ THANH	PHƯƠNG	17070413	136	7.12	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					221	K
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
12	717H0419	TRẦN KHẮC	TÂM	17070410	142	6.94	50	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	717H0433	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	17070413	129	6.42	37	301003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					
								503021	Cơ sở tin học 1	2				172	0.0
								C01120	Toán kinh tế	3				222	4.9
								B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.6
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	717H0454	PHAN HỒNG	THY	17070414	136	6.90	51	D01001	Bơi lội					221	2.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
15	717H0458	NINH NHẬT	TIẾN	17070414	142	7.23	66	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	717H0462	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	TRÂM	17070413	142	6.86	43	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
17	717H0465	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	17070411	140	7.04	70	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	717H0468	CHÂU THỊ KIM	TRÚC	17070413	138	6.93	54	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				233	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2					
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
19	717H0469	NGUYỄN THỊ XUÂN	TRÚC	17070412	142	6.84	46	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	717H0494	HỒ LÊ UYÊN	VY	17070414	142	7.29	68	D01001	Bơi lội					232	2.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
21	717H0498	ĐẶNG NGÔ NHƯ	Ý	17070414	140	6.89	67	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71705221	HỒ NGUYỄN ĐẮC ÂN	17070561	126	6.46	52	B02037 L00001	Quản trị tài chính Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	3 2	2		0	211	2.6
2	71705223	ĐẶNG HOÀNG LÂM ANH	17070561	125	6.68	50	D01001 705103 L00001 705CM1	Bơi lội Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	 2 2 2	2		1	221 233	0.0 0.0
3	71705230	TRẦN PHỤNG ANH	17070502	129	6.93	50	D01001 L00001	Bơi lội Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn GDTC 1 Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	 2 2	1 2		0 1	232	0.0
4	71705233	TRẦN NGỌC BÍCH	17070581	125	7.05	62	705103 L00001 705CM1 L00025	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3	2 2 2				233 201	0.0 K
5	71705241	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	17070581	131	6.81	67		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
6	71705270	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	17070561	124	6.58	52	B02037 705103 705CM1	Quản trị tài chính Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2 2				212 233	4.3 0.0
7	71705595	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	17070561	132	7.01	56	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2		1		

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
8	71705305	LÊ THỊ THU	HIỀN	17070502	125	6.75	46	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		
9	71705366	PHẠM TẤN	LỢI	17070561	129	6.76	57	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
10	71705611	ĐẶNG THỊ HUYỀN	MY	17070561	129	7.17	66	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
11	71705102	LÊ DIỄM	NGỌC	17070501	127	6.99	77	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	71705641	HỒ XUÂN	PHỐ	17070561	129	7.20	67	705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	71705462	TRẦN THỊ	QUỲNH	17070502	127	7.05	56	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	71705497	NGUYỄN HUỲNH KIM	THƯƠNG	17070561	129	7.05	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				223	0.0
15	71705631	NGUYỄN MINH	TIẾN	17070561	127	6.82	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	71705508	PHẠM TRƯƠNG ĐỨC	TÍN	17070501	129	6.77	43	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				201	K
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
17	71705548	LÊ ĐỨC THANH	TÙNG	17070502	129	6.75	50	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				223	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
18	71705578	VÕ THỊ HỒNG YÊN	17070561	127	6.52	70	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	717H0554	NGUYỄN ANH KHẢI	17070511	137	7.05	66	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	717H0261	ĐÀO HOÀNG LONG	17070510	139	6.88	47	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	717H0137	TRẦN TRIỆU PHÚ	17070511	129	6.26	57	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	717H0676	TRẦN THANH XUYỀN	17070512	137	6.82	50	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì VẬY, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71706145	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	17070602	131	6.70	71	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
2	71706335	BÙI MINH	THÀNH	17070602	129	6.21	61	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	71706362	TRẦN ĐỨC	VINH	17070602	98.0	5.20	53	503021	Cơ sở tin học 1	2				171	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								001203	Tiếng Anh 3	5				191	E
								B02037	Quản trị tài chính	3				232	1.5
								B02039	Quản trị tài chính quốc tế	3				232	2.4
								706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					202	K
								B01031	Thanh toán quốc tế	3				232	3.9
									Nhóm tự chọn 2	3					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	717H0688	NGUYỄN THÚY	ANH	17070611	137	6.56	66	503034	Cơ sở tin học 3	1					
2	717H0695	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	17070615	132	6.79	76	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	717H0700	HUỖNH LÊ BẢO	CHÂU	17070615	138	6.38	65	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	717H0706	LÊ PHƯƠNG	ĐAN	17070613	138	6.71	87	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	717H0713	TRẦN LÂM VI	DIỆU	17070612	117	5.99	67	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
6	717H0178	MAI QUỐC	DŨNG	17070613	140	6.35	50	D01001	Bơi lội					212	3.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	717H0723	LÊ TRẦN MINH	DUY	17070613	140	6.71	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
8	717H0262	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	17070610	112	5.88	65	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					213	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		
9	717H0727	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	17070615	135	6.65	61	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1				181	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	717H0729	HUỖNH THỊ KHÁNH HÀ	17070612	121	6.00	60	C01120	Toán kinh tế	3				211	3.7
							C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	4				172	4.7
							B02042	Quản trị tài chính quốc tế (Anh)	3				202	4.6
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					212	K
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					212	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
11	717H0742	MAI THỊ	HOA	17070612	140	6.71	66	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	717H0855	NGUYỄN TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	17070612	134	6.51	59	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	717H0861	NGUYỄN THANH	TÂM	17070614	112	5.91	74	702020	Nguyên lý quản trị (Anh)	3				201	4.8
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9					
								700015	Phương pháp học đại học	1					
								700021	Kỹ năng làm việc nhóm	1					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					213	K
									Nhóm tự chọn GDTC 1	1			0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2	1			0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		
14	41703161	HUỲNH TRỌNG	TẤN	17070615	140	6.65	56	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
15	717H0872	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	THẢO	17070612	135	6.36	53	702021	Quản trị tài chính (Anh)	3				232	4.9
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	717H0907	TRẦN THỊ BẢO	TRINH	17070615	136	6.40	68	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								D01001	Bơi lội					222	2.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 140
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
17	717H0938	ĐÀO THỊ TIỂU VI	17070615	128	6.40	74	D01001	Bơi lội					231	2.0
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					191	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	717H0257	MÃ KHÁNH VI	17070610	121	6.06	62	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							001215	Global Citizen English 5	9				201	E
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	717H0943	ĐÌNH TẤN VƯƠNG	17070614	134	6.74	68	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71801725	KIM PHƯƠNG	ANH	18070402	129	6.90	70	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	71801761	QUẢN NGỌC PHƯƠNG	GIAO	18070401	131	7.03	56	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
3	91800341	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	18070461	127	7.41	66	B02037	Quản trị tài chính	3				231	4.3
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	71801802	LÌN KHÁNH	LINH	18070403	127	6.55	63	D01001	Bơi lội					231	2.0
								503021	Cơ sở tin học 1	2				182	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				183	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					221	K
5	71801815	BÙI THỊ XUÂN	LY	18070401	133	7.16	63	D01001	Bơi lội					212	3.0
6	71801820	NGUYỄN ĐẬU	MẠNH	18070401	121	7.10	82	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	71800166	NGUYỄN YẾN	NHI	18070402	129	6.95	69	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	71801870	NGUYỄN XUÂN	QUYỄN	18070402	129	7.11	60	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	71801904	NGUYỄN THANH THỦY	TIÊN	18070403	127	6.91	29	D01001	Bơi lội					231	2.0
								D02030	Giáo dục quốc phòng - Học phần 3						
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học133

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					211	K
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
10	71801919	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	18070403	129	6.88	69	704000	Tập sự nghề nghiệp	2			233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	71801926	LÊ THỊ NHÃ	TRÚC	18070403	114	7.11	51	001203	Tiếng Anh 3	5			191	E
							704000	Tập sự nghề nghiệp	2					
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					201	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
12	71800890	NGUYỄN TƯỜNG	VY	18070461	129	7.14	80	704000	Tập sự nghề nghiệp	2			233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71800925	NGUYỄN VĂN CHIẾN	18070501	126	7.11	96	503022	Cơ sở tin học 2	2					
							B02037	Quản trị tài chính	3				231	4.7
2	71800492	NGUYỄN THÁI CƯỜNG	18070561	125	6.77	78	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	71801001	PHẠM THỊ DIỄM	18070501	127	7.77	81	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				223	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	71801038	NGUYỄN KHÁNH LINH	18070581	127	7.00	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	71802034	VÕ TRẦN HIỀN	18070502	123	6.64	61	503021	Cơ sở tin học 1	2				182	0.0
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					221	K
6	71800571	TRẦN THỊ THÙY	18070581	127	7.20	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	71801652	KIỀU NGUYỄN TẤN PHÁT	18070561	127	6.82	78	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	71801705	NGUYỄN THỊ BÍCH	18070581	117	6.31	62	C01120	Toán kinh tế	3				232	4.7
							C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	4				182	4.8
							201039	Nguyên lý kế toán	3				221	4.7
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	71802094	HUỖNH HỮU	QUỐC	18070501	127	6.69	68	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	71801175	PHÙNG THANH	TÂM	18070561	131	7.08	81	D01001	Bơi lội					202	3.0
11	71800578	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	18070581	131	7.17	83	D01001	Bơi lội					232	3.9
12	71801211	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	18070581	127	6.57	50	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	71802158	TRỊNH THẢO	VY	18070501	129	7.52	59	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					211	K
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					221	K
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71802290	NGUYỄN TẤN TÀI	18070602	129	6.88	50	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				223	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	71802293	PHAN NHỰT THANH	18070602	132	6.58	70	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	71802301	TRẦN NGUYỄN THẢO	18070602	131	6.56	63	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				201	K
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	01801170	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG ANH	18070701	118	7.04	62	503022	Cơ sở tin học 2	2				191	0.0
							707001	Chuyên đề định hướng nghề nghiệp - QTNNL	2					
							707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
2	71802380	NGUYỄN THỊ DUYÊN ANH	18070702	124	7.32	84	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				221	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
3	51800851	TRẦN NGỌC ĐẠO	18070702	128	7.37	51	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					222	K
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
4	71801523	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	18070702	124	7.31	76	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
5	71801539	NGUYỄN THỊ TỔ YÊN	18070702	124	7.57	73	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	718H0002	LÊ TRƯỜNG AN	18H70405	139	7.01	66	503034	Cơ sở tin học 3	1				191	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					203	K
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2		1		
2	718H1364	PHAN THỊ THANH CHI	18H70402	140	7.43	63	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	718H1372	NGÔ PHỐI DUNG	18H70401	138	7.87	80	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
4	718H1389	NGUYỄN THỊ HẰNG	18H70406	142	7.32	75	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	718H1425	TRẦN KHÁNH LÊ	18H70405	140	7.25	71	D01001	Bơi lội					212	3.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	718H0535	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	18H70406	140	6.78	63	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	C1800055	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	18H70406	142	7.62	88	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	718H0554	TRƯƠNG YẾN NHI	18H70406	142	7.51	77	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	718H1501	TRẦN THẢO SƯƠNG	18H70406	140	7.09	82	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	718H0598	NGUYỄN BẢO TRÂM	18H70404	142	7.51	73	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
11	718H0105	LÊ TRẦN MINH TUẤN	TÚ	18H70401	132	7.05	68	503021	Cơ sở tin học 1	2			182	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2			233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				
									Nhóm tự chọn	3				
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	718H1584	HÀ KỲ ANH	18H70502	135	6.78	50	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
2	718H0121	NGUYỄN BẢO NGỌC ANH	18H70501	139	7.15	59	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
3	718H0662	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	18H70504	137	7.14	62	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	718H0664	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	18H70502	146	7.45	50	D01001	Bơi lội					231	2.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	718H0666	NGUYỄN QUỐC DUY	18H70505	139	7.39	65	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
6	718H0148	NGUYỄN KIM HƯƠNG	18H70501	139	7.01	60	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
7	718H1693	PHẠM NHẬT LONG	18H70504	141	7.20	49		Chưa đạt điều kiện rèn luyện						
8	718H0780	TRẦN THỊ ĐAN TRINH	18H70503	134	6.78	56	503021	Cơ sở tin học 1	2				181	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 144
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	718H0822	VÕ THỊ HOÀNG	ANH	18H70608	132	6.71	53	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	718H1892	BÙI NHẬT	HOÀNG	18H70602	140	6.46	64	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	718H0895	BÙI NGUYỄN THANH	HUYỀN	18H70604	142	7.03	74	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	718H1952	NGÔ GIA	NGHI	18H70606	142	6.44	65	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	718H0354	TRẦN MINH CHIẾN	THẮNG	18H70605	144	7.13	73		Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
6	718H2026	BÙI THỊ THANH	THÚY	18H70602	142	6.68	72	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
7	718H2034	NGUYỄN ĐOÀN BẢO	TÍNH	18H70605	142	7.42	70	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	718H0383	HUỖNH THỊ QUYỀN	TRANG	18H70608	142	6.84	88	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	718H1101	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	18H70602	142	6.44	65	716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	718H1155	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	18H70703	145	7.24	85	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	718H1170	LƯU THỊ NGỌC	GIÀU	18H70703	149	7.31	76	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	718H1195	NGUYỄN QUỐC KHANG	KHANG	18H70701	147	6.94	69	D01001	Bơi lội					212	3.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	718H1207	NGÔ TRẦN KIỀU	LINH	18H70703	149	6.95	73	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
5	718H2137	BÙI MỸ	NGHI	18H70702	147	6.44	70	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	718H2148	TRƯƠNG ĐÌNH	NHẬT	18H70703	149	7.15	81	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	718H2150	MAI THỊ YẾN	NHI	18H70702	147	6.93	66	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	518H0573	NGÔ THỊ ANH	THƯ	18H70703	147	6.63	81	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	718H2184	THÂN TRỌNG KIỀU	TRINH	18H70702	147	6.65	51	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	718H2190	NGUYỄN ANH	TRUNG	18H70703	147	6.56	69	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	718H2202	PHẠM NGỌC UYẾN	VĂN	18H70703	142	6.75	61	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.3
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển					221	K

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								bền vững - Thái độ sống 3 Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
12	718H2210	PHẠM NGỌC UYẾN VY	18H70702	146	6.83	57	B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.5
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					211	K
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71901788	LÊ HOÀNG ANH	19070461	126	7.33	74	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
2	71900043	LÊ NGỌC THANH DUNG	19070461	126	7.76	90	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
3	71901639	NGUYỄN THẾ DUY	19070401	126	7.07	69	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
4	71900094	HÀ THANH HÒA	19070401	126	7.47	77	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn GDTC 1	2 2	1		0	233	0.0
5	71900096	NGUYỄN QUỐC BẢO HOÀNG	19070461	126	7.58	85	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
6	71900420	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	19070401	126	7.47	63	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
7	71901651	NGUYỄN HOÀNG NAM	19070401	126	7.80	93	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
8	71900225	PHẠM MINH SỰ	19070461	126	7.24	91	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
9	71900253	NGUYỄN HOÀI THU	19070461	126	7.20	80	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
10	71901823	NGUYỄN THANH THÚY	19070461	126	7.63	88	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
11	71901825	PHAN THANH TRẦM	19070461	126	7.74	73	704000 704CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
12	71901985	VŨ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	19070401	128	7.53	84	704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
13	71901836	PHẠM THỊ MỸ	YẾN	19070461	130	7.99	95		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71901990	ĐỖ THỊ QUỲNH	ANH	19070501	128	6.90	78	B02037	Quản trị tài chính	3				231	4.5
2	71901692	LÊ THỊ	HẢI	19070561	124	7.24	78	B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.7
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	71901579	ĐOÀN THỊ HỒNG	HẢO	19070581	127	6.75	71	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	71900406	LÊ TRẦN DIỆU	HIỀN	19070561	128	7.14	73	B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.2
5	71901868	HUỲNH MINH	HOÀNG	19070561	127	7.06	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	71901879	NGUYỄN NGỌC TRÚC	LAM	19070561	127	7.31	70	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	71900455	VÕ DƯƠNG HUYỀN	LINH	19070501	127	7.08	89	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	71900456	ĐỖ THỊ KHÁNH	LY	19070561	127	7.33	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	71900473	PHẠM THỊ NHƯ	MỸ	19070501	129	8.16	97	705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	71900485	NGÔ NGUYỄN GIA	NGÂN	19070501	129	7.36	88	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				223	0.0
11	71900488	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	19070501	125	7.39	83	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	71901902	VƯƠNG HỒNG	PHÚ	19070561	127	6.97	73	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				231	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
13	71900546	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	19070501	129	7.29	80	705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	71901906	VÕ NGỌC CẨM	QUYÊN	19070581	125	7.38	87	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	71900558	HUỖNH THỊ TUYẾT	SƯƠNG	19070501	127	7.18	84	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	71901914	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	19070561	128	6.93	94	B02037	Quản trị tài chính	3				221	4.4
17	71900590	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	THƯƠNG	19070561	123	7.45	95	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	71900631	HUỖNH NGUYỄN CẨM	TUYÊN	19070501	127	7.60	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	71901723	DƯƠNG ĐỖ PHƯƠNG	UYÊN	19070561	128	7.14	88	B02037	Quản trị tài chính	3				212	4.9
20	71901952	PHAN QUỲNH THOẠI	UYÊN	19070561	127	7.41	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	71901955	PHAN NGỌC	VINH	19070561	127	7.59	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	71900659	LÊ THỊ TRÚC	VY	19070501	127	7.48	76	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	71901726	NGUYỄN TRIỆU	VY	19070561	127	7.48	89	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 135

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71900747	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DU	19070602	131	7.89	72	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	71900409	NGUYỄN THỊ MINH	HIẾU	19070602	133	7.17	88	D01001	Bơi lội					191	4.7
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	71900978	NGUYỄN VĂN	NHÃ	19070602	131	6.84	72	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	71901011	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	19070601	131	6.55	74	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	71901132	PHẠM MINH	THỨ	19070601	131	6.49	80	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	71901294	LƯU NGUYỄN HỒNG AN	19070701	126	7.09	84	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
2	71901315	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG ĐAN	19070701	126	7.91	86	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
3	71901327	VÕ THỊ THÙY DUNG	19070701	127	7.68	85	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
4	71902058	LĂNG THỊ MỸ HƯƠNG	19070701	126	7.11	81	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
5	91900108	NGUYỄN QUANG PHÚ	19070701	126	7.32	85	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
6	C1900136	HUỖNH KIM PHỤNG	19070709	126	7.58	78	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
7	71902071	TRẦN NGỌC DUY THÀNH	19070701	121	7.03	60	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
8	71901487	PHẠM THANH THÚY	19070701	126	8.06	91	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
9	71902079	NGUYỄN TRANG NGỌC TRINH	19070701	126	7.84	74	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 149

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH	
1	719H0833	ĐOÀN GIA	BẢO	19H70401	149	7.44	68	D01001	Bơi lội					231	2.0	
2	719H0849	NGUYỄN THỊ HOÀN MỸ	DUYÊN	19H70401	147	7.80	91	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
3	719H0851	ĐÀO HOÀNG	HẢI	19H70402	147	7.35	77	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2	1		0			
								Nhóm tự chọn GDTC 2								
4	719H0040	HOÀNG TUẤN	HÙNG	19H70404	147	7.70	67	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
5	719H0226	TRẦN TUẤN	KHÔI	19H70401	147	7.70	59	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
6	719H0065	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	19H70403	142	7.61	81	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2	2		1			
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5							
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]								
7	719H0084	ĐẶNG HUỖNH YẾN	NHI	19H70401	147	7.42	91	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
8	719H0086	NGUYỄN HỒNG YẾN	NHI	19H70403	144	7.05	55	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5	2		1			
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]								
9	719H0895	HỒ THÚY	PHƯƠNG	19H70403	145	7.71	80	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0	
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
10	719H0128	HUỖNH NGỌC	THỨ	19H70402	149	7.99	94		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024							
11	719H0137	TỔNG MINH	TOÀN	19H70404	144	6.91	71	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				231	0.0	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8						
12	719H0923	HUỖNH TRẦN MINH	TRUNG	19H70402	149	7.69	79	D01001	Bơi lội					231	2.0	
13	719H0153	TRẦN QUỐC	TUẤN	19H70401	147	7.74	90	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						
14	719H0934	HÀ THÚC	VŨ	19H70402	147	7.52	73	503022	Cơ sở tin học 2	2				192	0.0	



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719H0941	HUỖNH MINH	ANH	19H70504	148	7.42	74	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	719H0956	LÊ TIẾN	ĐẠT	19H70504	148	7.42	60	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	719H0958	TRẦN QUANG	ĐẠT	19H70502	148	7.10	78	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	719H0959	BÙI THỊ NGỌC	ĐIỂM	19H70503	148	7.30	82	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	719H0964	ĐOÀN ĐỨC	DUY	19H70504	148	7.39	85	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	719H0969	LÊ THỊ NHƯ	HÀ	19H70502	148	7.11	75	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	719H0198	NGÔ NGỌC QUẾ	HÂN	19H70502	148	7.46	91	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	719H0220	NGUYỄN MINH	HUYỀN	19H70501	148	6.88	80	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	719H0993	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	19H70503	131	6.33	63	D01001	Bơi lội					212	0.0
								503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								705067	Quản trị ẩm thực	3				222	0.0
								705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	719H0998	NGUYỄN VIỆT TIỂU	MÃN	19H70503	148	7.60	91	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	719H0247	ĐẶNG HUỖNH	NGÂN	19H70502	152	7.53	90	D01001	Bơi lội					201	3.0
12	719H1002	HUỖNH THỊ TUYẾT	NGÂN	19H70501	148	6.83	78	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	719H1010	NGUYỄN LÊ HỒNG	NGỌC	19H70502	148	7.07	79	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	719H1013	LƯU TRẦN YẾN	NHI	19H70502	148	7.24	90	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	719H0273	TRẦN THỊ HUỖNH	NHI	19H70502	148	7.51	90	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	719H1020	LÊ TẤN HOÀNG	PHONG	19H70502	143	7.22	63	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
17	719H1027	TRƯƠNG THẮNG	QUẾ	19H70501	148	7.41	82	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	719H1030	CHU XUÂN	SƠN	19H70502	148	7.64	76	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				231	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	719H1036	HỒ NGỌC	THỊNH	19H70502	146	7.00	83	705023	Thực tập nghề nghiệp 2	2				203	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	719H1039	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	19H70501	150	7.16	84	715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	719H0304	TRỊNH VI THỦY	TIỀN	19H70502	150	7.58	84	715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719H0348	LÊ NGUYỄN VIỆT	DŨNG	19H70603	142	6.80	80	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	719H1104	ĐỖ NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	19H70601	137	6.45	58	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				223	0.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
3	719H0521	NGUYỄN VĂN	THẾ	19H70601	142	7.24	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	719H1129	LÊ TRIỀU	VỸ	19H70603	136	7.26	76	503034	Cơ sở tin học 3	1				212	0.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	D1900016	TRẦN THỊ BÍCH	19H70702	149	6.98	87	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	719H1134	BÙI THỊ MINH CHÂU	19H70701	149	7.03	70	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	719H1141	PHẠM VIỆT	DƯƠNG	19H70702	153	7.56	80		Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh					
4	719H0636	PHAN NGUYỄN KỲ	19H70701	149	7.06	84	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	719H0810	NGUYỄN THỊ KIM HÂN	19H70701	149	6.91	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	719H1150	NGUYỄN HOÀNG NGỌC HIẾU	19H70701	149	6.99	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	719H1153	NGUYỄN THỊ XUÂN HUYỀN	19H70701	149	7.55	94	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	719H1160	NGÔ NGUYỄN LONG LÂN	19H70701	144	7.42	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
9	719H1169	PHAN THỊ KIM NGÂN	19H70701	149	7.56	80		Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
							707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
10	71901405	CHÂU NGỌC PHƯƠNG NGHI	19H70702	148	7.50	88	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
11	719H0680	LÊ KIM	NGỌC	19H70701	149	7.08	85	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
12	719H1173	NGUYỄN TRẦN QUANG	NHẬT	19H70702	149	6.86	51	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
13	719H0691	ĐẶNG HỒ PHƯƠNG	OANH	19H70701	149	7.53	91	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
14	719H1179	ĐẶNG BẢO	PHỤNG	19H70702	151	7.92	73	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	719H1180	LÊ THIÊN QUỐC	SỸ	19H70702	144	6.90	77	707020 717CM1 L00033 L00040	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	2 2 5				233 231	0.0 K
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
16	719H0697	LÊ NGỌC	TÂN	19H70701	151	6.95	66	717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	719H1183	LÂM LƯƠNG THÀNH	THỊNH	19H70702	149	6.97	75	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
18	719H1184	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	19H70701	149	7.13	56	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
19	719H0823	TRẦN NGUYỄN THÚY	VI	19H70701	149	7.13	92	707020 717CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719V0124	DƯƠNG HOÀNG ANH	DUY	19K70401	122	6.89	77	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1				201	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	719V0191	NGUYỄN MINH	PHÚ	19K70401	122	7.11	69	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 128

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719K0161	PHAN HUY LONG	19K70501	122	6.50	60	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2				231	4.8
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

130

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72001316	NGUYỄN LÊ THỰC	ÁI	20070401	126	7.69	75	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	72001317	ĐOÀN NGỌC PHÚC	AN	20070401	126	7.63	90	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
3	72000009	MAI THỊ VÂN	ANH	20070461	120	7.30	88	503022 Cơ sở tin học 2	2					
							C01136	Thống kê trong kinh doanh và kinh tế	4				202	4.9
							704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	72001158	NGUYỄN BẢO NGỌC	ANH	20070461	126	7.68	87	D01001 Bơi lội					231	4.6
							704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	72000012	BÙI THỊ NGUYỆT	ÁNH	20070401	126	8.32	93	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	72001319	NGUYỄN HOÀNG MỸ	ÁNH	20070461	126	7.71	90	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	72001320	NGUYỄN LONG	BẠCH	20070401	126	8.12	92	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	72001322	HON NGỌC	CHÂN	20070401	126	7.48	75	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	72001325	ĐOÀN CÔNG	DANH	20070461	126	7.29	91	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	72000025	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	20070461	126	7.49	91	704000 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
11	72000940	TRƯƠNG THỊ NGỌC	DIỆP	20070401	126	7.85	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	72001327	NGUYỄN THỊ	DIỆU	20070401	126	7.90	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	72001328	PHAN HOÀNG NGỌC	DIỆU	20070401	126	7.49	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	72001329	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	DUNG	20070461	126	7.31	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	72001330	LÊ THỊ MỸ	DUNG	20070461	126	7.64	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	72001761	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	20070461	126	7.58	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	72001331	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	20070461	126	7.24	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	72001332	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	20070461	126	7.31	71	D01001	Bơi lội					231	2.0
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	72000035	PHẠM QUỐC	DUYÊN	20070401	126	7.76	88	D01001	Bơi lội					221	2.0
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	72001165	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	20070461	126	7.41	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	72001333	CAO HUỖNH NHẬT	GIANG	20070461	126	7.41	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
22	72001335	ĐINH NGỌC CẨM	HÀ	20070401	126	8.04	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	72001336	LÊ THỊ THU	HÀ	20070461	126	7.38	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	72001763	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	20070461	126	7.04	83	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	72000043	NGUYỄN DUY	HẠNH	20070401	126	8.28	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	72001340	HỒ LƯU	HIẾU	20070401	126	7.93	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	72000050	HUỲNH LÊ QUỐC	HOÀI	20070461	126	7.30	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	72001344	NGUYỄN TẤN	HOÀNG	20070401	126	8.17	85	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	72000950	NGUYỄN ĐẶNG CÁT	HỒNG	20070401	126	7.96	77	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	72000052	PHAN NGUYỄN VÕ	HUÂN	20070401	126	8.41	97	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	72001347	ĐỖ TUẤN	HÙNG	20070461	126	7.27	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	72001349	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	20070461	126	7.41	83	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	72001351	NGUYỄN THẾ	HUY	20070401	126	8.05	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
34	72000056	BÙI MỸ	HUYỀN	20070401	126	8.07	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	72001172	TRƯƠNG THỊ LỆ	HUYỀN	20070461	126	7.17	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	72001352	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG	KHA	20070461	123	7.39	73	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn 1	9					
37	72000957	ĐẶNG QUỐC	KHÁNH	20070401	126	7.77	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	72001354	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	20070401	126	7.89	81	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	72001356	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	20070461	126	7.72	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	72001357	LÊ NGUYỄN BỘI	LAM	20070461	126	7.46	80	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	72001360	ĐỖ NGỌC	LINH	20070401	126	8.24	93	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	72001178	HỒ THỊ	LINH	20070461	126	7.55	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	72001361	HỒ THỤC	LINH	20070461	126	7.49	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	72000082	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20070461	126	7.45	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	72001362	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	20070461	126	7.93	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	72001365	TRƯƠNG VĂN	LĨNH	20070401	126	8.01	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	72000092	DƯƠNG GIA	LONG	20070401	126	8.37	97	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	72001369	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LY	20070461	126	7.39	83	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	72001371	TRẦN THỊ LỆ	MI	20070461	126	7.63	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	72001372	Y ĐẤT	MLÔ	20070461	123	7.37	80	C01120	Toán kinh tế	3				201	4.6
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	72000099	HUỖNH THỊ NGỌC	MY	20070401	126	7.75	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	72000967	HUỖNH UYÊN THẢO	MY	20070401	126	8.03	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	72001374	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	20070461	126	7.37	78	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	72001377	PHẠM HỮU HOÀI	NAM	20070461	126	7.90	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	72001378	LÊ DƯƠNG THỦY	NGÂN	20070401	126	8.57	95	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	72000110	LÊ THỊ KIM	NGÂN	20070401	126	8.43	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
57	72000111	PHAN THỊ THÚY	NGÂN	20070461	126	7.47	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	72001381	DƯƠNG MỸ	NGỌC	20070401	126	8.32	82	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	72001193	HUỲNH THỊ MỸ	NGỌC	20070461	126	7.15	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	72001382	NGUYỄN KHẢ	NGỌC	20070401	121	7.52	66	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
61	72000974	NGUYỄN KHÁNH	NGỌC	20070401	126	7.51	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	72001383	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	20070401	126	8.15	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	72001384	MAI THẢO	NGUYỄN	20070401	126	8.34	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	72000979	TRỊNH KHÁNH	NHÃ	20070401	126	7.68	85	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
65	72001386	NGUYỄN THANH	NHÂN	20070401	126	8.39	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	72000124	TRẦN HỮU	NHÂN	20070401	126	8.35	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
67	72001387	TRƯƠNG MINH	NHẬT	20070401	126	8.50	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	22000391	GIANG QUỲNH	NHI	20070461	126	7.20	81	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	72001195	HUỖNH NGUYỄN YẾN	NHI	20070461	126	7.86	97	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	72000982	LÝ ÁI	NHI	20070401	126	7.48	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	72000128	NGUYỄN THỊ HUYỀN	NHI	20070461	126	7.46	83	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
72	72000132	ĐỒ KHÁNH	NHƯ	20070401	126	8.14	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	72001773	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	20070461	126	7.10	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
74	72000141	BÙI THỊ MỸ	NƯỞNG	20070401	126	8.34	94	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	72000985	NÔNG THỊ KIM	OANH	20070401	126	8.10	94	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
76	72001392	PHAN THANH	PHÚC	20070461	126	7.63	91	D01001	Bơi lội						
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
77	72001202	BÙI BÍCH	PHƯƠNG	20070461	126	7.76	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	72001395	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	20070461	126	7.28	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
79	72001396	HỒ THỊ MỸ	PHƯƠNG	20070461	126	7.39	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
80	72000147	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	QUYÊN	20070401	126	8.15	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
81	72001398	ĐỖ NGỌC	QUỲNH	20070461	126	7.31	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
82	72001626	NGUYỄN NỮ NHƯ	QUỲNH	20070401	126	7.96	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
83	72001207	PHAN NGUYỄN THÚY	QUỲNH	20070461	126	7.55	93	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
84	72001401	VÕ THÚY NHƯ	QUỲNH	20070461	126	6.89	78	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
85	72001402	LÊ THỊ THANH	SOA	20070461	118	7.30	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn 1	9					
86	72001405	TRẦN HUỆ	TÂM	20070401	126	8.43	91		Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
87	72001406	LÊ QUỐC	THẮNG	20070401	126	7.34	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
88	72001407	NGUYỄN VĂN	THẮNG	20070401	124	8.07	91	503022	Cơ sở tin học 2	2				222	0.0
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
89	72000162	NGUYỄN THỊ HỒNG	THANH	20070401	126	7.97	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
90	72001411	ĐẶNG THANH	THẢO	20070401	126	7.88	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
91	72000170	LÊ THỊ HOÀI	THẢO	20070461	126	7.32	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
92	02000814	LƯƠNG PHƯƠNG	THẢO	20070461	126	7.42	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
93	72001412	NGUYỄN THẢO MINH	THI	20070461	126	7.57	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
94	72001414	TRẦN PHÚ	THỊNH	20070461	121	7.26	80	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
95	72001415	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	20070461	126	7.78	96	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
96	72001416	NGUYỄN	THÔNG	20070461	126	7.43	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
97	72001417	QUÁCH THỊ LỆ	THU	20070461	126	7.32	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
98	72000183	NGUYỄN ANH	THỨ	20070401	126	8.49	93	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
99	72001219	NGUYỄN THUY ANH	THỨ	20070461	126	7.54	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
100	72001418	VĂN ANH	THỨ	20070461	126	7.50	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
101	72001422	TRỊNH THỊ	THÚY	20070401	126	8.24	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
102	72001423	TRẦN THỊ THU	THỦY	20070401	126	8.25	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
103	72000185	TRẦN THỊ THU	THỦY	20070401	126	7.57	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
104	72001224	ĐỖ CẨM	TIỀN	20070461	126	7.73	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
105	72001225	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	20070461	126	7.38	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
106	72001427	NGUYỄN NGỌC	TIẾN	20070461	126	7.59	85	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
107	72000192	ĐẶNG PHÚC VĨNH	TOÀN	20070461	122	7.45	74	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				213	4.9
								306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				213	4.3
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
108	72001429	NGUYỄN BÙI BẢO	TRÂM	20070401	126	7.76	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
109	72001430	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂM	20070401	126	7.85	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
110	72001431	TRƯƠNG BÍCH	TRÂM	20070461	126	8.08	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
111	72001432	HỒ NGỌC BẢO	TRÂN	20070401	126	7.99	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
112	72000199	HUỖNH LÊ THÁI	TRÂN	20070401	126	8.19	89	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
113	72001433	PHAN TRẦN HUYỀN	TRÂN	20070461	126	7.48	91	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
114	72000200	TÔ NGỌC TUYẾT	TRÂN	20070401	126	7.49	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
115	72001780	PHẠM HUYỀN	TRANG	20070461	121	7.03	69	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					231	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
116	72001436	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	20070461	126	7.65	89	D01001	Bơi lội					222	2.0
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
117	72001437	PHẠM THỊ THUỖ	TRANG	20070461	126	7.88	93	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học130

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
118	72001007	TRẦN MAI	TRANG	20070401	126	7.49	81	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
119	72001439	TRẦN THÙY	TRANG	20070401	126	8.11	93	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
120	72001441	NGUYỄN ĐẮC KIỀU	TRINH	20070461	126	7.38	79	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
121	72001443	VÕ TÚ	TRINH	20070401	126	8.11	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
122	72001444	TRẦN NGỌC	TRÚC	20070461	116	6.91	70	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn 1	9					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
123	72001445	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	20070401	126	8.22	88	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
124	72000211	THÁI THIÊN	TÚ	20070401	126	7.90	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
125	72001446	NGUYỄN ANH	TUẤN	20070401	126	7.95	85	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
126	72001786	NGUYỄN KHÁNH	UYÊN	20070461	126	7.67	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
127	72000224	TRẦN VI VA	20070401	126	7.62	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2	1		0	233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							Nhóm tự chọn GDTC 2							
128	72001448	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	20070461	126	7.70	85	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
129	72000230	NGUYỄN TƯỜNG VI	20070401	126	7.77	84	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
130	72001451	NGUYỄN THỊ THÙY VINH	20070401	126	8.06	95	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
131	72001452	ĐỖ THỊ THÚY VY	20070401	126	7.85	87	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
132	72000232	LÂM TRIỆU VY	20070401	126	8.20	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
133	72001453	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	20070461	126	7.25	86	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
134	72001455	TRẦN MINH THÚY VY	20070401	126	8.20	90	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
135	72000236	VÕ ĐAN VY	20070461	126	7.58	92	704000	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							704CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72001238	NGUYỄN HÀ KIỀU ANH	20070581	127	7.25	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	72000244	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	20070561	122	7.21	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
3	72001458	NGUYỄN TUYẾT ANH	20070501	127	8.54	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	72001459	TRẦN ĐÀO MINH ANH	20070501	130	8.00	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	72001460	HOÀNG THỊ THANH BÌNH	20070561	127	6.86	79	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	72001462	NGUYỄN THƯƠNG UYÊN CHI	20070581	124	7.05	88	B02037	Quản trị tài chính	3				222	3.7
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	72000258	NGUYỄN THÀNH CHIẾN	20070501	127	7.89	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	72001022	TẠ THÀNH ĐẠT	20070501	127	8.01	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	72001468	NGUYỄN HỒ AN ĐIỀN	20070501	127	8.20	98	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	72000266	HUỲNH THỊ NGỌC DIỆP	20070501	127	8.31	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	72000268	VÕ THỊ NGỌC	DIỆP	20070501	127	7.47	85	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	72001791	LA THỊ	DUNG	20070581	127	7.47	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	72001247	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	20070561	127	7.19	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	72001471	ĐẶNG ANH	DUY	20070561	124	7.02	81	B02037	Quản trị tài chính	3				232	4.7
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	72000274	NGUYỄN THỊ TRIỆU	DUY	20070581	127	7.36	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	72000276	CAO THỊ MỸ	DUYÊN	20070561	127	7.61	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	72001251	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	20070561	127	7.41	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	72001472	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	20070561	127	7.41	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	72000284	NGUYỄN THỊ HUỖNH	GIAO	20070501	127	8.26	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	72001254	MAI VŨ LÂM	HÀ	20070561	127	7.32	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	72001474	BÙI VŨ BẢO	HÂN	20070561	127	7.21	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	72001475	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	20070581	127	7.52	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	72001476	NGUYỆ THỊ THU	HẰNG	20070561	127	7.65	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	72000296	NGUYỄN MINH	HẠNH	20070581	127	7.91	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	72001259	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÀO	20070561	127	8.18	97	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	72000299	NGUYỄN LÊ NHƯ	HÀO	20070501	127	8.43	99	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	72000303	TRẦN THỊ DIỆU	HIỀN	20070561	127	7.54	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	72001478	VÕ NGUYỄN XUÂN	HIỂN	20070581	127	7.42	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	72001479	NGUYỄN MINH	HIẾU	20070561	124	6.85	64	B02037	Quản trị tài chính	3				232	4.5
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	72001261	NGUYỄN THỊ MINH	HUỆ	20070561	123	7.09	85	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01084	Luật công ty	2				232	4.9
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	72001484	HOÀNG MAI	HƯƠNG	20070561	122	6.94	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
32	72001485	HOÀNG THU	HƯƠNG	20070501	127	7.53	87	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	72000312	NGUYỄN QUỐC	HUY	20070581	127	8.02	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	72000314	CẦN NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	20070561	127	7.74	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	72001488	PHẠM THỊ NHƯ	HUỖNH	20070501	127	7.50	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	72000322	TRẦN THỊ DIỄM	HUỖNH	20070501	127	8.02	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	72001489	ÔNG NGUYỄN	KHOA	20070501	127	7.91	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	72001490	PHẠM TRUNG	KIÊN	20070581	127	7.76	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	72000332	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	20070501	127	8.31	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	72000333	TRẦN CÁT HOÀNG	LAM	20070561	127	7.60	81	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	72000341	ĐẶNG THỊ THÙY	LINH	20070561	127	7.35	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	72001496	TRẦN NHÃ KHÁNH	LINH	20070501	127	8.15	97	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	72001497	VŨ PHƯƠNG	LINH	20070501	127	8.11	93	D01001	Bơi lội					221	2.0
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	72000354	GIANG THỊ TUYẾT	MAI	20070501	125	6.96	85	503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	72001500	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	20070501	127	8.16	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	72001501	ĐÌNH THỊ HUỆ	MÃN	20070561	127	6.83	78	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	72000358	NGUYỄN QUỐC	MẠNH	20070501	127	7.96	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	72000361	NGUYỄN THỊ NHƯ	MUỘI	20070581	127	7.49	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	72001276	LÊ HUYỀN	MY	20070561	127	7.77	89	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	72001503	NGUYỄN NGUYỆT GIA	MY	20070501	127	7.61	84	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	72001504	NGUYỄN THẢO	MY	20070581	127	7.70	97	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
52	72000366	PHẠM THỊ HOÀN	MỸ	20070501	127	7.63	84	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	72001506	LÊ THỊ HẰNG	NGA	20070581	127	7.67	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	72000377	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	20070561	127	7.87	89	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	72001509	PHAN THỊ THANH	NGÂN	20070501	127	8.07	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	72000380	VI THU	NGÂN	20070561	127	7.02	85	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	72001510	ÂU MỸ	NGHI	20070501	127	7.60	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	72000381	LÊ THỊ PHƯƠNG	NGHI	20070581	127	7.64	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	72001511	PHẠM HOÀNG MẪN	NGHI	20070561	127	7.74	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	72000383	NGÔ NGUYỄN HỮU	NGHĨA	20070501	127	8.51	97	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	72001512	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	20070561	127	7.70	85	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	72001513	BÙI NHƯ BÍCH	NGỌC	20070501	127	8.02	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	72001514	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	20070501	127	7.70	84	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	72001515	ĐÌNH HẠNH	NGUYỄN	20070581	127	7.41	97	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	72001037	DƯƠNG HẢI	NGUYỄN	20070501	127	7.98	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	72000397	HUỖNH TRUNG	NGUYỄN	20070501	127	7.85	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
67	72000401	BÙI MINH	NGUYỆT	20070561	127	7.38	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	72001520	LÊ THỊ MINH	NHẬT	20070501	127	8.29	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	72000403	HỒ HUỆ	NHI	20070561	123	6.96	79	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	72001522	HUỖNH THỊ TRIỆU	NHI	20070501	127	8.21	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	72000407	LÊ THỊ YẾN	NHI	20070501	127	7.83	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
72	72001523	NGUYỄN HẢI	NHI	20070561	127	7.25	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	72001817	PHẠM HUỖNH YẾN	NHI	20070581	124	7.13	83	B02037	Quản trị tài chính	3				232	4.2
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
74	72001524	TRẦN DƯƠNG KỶ HIỂN	NHI	20070561	127	7.44	92	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	72001040	TỪ MINH	NHI	20070501	127	8.43	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
76	72000410	LÂM TÚ	NHƯ	20070501	127	7.71	88	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
77	72001529	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	20070581	127	7.70	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	72001531	TRƯƠNG THỊ CHU	ÔN	20070501	127	7.00	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
79	72001532	THÁI THÀNH	PHÁT	20070581	127	7.31	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
80	72001533	THÁI THUẬN	PHÁT	20070501	127	8.05	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
81	72001534	NGUYỄN THÁI	PHI	20070501	127	8.29	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
82	72001287	BÙI THỊ THU	PHƯƠNG	20070561	127	7.34	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
83	72000424	TRIỆU TÚ	PHƯƠNG	20070581	122	6.92	82	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								B02037	Quản trị tài chính	3				222	4.3
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
84	72000427	LÊ NHẬT QUỲN	20070561	127	7.70	80	D01001	Bơi lội					222	R
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
85	72000436	NGUYỄN NHẤT QUỲNH	20070501	127	8.23	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
86	72000439	TRƯƠNG BẢO QUỲNH	20070501	127	8.03	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
87	72001293	TRẦN THỊ NGỌC SƯƠNG	20070581	127	7.27	88	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
88	72001541	LÊ HỒNG THẨM	20070501	127	7.90	87	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
89	72000445	DƯƠNG THANH THANH	20070501	127	7.76	89	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
90	72000447	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	20070501	127	7.95	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
91	72000449	ĐỖ TRỊNH MINH THÀNH	20070501	127	8.38	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
92	72001543	NGUYỄN HOÀNG THANH THẢO	20070561	127	7.68	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
93	72001296	TRẦN ANH THẢO	20070561	120	6.93	84	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							B02037	Quản trị tài chính	3				222	3.4
							705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
94	72001297	VŨ THỊ THANH	THẢO	20070561	127	7.53	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
95	72000453	HỒ THỊ HOÀNG	THI	20070561	127	7.95	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
96	72001544	THỊ	THƠM	20070581	124	7.03	92	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
97	72001300	MAI THỊ MINH	THỨ	20070561	127	7.25	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
98	72001301	RCOM H TIỂU	THỨ	20070561	127	7.23	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
99	72001546	TRƯƠNG HÀ ANH	THỨ	20070561	127	7.49	88	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
100	72000461	NGUYỄN ĐOAN	THỰC	20070501	127	8.33	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
101	72001549	BIỆN THỊ HỒNG	THÚY	20070501	127	8.05	99	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
102	72000464	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	20070561	127	7.24	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
103	72000463	TỪ NGUYỄN NHƯ	THỦY	20070581	127	7.07	87	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
104	72001550	TRẦN THỊ HỒNG	THUYẾT	20070501	127	8.01	85	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
105	72001806	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	20070561	127	6.90	67	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
106	72000475	NGUYỄN THANH	TRÂM	20070561	127	7.37	81	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
107	72001553	TRẦN NGỌC YẾN	TRÂM	20070581	127	7.20	85	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
108	72001821	HỒ TRẦN NGỌC	TRÂN	20070581	127	7.35	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
109	72001556	HÀ HUYỀN	TRANG	20070501	127	7.96	82	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
110	72001557	HỒ CAO THỰC	TRANG	20070501	127	7.57	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
111	72001558	HỒ NGUYỄN UYÊN	TRANG	20070501	127	8.13	95	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
112	72000485	NGUYỄN LÊ ĐOAN	TRANG	20070501	127	7.92	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
113	72001057	THÁI THỊ THANH	TRANG	20070501	127	8.16	86	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
114	72001561	NGUYỄN THANH	TRIỀU	20070501	127	8.25	83	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
115	72000497	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	TRINH	20070581	127	7.65	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
116	72000498	TRẦN THẢO	TRINH	20070501	127	7.95	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
117	72001564	LÊ NGÂN	TRÚC	20070581	127	7.29	87	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
118	72001822	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRƯỜNG	20070581	127	7.32	88	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
119	72001567	NGUYỄN VĨNH	TRƯỜNG	20070501	127	7.94	90	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
120	72001568	PHAN TRẦN THANH	TUYỀN	20070501	127	8.33	99	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
121	72001811	VÕ TRIỆU QUỲNH	UYÊN	20070581	127	7.47	96	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
122	72001569	ĐOÀN THỊ CẨM	VÂN	20070501	127	8.05	94	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
123	72001570	NGUYỄN THỊ ÁNH	VÂN	20070501	127	7.90	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
124	72001571	NGUYỄN THỊ MỸ	VÂN	20070561	127	7.23	91	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
125	72001573	NGUYỄN TRẦN YẾN	VY	20070581	127	7.45	93	705103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								705CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72000535	GIANG NGỌC MỸ AN	20070601	134	8.12	98	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	72000536	HỒ HỒNG AN	20070601	134	7.97	88	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	72001580	NGUYỄN QUYỀN ANH	20070601	134	7.55	79	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	72001581	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	20070601	134	7.73	93	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	72001064	NHĨN NGỌC PHƯƠNG ANH	20070601	134	7.33	93	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	72000544	LƯƠNG QUỐC BẢO	20070601	134	7.59	88	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	72001582	MAI QUỐC BẢO	20070601	134	7.08	82	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	72000548	NGUYỄN NHƯ BÌNH	20070601	136	7.29	90	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	72001583	ĐOÀN DƯƠNG MỘNG CẨM	20070601	134	8.14	95	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	72000556	NGUYỄN MINH ĐĂNG	20070601	134	8.26	87	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	72001584	PHAN NGỌC ĐẠT	20070601	134	7.22	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	72000563	ĐOÀN NGỌC THỦY DUNG	20070601	134	7.68	87	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	72001585	LÊ PHẠM THỦY DUYÊN	20070601	134	8.30	95	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	72001587	ĐÌNH QUỲNH	GIANG	20070601	134	8.27	98	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	72001069	HOÀNG THANH	GIANG	20070601	134	8.27	85	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	72000574	CHÂU GIA	HÂN	20070601	134	7.58	92	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	72000576	NGUYỄN THỊ KIỀU	HÂN	20070601	134	7.96	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	72001589	NGUYỄN THỊ	HIỀN	20070601	134	8.43	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	72001591	TRÀ ÁNH	HOA	20070601	134	7.97	96	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	72001593	LÝ TRẦN	HÙNG	20070601	134	7.91	85	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	72001594	TRƯƠNG GIAI	HƯNG	20070601	134	7.57	89	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	72001595	TRƯƠNG QUỐC	HUY	20070601	134	7.55	96	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	72001596	MAI THỊ NGỌC	HUYỀN	20070601	129	7.33	79	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					213	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
24	72000597	NGUYỄN HỮU	KHA	20070601	134	7.83	93	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	72001599	HOÀNG NGUYỄN DUY	KHOA	20070601	134	7.63	90	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	72001602	TRẦN MỸ	LINH	20070601	134	8.10	98	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	72001604	MAI HỮU	LUÂN	20070601	134	7.92	85	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	72001605	ĐÌNH THỊ CẨM	LY	20070601	134	8.00	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	72001606	NGUYỄN THỊ	MAI	20070601	134	8.57	88	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	72001607	NGUYỄN ÁI	MÃN	20070601	134	7.02	92	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	72001609	PHAN ĐĂNG TRÀ	MY	20070601	134	7.77	88	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	72000622	VÕ ĐOÀN NGỌC	MY	20070601	134	7.53	89	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	72001611	HOÀNG THỊ NGỌC	NGÀ	20070601	134	7.97	86	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	72001612	HUỖNH ĐỖ KIM	NGÂN	20070601	134	7.49	92	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	72001613	LÊ THỊ THÙY	NGÂN	20070601	134	8.15	87	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
36	72000632	TRƯƠNG THỊ KIM	NGÂN	20070601	134	8.05	95	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	72001614	HUỖNH THỊ TÚ	NGỌC	20070601	134	7.63	84	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	72000650	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	20070601	129	7.71	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
39	72001617	NGUYỄN LÊ MỸ	NHÂN	20070601	134	7.62	94	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	72001086	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	20070601	130	7.66	87	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				222	0.0
								706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	72001621	VÕ TÁ	PHÁT	20070601	134	7.37	81	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	72001622	NGUYỄN THỊ TUYẾT	PHÊ	20070601	134	7.80	90	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	72001623	TRẦN TRỌNG	PHÚC	20070601	134	7.48	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	72000689	NGUYỄN NGỌC GIA	QUỲNH	20070601	134	7.83	93	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	72001627	NGUYỄN TRẦN CÔNG	TẠO	20070601	134	7.51	82	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	72001628	ĐẶNG VIỆT	THẮNG	20070601	134	8.00	86	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	72000705	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	20070601	134	7.85	96	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	72001630	LÊ KIM	THOA	20070601	134	7.96	83	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	72001632	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	20070601	134	7.99	83	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	72001633	NGUYỄN NHÃ	THY	20070601	134	8.31	90	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	72000749	VÕ THỊ HUỖNH	TRANG	20070601	134	7.95	94	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	72001636	ĐOÀN YẾN	TRÚC	20070601	134	7.33	94	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	72000753	LÊ BÙI THÚY	TRÚC	20070601	134	7.64	86	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	72001637	HUỖNH VĂN ĐAN	UYÊN	20070601	134	7.46	90	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	72000766	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	UYÊN	20070601	134	7.87	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	72001639	HOÀNG THỊ HẢI	VÂN	20070601	134	8.08	90	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	72000776	PHAN THỊ YẾN	VÂN	20070601	134	7.98	86	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	72001643	HUỖNH THỊ YẾN	20070601	134	6.62	93	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72001825	LEE	EUNJI	20070601	134	7.00	87	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	72001826	CHOEUN	UDOM	20070601	126	6.14	87	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn 2	3					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
3	72001827	EUNG	VIRAKTI	20070601	134	6.57	85	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72000799	TRỊNH THỊ THÚY	ANH	20070701	126	7.41	81	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
2	72001644	HUỲNH THỊ QUẾ	ANH	20070701	126	7.62	88	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
3	72000802	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	20070701	126	8.17	93	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
4	72001645	PHẠM KIM	ANH	20070701	126	7.25	92	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
5	72001646	TRẦN THỊ KIỀU	ANH	20070701	126	7.74	85	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
6	72001648	NGUYỄN BÁCH	BÌNH	20070701	126	7.23	88	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
7	72000806	HỒ MỸ TRANG	ĐÀI	20070701	126	7.53	83	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
8	72001651	HUỲNH TẤN	ĐẠT	20070701	126	6.88	72	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
9	72001652	NGUYỄN THỊ QUỲNH	DIỄM	20070701	126	7.88	96	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
10	72001654	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	20070701	126	8.21	86	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
11	72001655	HỒ MINH	ĐỨC	20070701	126	7.32	85	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
12	72000811	DƯƠNG THỊ BÍCH	DUYÊN	20070701	126	8.32	94	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học132

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
13	72001659	LÊ THỊ KIM	DUYÊN	20070701	126	7.73	92	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
14	72000814	TĂNG THỊ HỒNG	DUYÊN	20070701	126	7.87	95	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
15	72001660	PHẠM LÊ LINH	GIANG	20070701	126	7.47	91	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
16	72001661	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	GIAO	20070701	126	7.63	83	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
17	72001662	NGUYỄN KHẮC	HÀ	20070701	126	7.64	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
18	72001120	NGÔ TỊNH	HÂN	20070701	126	7.95	96	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
19	72001664	NGUYỄN BẢO	HÂN	20070701	126	7.68	94	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
20	72001665	PHẠM NGỌC BẢO	HÂN	20070701	126	7.65	78	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
21	72001666	NGUYỄN THỊ	HẰNG	20070701	126	8.10	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
22	72001667	PHẠM THỊ	HẢO	20070701	126	7.50	87	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
23	72001669	LA TRUNG	HIẾU	20070701	126	7.58	91	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
24	72001670	NGUYỄN THỊ NGỌC	HOA	20070701	126	7.37	84	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
25	72001671	TRẦN DUY	HOÀNG	20070701	126	8.00	90	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
26	72001673	NGUYỄN HUỲNH BẢO	HƯNG	20070701	126	7.82	84	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
27	72001676	LƯU HỮU	HUY	20070701	126	7.35	82	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
28	72001677	VŨ TRẦN NGỌC	HUYỀN	20070701	126	7.79	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
29	72001678	HUỲNH VÕ	KHẢI	20070701	121	7.39	82	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5				231	K
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
30	72001679	ĐẶNG HOÀNG	KHOA	20070701	126	7.54	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
31	72001680	NGUYỄN THỊ VĨ	KHUYỀN	20070701	126	8.21	92	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
32	72001681	TRẦN PHƯƠNG	LAM	20070701	126	8.46	95	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
33	72001683	ĐÌNH THỊ KHÁNH	LINH	20070701	126	7.71	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
34	72001684	LÊ THỊ MỸ LINH	20070701	126	7.47	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
35	72001686	TẠ GIA LINH	20070701	126	8.12	98	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
36	72001687	TRẦN THỊ THÙY LINH	20070701	126	7.44	92	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
37	72001688	NGUYỄN TÀI LỘC	20070701	126	7.50	82	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
38	72001689	VÕ MINH LUÂN	20070701	126	7.72	93	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
39	72001690	PHẠM THỊ NGỌC MAI	20070701	117	6.77	84	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				213	4.6
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							707029	Tập sự nghề nghiệp	2					
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4				233	0.0
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
40	72001693	PHẠM HIẾU MY	20070701	126	7.59	80	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
41	72001694	PHAN THỊ THANH NGÀ	20070701	126	8.12	90	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
42	72001697	PHAN THỊ THU	NGÂN	20070701	126	7.93	89	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
43	72001699	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	20070701	126	6.79	76	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
44	72001702	MAI BÙI BẢO	NGỌC	20070701	126	7.47	82	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
45	72001703	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	20070701	126	7.60	90	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
46	72001704	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	20070701	126	7.12	93	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
47	72001705	TRỊNH NGỌC THẢO	NGUYỄN	20070701	126	8.04	92	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
48	72001519	KIỀU MINH	NHẬT	20070701	126	7.40	77	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
49	72001134	NGUYỄN THỊ LINH	NHI	20070701	126	8.10	92	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
50	72001708	TRẦN THỊ YẾN	NHI	20070701	126	8.06	91	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
51	72001709	HUỲNH	NHƯ	20070701	126	7.59	90	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
52	72000875	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	20070701	126	7.75	88	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
53	72001711	NGUYỄN QUỐC	NHỰT	20070701	126	8.12	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
54	72001713	TRẦN HOÀNG	OANH	20070701	126	7.71	91	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
55	72000877	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	PHA	20070701	126	8.18	92	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
56	72001714	LÂM TIẾN	PHÁT	20070701	126	7.21	75	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
57	72001715	HOÀNG HÀ	PHI	20070701	126	7.30	83	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
58	72001716	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	20070701	126	7.25	81	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
59	72001719	HỒ SĨ	PHÚ	20070701	126	7.09	69	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
60	72001720	TRẦN HỮU	PHƯỚC	20070701	126	8.43	96	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
61	72001722	NGUYỄN NGỌC THIÊN	PHƯƠNG	20070701	126	7.94	93	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
62	72001723	LƯU HIẾU	QUẢN	20070701	126	8.33	82	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
63	72001725	CAO TRẦN NHƯ	QUỲNH	20070701	126	8.16	92	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
64	72001726	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	20070701	126	7.97	96	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học132

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
65	72001727	PHẠM LÊ NHƯ	QUỲNH	20070701	126	8.22	86	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
66	72001728	NGUYỄN PHÙNG	TÀI	20070701	126	7.61	79	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
67	72001731	TRỊNH MINH	THẮNG	20070701	126	7.18	87	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
68	72001733	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20070701	126	7.76	89	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
69	72001735	VÕ THANH	THẢO	20070701	126	7.56	86	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
70	72001738	NGUYỄN QUANG	THỐNG	20070701	126	8.22	94	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
71	72001739	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	20070701	126	8.27	91	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
72	72001740	NGUYỄN NGỌC CẨM	TIỀN	20070701	126	7.42	76	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
73	72001742	LÂM TRƯỜNG	TÍN	20070701	126	7.19	71	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
74	72001743	TRẦN MINH	TRÂM	20070701	126	7.45	88	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
75	72001744	VIỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	20070701	126	7.98	84	707029 707CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4				233	0.0
76	72001149	HUỲNH VÕ ÁI	TRINH	20070701	126	7.89	97	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
77	72000922	PHAN VĂN	TRƯỜNG	20070701	126	7.68	88	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
78	72000925	CHÂU TỔ	UYÊN	20070701	126	8.79	93	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
79	72001151	ĐÀO MỸ	UYÊN	20070701	126	7.66	80	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
80	72000928	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	20070701	126	8.41	96	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
81	72001754	NGUYỄN LÊ THẢO	VY	20070701	126	8.10	89	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
82	72001755	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	20070701	126	7.55	83	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
83	72001757	LÊ THỊ DIỆU	YẾN	20070701	126	7.86	87	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
84	72001758	PHẠM THỊ KIM	YẾN	20070701	126	7.89	87	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	72001828	VAN	BOPHA	20070701	126	6.63	65	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					
2	72001829	SOK	SARA	20070701	126	6.90	82	707029	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								707CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 149

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H0865	ĐIỀN GIA AN	20H70402	145	7.73	81	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	720H0868	HỒ HOÀNG ANH	20H70404	145	7.62	81	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720H1368	NGUYỄN NGỌC HUẾ ANH	20H70401	145	8.15	92	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720H0874	VŨ NGỌC ANH	20H70403	143	7.39	90	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
5	720H1370	BÙI THỊ QUẾ CHÂU	20H70401	145	8.16	90	D01001	Bơi lội					212	4.1
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	720H0024	LÊ TRẦN ĐẠI	20H70404	145	7.86	87	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	720H0035	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	20H70402	140	7.53	85	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	720H0040	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	20H70403	140	7.54	78	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					221	K

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học149

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					222	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
9	720H0891	TÔ HƯƠNG	GIANG	20H70401	145	7.59	85	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	720H1376	NGUYỄN PHÚ	HẢI	20H70403	145	8.23	81	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	720H0048	TRẦN THỊ BẢO	HÂN	20H70401	145	7.80	86	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	720H0051	NGUYỄN NGỌC NHƯ	HẠNH	20H70403	145	7.57	83	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	720H0053	NGUYỄN PHẠM MINH	HẠNH	20H70402	145	7.66	71	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	720H0894	NGUYỄN PHẠM PHÚ	HÀO	20H70403	144	7.58	67	503034	Cơ sở tin học 3	1					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	720H0055	PHẠM THANH	HÀO	20H70404	145	7.72	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	720H0057	HUỖNH THỊ TRÚC	HIỀN	20H70403	145	7.66	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720H1379	PHẠM MINH	HIẾU	20H70401	145	7.65	57	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học149

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
18	720H0064	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	HÒA	20H70404	144	7.63	88	503034	Cơ sở tin học 3	1					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	720H0065	NGUYỄN THÁI	HÒA	20H70404	145	7.96	86	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720H0901	VÕ THU	HỒNG	20H70404	144	7.57	75	503034	Cơ sở tin học 3	1					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	720H0074	ĐÀO LÊ KHANG	HUY	20H70402	145	8.30	89	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	720H0075	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	20H70403	145	7.86	86	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	720H0909	LÊ MINH	KHANH	20H70401	145	8.01	85	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	720H0084	BÙI VĂN	KHƯƠNG	20H70404	140	7.60	72	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
25	720H1385	HOÀNG TUẤN	KIẾT	20H70402	140	7.77	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					232	0.0
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học149

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
26	720H0086	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	20H70404	145	7.83	70	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	720H1387	LÂM GIA	LINH	20H70404	143	7.39	80	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	720H0914	LƯU NGUYỄN MỸ	LINH	20H70401	145	7.86	89	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	720H0918	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20H70403	145	7.65	93	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	720H0921	ĐẶNG THỊ QUỲNH	LƯU	20H70402	145	7.85	98	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	720H0923	VÕ THỊ HOÀNG CẨM	LY	20H70404	145	8.60	88	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	720H0924	MÃ THỊ XUÂN	MAI	20H70403	145	7.61	80	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	720H1389	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	20H70403	145	8.20	90	D01001	Bơi lội					202	3.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	720H0110	NGUYỄN HUỲNH GIA	MINH	20H70404	145	7.50	72	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	720H1392	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	20H70403	145	8.03	73	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 149

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	720H0939	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGHI	20H70401	143	7.54	86	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	720H1393	ĐOÀN BẢO	NGỌC	20H70401	145	7.97	93	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	720H0128	LÝ MỸ	NGỌC	20H70401	145	7.71	83	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	720H0129	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	20H70404	145	7.77	95	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	720H1395	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	20H70402	145	8.19	91	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	720H0947	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	20H70402	143	7.73	86	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	720H0948	TRƯƠNG BẢO	NGỌC	20H70402	145	7.71	89	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	720H0951	HUỖNH NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	20H70401	145	7.81	62	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	720H0957	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	20H70404	145	7.97	80	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	720H1397	PHẠM NGUYỄN YẾN	NHI	20H70401	145	8.02	90	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	720H1399	TRẦN THẢO	NHI	20H70404	145	8.37	88	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 149

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	720H0149	ĐẶNG NGỌC KIỀU	OANH	20H70401	145	8.10	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	720H1401	ĐỖ THANH	PHONG	20H70401	145	7.83	87	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	720H0152	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	20H70403	145	7.89	74	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	720H0985	NGUYỄN VIỆT	QUANG	20H70402	145	7.95	90	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	720H0987	ĐINH NGÔ NGỌC	QUYÊN	20H70403	145	7.96	87	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	720H1406	LÔI HOÀNG PHƯƠNG	QUYÊN	20H70401	145	7.92	91	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	720H0988	VÕ BÍCH	QUYÊN	20H70404	145	7.56	81	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	720H1407	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	20H70403	145	8.17	91	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	720H0992	TRẦN HƯƠNG	QUỲNH	20H70404	142	7.70	92	704041	Nghiên cứu Marketing	3					
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	720H1410	TRẦN NGỌC	SƠN	20H70401	145	8.25	85	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	720H1412	LÊ NHẬT	THÁI	20H70402	145	7.75	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học149

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
58	720H0164	NGUYỄN NHO THÁI	20H70402	145	8.08	86	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	720H0176	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20H70402	145	7.63	83	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	720H1414	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	20H70402	145	7.82	84	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	720H1006	VÕ THỊ XUÂN THƯ	20H70403	145	8.01	87	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	720H1416	LÊ NGUYỄN THANH THÙY	20H70403	137	7.68	76	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2					
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
63	720H1418	TRẦN THỊ MỸ TIỀN	20H70403	145	8.12	80	D01001	Bơi lội					232	2.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
64	720H1419	HUỖNH THỊ BÍCH TRÂM	20H70402	145	8.25	94	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
65	720H0205	NGUYỄN NGỌC TRÂM	20H70401	145	8.10	95	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	720H1421	LÝ BẢO TRÂN	20H70403	145	7.89	71	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học149

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
67	720H0208	QUÁCH BẢO	TRẦN	20H70401	140	7.85	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
68	720H1026	MAI LÝ THẢO	TRANG	20H70402	145	7.53	77	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	720H0217	NGUYỄN MINH	TRÍ	20H70401	145	8.32	94	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	720H0235	BÙI THỊ PHƯƠNG	UYÊN	20H70404	144	7.54	80	503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	720H1426	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	20H70403	140	7.91	83	D01001	Bơi lội					232	2.0
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
72	720H0239	TRẦN THỊ MỸ	UYÊN	20H70404	145	8.00	65	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
73	720H1430	NGÔ HÀ BẢO	VY	20H70401	145	7.76	81	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 149

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
74	720H0251	NGUYỄN BẢO HẰNG VY	20H70402	145	7.82	74	D01001	Bơi lội					212	3.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	720H0254	NGUYỄN NGỌC THANH VY	20H70404	145	8.12	71	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
76	720H1431	NGUYỄN TRẦN NHƯ VY	20H70402	145	7.52	80	D01001	Bơi lội					212	3.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
77	720H0261	NGUYỄN HOÀNG YẾN	20H70402	145	7.86	85	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	720H1434	NGUYỄN PHI YẾN	20H70402	145	7.83	84	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H1439	LÊ MINH ANH	20H70504	145	7.40	81	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	720H1441	LƯU HOÀNG PHƯƠNG	20H70503	145	6.65	75	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720H0274	PHẠM NỮ PHAN	20H70503	148	7.47	90	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720H1046	PHẠM TRANG	20H70504	145	6.87	82	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	720H0289	PHẠM LINH	20H70503	148	7.50	89	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	720H1443	LÊ NGUYỄN YÊN	20H70502	140	6.85	76	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
7	720H1052	ĐỖ THÀNH ĐẠT	20H70503	143	6.85	66	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
8	720H1445	LÊ THỊ PHƯƠNG DU	20H70501	145	7.51	85	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	720H0298	NGUYỄN VŨ HOÀNG DUNG	20H70502	148	7.84	93	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	720H1056	NGUYỄN QUANG DUY	20H70502	148	7.67	82	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	720H0299	NGUYỄN THỊ THU DUYỀN	20H70503	145	7.50	86	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	720H0310	PHẠM THU HIỀN	20H70501	148	7.78	77	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	720H1063	ĐẶNG TRẦN TRUNG HIẾU	20H70504	145	8.04	98	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	720H1064	PHẠM ĐỨC HIẾU	20H70501	145	7.12	78	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	720H1450	TRẦN ĐÌNH MINH HIẾU	20H70501	145	7.18	74	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 2						
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ		1		0		

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	720H1065	TRỊNH TRỌNG	HIẾU	20H70501	145	7.55	88	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720H1451	NGUYỄN LÊ THIÊN	HOÀNG	20H70502	145	6.83	58	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	720H1452	VÕ HOÀNG	HUÂN	20H70503	145	8.09	83	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	720H1453	TÔ THỊ NGỌC	HƯƠNG	20H70503	145	7.43	89	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720H1068	TRẦN QUỲNH	HƯƠNG	20H70503	145	7.32	64	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	720H0321	TRẦN KHÁNH	HUY	20H70502	145	7.03	86	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	720H1459	NGUYỄN QUỐC	KIỆT	20H70501	142	7.08	86	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B02037	Quản trị tài chính	3				221	4.2
23	720H0330	TRẦN THÀNH	LẬP	20H70504	145	7.15	93	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	720H1079	LÊ THUY	LINH	20H70504	143	7.22	85	503021	Cơ sở tin học 1	2				
							705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	720H1463	NGUYỄN THỊ ÁNH	LINH	20H70504	148	7.43	87	705105	Tập sự nghề nghiệp	2			233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	720H0331	NGUYỄN THỊ TÀI	LINH	20H70504	145	7.64	89	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	720H1465	TRẦN KHÁNH	LINH	20H70502	145	6.84	81	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
28	720H1466	DƯƠNG THỊ THANH	LOAN	20H70502	145	8.01	86	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	720H1467	HOÀNG KHÁNH	LY	20H70501	145	7.09	79	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	720H1468	ĐỖ THỊ TRÚC	MAI	20H70502	135	6.59	75	503021	Cơ sở tin học 1	2			201	0.0
							705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2					
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
31	720H1084	NGUYỄN HUỖNH DIỄM	MAI	20H70501	145	7.36	90	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	720H1090	TRẦN HÀ	MY	20H70501	145	7.92	91	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	720H0343	NGUYỄN HOÀN	MỸ	20H70503	145	6.99	72	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	720H0345	NGUYỄN HẰNG	NGA	20H70504	145	7.82	81	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	720H0347	BÙI TRẦN THIÊN	NGÂN	20H70504	145	7.55	77	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	720H1473	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	20H70502	145	7.22	90	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	720H0358	PHÙ THỊ YẾN	NGHI	20H70503	143	7.35	85	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	720H1099	HỒ THỊ MỸ	NGỌC	20H70504	145	7.09	78	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	720H0366	LÊ NHƯ	NGỌC	20H70503	145	7.71	89	D01001	Bơi lội				231	2.0
							705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	720H1103	VÕ PHƯỚC	NGUYỄN	20H70502	145	7.76	91	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	720H0373	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	20H70501	145	7.57	92	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	720H1105	HUỲNH	NHI	20H70504	145	7.59	84	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	720H1476	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	20H70503	145	7.41	92	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3			233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	720H1107	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	20H70502	148	8.09	98	705105	Tập sự nghề nghiệp	2			233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
45	720H1477	PHAN YẾN	NHI	20H70502	145	7.78	92	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	720H1478	TRẦN NGUYỄN THẢO	NHI	20H70503	145	7.37	89	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	720H0378	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	20H70502	142	7.14	87	702061	Quản trị nguồn nhân lực Nhà hàng - Khách sạn	3				231	4.7
								705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	720H1479	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	20H70503	145	7.47	94	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	720H1480	TẠ NGỌC	NHƯ	20H70502	145	8.04	89	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	720H1111	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHUNG	20H70502	148	7.75	91	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	720H0390	PHẠM NGUYỄN NHẢ	PHƯƠNG	20H70501	145	7.48	93	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	720H0394	TRẦN NGỌC	QUYÊN	20H70501	145	7.74	84	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	720H1486	BÙI THANH TRÚC	QUỖNH	20H70503	148	7.80	97	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	720H1488	TRẦN NGÔ ĐIỂM	QUỖNH	20H70501	143	7.75	88	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3				222	K	
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
55	720H1489	THÂN THỊ MỸ	TÂM	20H70501	145	7.45	88	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	720H0399	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	20H70501	145	7.70	74	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	720H1492	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20H70501	143	7.23	80	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
58	720H1496	HỒ NGUYỄN MINH	THỨ	20H70501	145	7.83	78	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	720H0414	ĐỖ VĂN	THUẬN	20H70501	145	8.13	94	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	720H0418	NGUYỄN DƯƠNG ANH THY	20H70502	143	7.65	86	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
							705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	720H1500	NGUYỄN HOÀNG MAI THY	20H70504	145	7.47	79	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
62	720H1132	NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	20H70502	148	7.64	83	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
63	720H1138	TRƯƠNG TRỌNG MINH TRẦN	20H70502	140	7.06	67	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
							705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
							L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					231	K
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
64	720H1139	LÊ ĐÌNH KIỀU TRANG	20H70504	143	7.40	73	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					213	K
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									bền vững						
65	720H1504	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	20H70501	145	7.47	80	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
66	720H0442	NGUYỄN NGỌC THANH	TÚ	20H70501	143	7.49	77	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
67	720H0443	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	20H70501	145	7.69	90	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
68	720H1150	TRẦN THỊ THANH	VÂN	20H70502	145	7.37	97	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
69	720H1151	TRẦN THU	VÂN	20H70502	148	7.70	96	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
70	720H1153	TRẦN TÍN	VĨ	20H70503	145	6.91	81	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
71	720H0458	NGÔ BẢO	YẾN	20H70501	145	8.01	91	705038	Quản trị resort và khu vui chơi giải trí	3				233	0.0
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H1155	LÊ TRƯƠNG THÚY	ÁI	20H70604	142	8.12	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	720H1512	NGUYỄN VĂN	AN	20H70602	142	7.12	87	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720H1513	PHAN NGUYỄN TRƯỜNG	AN	20H70601	142	7.93	93	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720H1515	LÊ NGỌC ĐỨC	ANH	20H70604	139	7.07	52	503022	Cơ sở tin học 2	2				233	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				233	0.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
5	720H0467	LÊ NHẬT MAI	ANH	20H70604	142	8.13	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	720H1516	NGUYỄN MINH	ANH	20H70602	137	7.11	86	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
7	720H1517	NGUYỄN THẢO	ANH	20H70604	137	7.34	76	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									bền vững - Kỹ năng tự học Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ		2		1		
8	720H1160	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	20H70604	142	7.49	97	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
9	720H0469	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	20H70604	142	8.03	97	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
10	720H1518	PHẠM THỊ LAN	ANH	20H70601	142	7.37	84	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
11	720H1161	ĐỖ THẾ	BÁCH	20H70601	142	7.85	87	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
12	720H0474	BÙI NHẬT	BẢO	20H70602	142	7.93	92	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
13	720H1519	HOÀNG NGỌC BẢO	CHÂU	20H70602	142	7.82	88	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
14	720H1520	TRẦN MỸ	CHÂU	20H70602	142	8.43	94	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
15	720H1521	LÊ THỊ THANH	CHÚC	20H70602	142	8.06	96	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
16	720H1164	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	20H70604	139	7.55	92	E01063 706105 716CM1	Luật thương mại quốc tế Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	3 2 2				233	0.0
17	720H0487	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	ĐOAN	20H70604	142	7.64	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	720H1166	PHÙNG DƯƠNG NGỌC DUY	20H70604	142	7.95	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	720H1528	NGUYỄN BÁ HỒNG DUYÊN	20H70604	142	7.62	89	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720H1168	LÊ THỊ THU HÀ	20H70602	142	8.00	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	720H1531	PHẠM THỊ THU HÀ	20H70603	142	7.73	85	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
22	720H1532	TRẦN THỊ NGÂN HÀ	20H70604	142	7.63	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	720H1534	ĐỖ VƯƠNG NGỌC HÂN	20H70601	142	7.97	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	720H1538	TRẦN CAO HẬU	20H70604	137	7.40	76	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
25	720H1541	TẠ THỊ LAN HƯƠNG	20H70602	142	7.46	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
26	720H1544	NGUYỄN QUANG	HUY	20H70603	142	7.16	82	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	720H1545	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	20H70603	142	8.05	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	720H1546	VŨ THỊ KHÁNH	HUYỀN	20H70601	142	7.22	77	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	720H0521	LÊ NGỌC	KHÁNH	20H70601	142	7.21	84	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	720H0522	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	20H70603	142	7.97	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	720H1551	BÙI TUẤN	KIỆT	20H70603	142	8.06	83	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	720H1553	ĐÀO THỊ MAI	LINH	20H70602	142	7.94	87	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	720H1554	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20H70604	142	7.15	84	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	720H1556	NGUYỄN THANH	LỰC	20H70601	142	7.52	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	720H1557	NGÔ KIỀU	LY	20H70602	142	7.16	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	720H1559	NGUYỄN HOÀNG DUY	MÃN	20H70604	142	7.65	87	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	720H1560	NGUYỄN HỮU	MINH	20H70601	142	7.57	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
38	720H0545	TRẦN TƯỜNG	MINH	20H70603	142	7.22	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	720H1561	LÊ THỊ TRÀ	MY	20H70601	133	6.92	85	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5				222	K
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
40	720H1562	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	20H70601	142	7.76	89	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	720H1563	HỒ TRỌNG	NAM	20H70602	142	7.23	92	D01001	Bơi lội					231	2.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2					
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
42	720H1564	LÊ	NAM	20H70602	142	7.24	82	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	720H1567	NGUYỄN HẰNG	NGA	20H70603	142	8.03	97	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	720H0552	LÊ TRẦN THANH	NGÂN	20H70601	142	7.50	95	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
45	720H1568	TRẦN MỘNG	NGÂN	20H70601	142	7.56	88	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	720H1186	LÝ THỤC	NGHI	20H70602	142	7.81	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
47	720H1570	CAO MINH	NGHĨA	20H70604	142	7.01	71	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	720H1195	VŨ THỊ THẢO	NGUYỄN	20H70601	142	7.70	87	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	720H1574	DIỆP TUYẾT	NHI	20H70603	142	7.70	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	720H1575	ĐỖ UYÊN	NHI	20H70603	142	7.92	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	720H1196	HUỖNH THỊ THÚY	NHI	20H70604	142	8.30	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
52	720H1576	LÂM THỊ TUYẾT	NHI	20H70601	142	8.46	99	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
53	720H1577	LÊ HOÀNG KHÁNH	NHI	20H70603	142	7.71	87	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
54	720H1578	LÊ THỊ THANH	NHI	20H70601	142	7.84	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
55	720H0577	LÝ TIỂU	NHI	20H70603	142	7.82	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
56	720H1579	NGUYỄN TRẦN YẾN	NHI	20H70603	142	7.79	84	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
57	720H1580	NGUYỄN TRỊNH NGUYỄN	NHI	20H70603	137	6.88	73	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					231	K
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
58	720H1581	NGÔ THANH	NHƯ	20H70603	142	7.64	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
59	720H1583	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	20H70604	142	7.43	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
60	720H0584	ĐỖ THÀNH	PHÁT	20H70604	142	7.18	79	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
61	720H1585	HÒA THÀNH	PHÁT	20H70602	135	6.85	85	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				223	0.0
								D01001	Bơi lội					231	0.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
62	720H1587	NGUYỄN THÁI	PHÚC	20H70604	137	6.78	84	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									bền vững - Kỹ năng tự học						
63	720H1589	ĐẶNG NGỌC MỸ	PHƯƠNG	20H70603	142	7.85	89	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
64	720H1590	LÊ MINH TRÚC	PHƯƠNG	20H70603	142	8.01	98	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
65	720H1591	LỮ NGỌC TRÚC	PHƯƠNG	20H70602	142	6.93	96	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
66	72001624	NGUYỄN NGỌC TRÚC	PHƯƠNG	20H70602	142	7.95	95	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
67	720H0591	PHẠM NAM	PHƯƠNG	20H70603	142	8.29	93	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
68	720H1592	ĐỖ MINH	QUÂN	20H70601	142	7.73	88	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
69	720H1206	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN	20H70604	142	8.42	86	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
70	720H1593	ĐẶNG THỊ NHƯ	QUỲNH	20H70604	142	6.93	89	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
71	720H1594	LÊ HÀN NHƯ	QUỲNH	20H70602	142	7.51	84	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0
72	720H1595	NGÔ NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	20H70604	142	7.59	88	D01001 706105 716CM1	Bơi lội Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	 2 2				212 233	3.0 0.0
73	720H1598	PHẠM THÁI	SƠN	20H70601	142	7.69	93	706105 716CM1	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
74	720H1600	PHẠM XUÂN TÂM	20H70602	142	8.04	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
75	720H1601	TRỊNH HOÀNG TÂM	20H70601	137	7.63	80	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					211	K
76	720H1602	TRẦN THỊ NGỌC THẠCH	20H70602	142	7.75	84	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
77	720H1603	UNG VĨNH THÁI	20H70602	142	7.42	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
78	720H1604	TÔ HIỂN THÀNH	20H70603	137	7.19	77	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
79	720H0602	HÀ PHƯƠNG THẢO	20H70601	142	7.49	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
80	720H1605	HUỖNH THANH THẢO	20H70604	142	7.35	81	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
81	720H0603	MAI HIỂN THẢO	20H70602	142	7.64	82	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
82	720H1606	NGUYỄN NGỌC THẢO	20H70603	142	6.88	89	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
83	720H1609	PHẠM THÀNH	THIÊN	20H70602	140	7.38	80	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
84	720H1611	NGUYỄN HÀ ANH	THƯ	20H70604	142	7.60	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
85	720H1612	TRẦN TRỌNG	THỨC	20H70601	142	7.72	93	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
86	720H1613	CHU THỊ	THÚY	20H70602	142	8.02	98	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
87	720H0626	NGUYỄN LÝ YẾN	THY	20H70603	142	8.50	88	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
88	720H1614	NGUYỄN TÂN	TIẾN	20H70603	142	7.31	74	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
89	720H1616	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	20H70601	142	7.79	93	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
90	720H1617	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂN	20H70602	142	7.31	92	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
91	720H1618	ĐÌNH NGỌC YẾN	TRANG	20H70603	142	7.90	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
92	720H1619	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	20H70604	142	8.23	88	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
93	720H1620	TRẦN THỊ CẨM	TRANG	20H70601	142	7.71	95	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
94	720H1622	BÙI LÊ MINH	TRIẾT	20H70602	142	7.44	79	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
95	720H1224	BÙI THỊ TỔ	TRINH	20H70603	142	7.95	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
96	720H0638	TRẦN THỊ TRUNG	TRINH	20H70601	142	7.69	86	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
97	720H1623	NGUYỄN THANH	TRÚC	20H70602	142	8.27	86	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
98	720H1624	NGUYỄN TRÀ THANH	TRÚC	20H70602	142	7.53	83	D01001	Bơi lội					212	3.0
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
99	720H1627	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	20H70604	142	7.70	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
100	720H1229	DƯƠNG ANH	TUẤN	20H70603	142	7.49	82	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
101	720H1629	LÊ QUỐC	TUẤN	20H70601	138	7.11	88	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								706105	Tập sự nghề nghiệp	2					
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
102	720H0649	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	20H70604	142	7.66	89	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
103	720H1232	PHAN THỊ BÉ	TY	20H70604	142	7.69	96	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
104	720H0652	NGUYỄN TUYẾT	VÂN	20H70601	142	7.55	95	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
105	720H1630	TRƯƠNG VŨ THÙY VÂN	20H70602	142	7.60	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
106	720H1632	TRẦN LÊ NHẬT VŨ	20H70602	142	8.11	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
107	720H1634	ĐOÀN THỊ NGỌC VY	20H70601	142	7.93	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
108	720H1635	DƯƠNG KHÁNH VY	20H70603	142	7.33	90	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
109	720H1636	LƯƠNG TIỂU VY	20H70601	142	7.36	93	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
110	720H1638	PHAN VŨ ÁI VY	20H70601	142	7.57	94	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
111	720H1639	LÝ THỊ HỒNG YẾN	20H70604	142	7.48	88	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
112	720H1236	TỪ CAO YẾN	20H70602	142	7.71	89	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 146
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H1671	CHITPASONG	SOMPHOU	20H70601	142	7.11	91	706105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								716CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H1641	UÔNG THÀNH	AN	20H70702	149	7.34	83	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	720H1643	NGUYỄN NGỌC NHƯ	ANH	20H70701	144	8.07	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					222	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
3	720H1251	NGUYỄN ĐÌNH	CHƯƠNG	20H70701	149	7.32	86	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720H0694	ĐỖ KIM	CƯỜNG	20H70702	149	7.57	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	720H1645	TIỂU DUY	ĐẠT	20H70701	149	7.34	84	D01001	Bơi lội					233	0.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	720H0700	LÝ UYỄN	DOANH	20H70702	149	7.80	88	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	720H1647	TRẦN ANH	DŨNG	20H70701	149	8.03	94	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	720H1648	ĐỖ VŨ UYỄN	DUYỄN	20H70702	149	7.28	73	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	720H1649	PHÙNG NGUYỄN NGÂN	HÀ	20H70701	149	7.55	79	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	72001668	DƯƠNG QUANG	HIẾU	20H70702	149	7.85	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	720H1270	THÁI NGỌC MINH	HƯƠNG	20H70701	149	7.46	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	720H0727	NGÔ THỊ THANH	HUYỀN	20H70701	149	7.35	83	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	720H1273	ĐẶNG MINH	KHANG	20H70702	149	7.34	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	720H0731	NGUYỄN KIỀU BẢO	KHANH	20H70702	149	7.17	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	720H1279	ĐỖ LÊ TRÚC	LAM	20H70702	149	7.91	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	720H1653	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	20H70702	149	7.57	77	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720H0744	NGUYỄN THỊ CẨM	LOAN	20H70702	149	7.29	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	720H1286	TÔN PHƯỚC	LỘC	20H70702	147	7.58	88	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	720H0746	LÊ THỊ PHƯƠNG	MAI	20H70702	149	7.36	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720H0747	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	MAI	20H70701	149	6.93	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	720H1291	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	20H70701	149	7.29	78	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	720H1302	NGUYỄN NGỌC HÀ	NGÂN	20H70702	149	7.86	93	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	720H0752	TRƯƠNG THỊ TIÊU	NGÂN	20H70701	149	7.85	73	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	720H0755	NGUYỄN BẢO	NGỌC	20H70701	149	7.41	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	720H0756	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	20H70702	149	7.09	83	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	720H0757	TRẦN LÊ NGÂN	NGỌC	20H70701	149	6.94	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	720H1655	HUỠNH MAI	NHI	20H70702	149	7.92	90	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
28	720H1315	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	20H70702	149	7.49	77	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
29	720H0764	ĐỖ THỊ HUỠNH	NHƯ	20H70701	149	7.02	77	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	720H0770	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	20H70701	149	7.59	84	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	720H1658	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	20H70702	147	7.28	90	707009	Thực tập nghề nghiệp 2 (QTNNL)	2				232	0.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
32	720H1659	PHẠM NGUYỄN THIÊN	QUANG	20H70701	149	7.59	59	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	720H1324	NGUYỄN NGỌC	TÂM	20H70702	149	7.63	86	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	720H0791	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	20H70701	149	7.31	88	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
35	720H1661	HUỖNH THỊ HOÀI	THU	20H70702	146	7.51	89	707033	Phát triển tổ chức	3					
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	720H1662	BÙI ĐOÀN MINH	THỨ	20H70701	149	7.30	75	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	720H1335	PHAN NGUYỄN ĐIỂM	THÚY	20H70702	149	6.75	89	D01001	Bơi lội					201	0.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 2			1		0		
38	720H1334	NGÔ HẢI	THỤY	20H70702	146	7.43	88	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	720H0818	NGUYỄN NGỌC BÍCH	TRÂM	20H70701	149	7.84	93	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
40	720H1663	ÂU DƯƠNG BẢO	TRÂN	20H70701	149	8.16	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	720H1664	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	TRÂN	20H70702	149	7.51	84	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
42	720H1665	TRẦN THỊ BẢO	TRẦN	20H70701	147	6.88	78	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
43	720H1345	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	20H70702	149	8.06	89	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
44	720H0827	NGUYỄN KHANH	TRINH	20H70702	149	7.19	75	D01001	Bơi lội					221	2.0
								707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
45	720H0830	PHẠM BÙI MINH	TÚ	20H70702	149	7.58	86	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
46	720H0837	NGUYỄN THỤY PHƯƠNG	UYÊN	20H70701	149	7.45	85	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
47	720H1356	TRẦN NGỌC MỸ	UYÊN	20H70701	149	7.12	84	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
48	720H0849	LƯƠNG NGỌC KHÁNH	VY	20H70701	149	7.01	84	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
49	720H0850	NGUYỄN HUỲNH TƯỜNG	VY	20H70701	149	7.31	87	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
50	720H0861	TRẦN YẾN	VY	20H70701	149	7.48	81	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
51	720H1669	NGUYỄN THIÊN	Ý	20H70701	149	7.41	80	707020	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nguồn nhân lực
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							717CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719V0146	VŨ THỊ THÙY AN	20K70401	127	7.67	87	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
2	720K0017	VÕ HỒ VÂN ANH	20K70401	127	7.65	85	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720K0962	NGUYỄN HỒNG ÁNH	20K70401	119	7.89	83	D02031	Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 1					233	0.0
							D02032	Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 2					233	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
4	720V0030	NGUYỄN TRỌNG BÁCH	20K70401	123	6.99	87	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							503021	Cơ sở tin học 1	2				223	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
5	720K0023	TRẦN MỸ BỬU	20K70401	123	7.81	68	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
							L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học131

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
6	720K0690	NGUYỄN XUÂN DUY	20K70401	122	7.47	65	704104	Tập sự nghề nghiệp		2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn		2					
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học							
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững		5					
7	720K0039	TRẦN ĐẶNG MỸ DUYÊN	20K70401	127	8.30	94	704104	Tập sự nghề nghiệp		2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn		2					
8	720K0040	LƯƠNG GIA GIA	20K70401	129	7.66	77	714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn		2					
9	720K0049	CHÂU GIA HUỆ	20K70401	127	8.00	60	503022	Cơ sở tin học 2		2					
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn		2					
10	720K0705	TRẦN MẠNH HÙNG	20K70401	120	7.65	60	D01001	Bơi lội						233	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2		2					
							704104	Tập sự nghề nghiệp		2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn		2					
							L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1							
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học							
							L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						233	
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững		5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
11	720V0007	HỒ SỸ ĐAN	KHUYÊN	20K70401	127	7.60	83	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	719V0126	TRẦN HỒNG	KÝ	20K70401	122	7.77	87	D01001	Bơi lội					191	8.9
								704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					232	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
13	720K0716	NGUYỄN DIỆU	LINH	20K70401	121	7.92	74	201039	Nguyên lý kế toán	3				212	4.8
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					231	K
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					222	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
14	720K0923	NGUYỄN KIM	LONG	20K70401	122	7.98	69	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học131

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					232	K
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
15	720K0080	NGUYỄN NHỰT MINH	20K70401	125	7.30	56	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				232	4.1
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	719V0158	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	20K70401	127	7.95	89	D01001	Bơi lội					191	10.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720V0036	NGUYỄN LÊ HỒNG NGỌC	20K70401	124	7.35	64	306104	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2				212	4.7
							D02034	Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần 4					233	0.0
							503021	Cơ sở tin học 1	2				223	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	720K0106	TRẦN VŨ THU NHÂN	20K70401	119	7.16	78	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
							L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					231	K
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học131

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
19	720K0112	ĐỖ YẾN	NHI	20K70401	127	7.62	61	704104 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720K0113	HỒ NGỌC TRÚC	NHI	20K70401	129	8.07	74	714CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
21	719V0160	PHẠM HOÀNG	NHI	20K70401	127	7.54	74	704104 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
22	719V0103	ĐÀO KIỀU	OANH	20K70401	127	7.90	77	D01001 Bơi lội					191	7.5
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
23	720K0126	TRẦN MINH	QUẢN	20K70401	129	7.62	61	714CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
24	720K0132	LƯƠNG THỊ XUÂN	QUỲNH	20K70401	127	7.54	85	704104 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
25	720V0041	HỒ THỊ KIM	THỎA	20K70401	127	7.27	83	704104 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
26	719V0169	NGUYỄN MINH	THỨ	20K70401	127	7.59	77	704104 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
27	720V0042	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	20K70401	119	7.42	83	503021 Cơ sở tin học 1	2				223	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự		2		0		

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học131

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								PTBV]						
28	720K0745	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	20K70401	119	7.06	65	503021	Cơ sở tin học 1	2				201	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
							704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
29	720K0750	NGÔ THỊ PHƯƠNG THÚY	20K70401	127	8.06	90	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
30	720K0155	LƯU VŨ PHƯƠNG THÙY	20K70401	127	7.19	71	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
31	720K0826	NGUYỄN NHƯ THÙY	20K70401	122	7.70	73	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
32	720K0156	HUỖNH NGỌC MAI THY	20K70401	127	7.75	91	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
33	720K0159	GIANG HỖ TIẾN	20K70401	127	7.51	66	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
34	719V0144	NGUYỄN THỊ LỄ TRÍ TÍN	20K70401	122	7.88	70	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
							714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Marketing

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học131

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00020	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
35	720K0165	HỒ NGỌC	TRÂN	20K70401	127	7.80	90	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
36	720K0754	HOÀNG HIỀN	TRANG	20K70401	127	7.35	91	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
37	720K0761	TRẦN KHOÁNG	TRUNG	20K70401	127	7.17	73	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
38	720K0763	VÕ THANH	UYÊN	20K70401	127	7.35	56	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	720K0764	VŨ XUÂN	UYÊN	20K70401	122	7.79	62	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
40	720K0186	TRẦN KHÁNH	VY	20K70401	127	7.56	76	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
41	719V0172	TRẦN HỒNG PHI	YẾN	20K70401	127	7.94	80	704104	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								714CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 128
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720K0203	HÀ VŨ	CHƯƠNG	20K70501	119	7.27	77	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00041 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					232	K
								L00040 Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
2	720K0229	PHAN MINH	HUY	20K70501	124	7.69	80	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720K0791	NGÔ HUỲNH DUY	KHANG	20K70501	124	7.16	90	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720K0234	TRƯƠNG ĐẶNG NGỌC	KHÁNH	20K70501	124	8.26	89	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	720K0792	TRẦN GIA	KHIÊM	20K70501	124	7.38	89	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	719V0137	TRẦN GIA	KHIÊM	20K70501	124	7.29	68	D01001 Bơi lội					191	9.2
								705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	720K0249	NGUYỄN NGỌC	MINH	20K70501	122	7.14	88	503022 Cơ sở tin học 2	2					
								705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	719V0033	TRƯƠNG QUANG	MINH	20K70501	124	7.39	81	D01001 Bơi lội					191	9.0
								705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	720K0806	ĐỖ MINH	NGỌC	20K70501	124	7.52	85	705105 Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản trị kinh doanh
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Nhà hàng - Khách sạn
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 128
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
10								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	719V0048	NGUYỄN TẤN PHÁT	TÀI	20K70501	119	7.49	72	D01001	Bơi lội					191	8.5
								705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
12	720V0058	TRẦN THIÊN PHÚ	THÀNH	20K70501	124	7.29	81	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	720K0295	NGUYỄN HOÀNG	THỊNH	20K70501	124	7.26	87	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	720K0317	MAI NGUYỄN THU	TRANG	20K70501	124	7.50	89	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	719V0189	NGUYỄN QUANG	TRỌNG	20K70501	124	7.43	80	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	720V0027	PHAN THỊ CẨM	TÚ	20K70501	124	7.18	91	705105	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720K0334	TĂNG	XUÂN	20K70501	116	6.41	85	705105	Tập sự nghề nghiệp	2					
								715CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	720H1240	HỒ TRÂM	ANH	20K70601	129	7.63	75	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	720K0973	TĂNG THỊ PHƯƠNG	ANH	20K70601	127	7.77	72	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	720K0935	TÔ VŨ MINH	CHÂU	20K70601	122	7.31	82	001326	Master English	5					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	720K0376	NGUYỄN THANH	CUÔNG	20K70601	130	7.48	75	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	720K0380	HUỲNH THỰC	ĐOAN	20K70601	127	7.35	63	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
6	720K0853	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	20K70601	129	7.25	72	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	720K0854	HUỲNH NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	20K70601	127	8.00	92	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	720K0438	NGUYỄN PHÚ	KHANG	20K70601	127	7.12	82	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
9	720K0939	LÊ NGUYỄN DUY	KHOA	20K70601	129	7.00	74	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	720K0446	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	20K70601	127	7.71	89	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
11	720K0940	NGUYỄN VƯƠNG CÔNG	KHÔI	20K70601	119	6.05	75	706103	Tập sự nghề nghiệp	2					
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	720K0876	CHÂU NGUYỄN HOÀI	NHI	20K70601	127	7.44	82	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kinh doanh quốc tế
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
13	720K0980	LÂM THÀNH	PHÁT	20K70601	122	6.82	85	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
								706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	720K0560	NGUYỄN THẨM	PHƯƠNG	20K70601	129	7.91	84	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	720K0943	NGUYỄN THÀNH	TÀI	20K70601	127	6.53	71	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	720K0591	PHAN MINH	TÂM	20K70601	127	7.28	71	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	720K0622	VŨ NGUYỄN BẢO	TRÂN	20K70601	127	7.77	92	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	B20K0117	HUỖNH NGUYỄN BĂNG	TUYỀN	20K70601	120	7.28	77	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								706103	Tập sự nghề nghiệp	2					
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				231	K
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
19	720K0912	NGUYỄN NGỌC THẢO	UYỀN	20K70601	127	8.07	91	706103	Tập sự nghề nghiệp	2				233	0.0
								706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	720K0915	NGUYỄN THÁI	UYỀN	20K70601	129	7.32	79	706CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81701063	NGUYỄN NGỌC	ĐỨC	17080102	154	6.82	68	D01001	Bơi lội						
2	81701068	NGUYỄN KIM	DUY	17080102	154	6.26	55	D01001	Bơi lội					182	0.0
3	81701080	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	17080101	135	5.73	49	001203	Tiếng Anh 3	5				182	P
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	81701102	DƯƠNG QUỐC	KHÁNH	17080102	154	6.53	64	D01001	Bơi lội					212	4.1
5	81701137	ĐOÀN NHUẬN	PHÁT	17080102	133	5.71	50	001203	Tiếng Anh 3	5				191	E
									801051	Đồ án kết cấu thép	2			232	4.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	81701147	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	17080102	138	6.00	50	801051	Đồ án kết cấu thép	2				232	3.5
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	81701153	ĐỒNG VĂN	TÀI	17080102	135	5.98	71	001203	Tiếng Anh 3	5				202	E
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	81701192	NGÔ QUỐC	TRƯỜNG	17080102	151	6.98	57	801CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
9	81701197	TRẦN THANH	TÙNG	17080102	135	5.93	60	001203	Tiếng Anh 3	5				182	P
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 157
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	817H0043	HUỖNH HỒNG PHÁT	17080111	157	6.43	42	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2 1 1		0 0 0		
2	81701140	HỨA GIA PHÚ	17080111	155	6.48	42	L00001 L00025	Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3	2				202	K
3	817H0057	HUỖNH NGỌC THIÊN	17080110	148	6.80	52	811CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
4	C1700076	NGUYỄN PHÙNG THIÊN	17080111	133	6.69	54	301003 503034 601085 001215 800099 L00001 811CM1 L00021 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Cơ sở tin học 3 Vật lý Global Citizen English 5 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng phát triển bền vững Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2 4 2 2 1	3 1 2 9 4 2 5 4 2 2 1			212 201 202 1 1 0		0.0 4.5 K



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81702048	VÒNG PẾNH	PHI	17080201	137	6.57	72	001203	Tiếng Anh 3	5				203	P
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quy hoạch vùng và đô thị

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81703008	HUỖNH THỊ THANH	DUNG	17080301	137	6.20	81	001203	Tiếng Anh 3	5				191	0.0
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
2	81703016	VÕ BÁ	HƯNG	17080301	150	7.12	56	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					201	K



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kiến trúc

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 152

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81704019	CAO TRẦN	ANH	17080401	150	8.19	62	503021	Cơ sở tin học 1	2					
2	81704029	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	17080401	148	7.18	50	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								300059	Kỹ năng làm việc nhóm	1					
3	81704031	ĐỖ KHẮC TUẤN	ĐẠT	17080402	139	5.78	52		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	81704042	NGUYỄN VĂN	HÀO	17080401	151	8.23	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
5	81704053	ĐẶNG	KHOA	17080401	132	5.92	52	804096	Chuyên đề kiến trúc nhà ở	2				235	
								804164	Giới thiệu hành nghề kiến trúc	2				221	3.5
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
6	81704064	ĐẶNG MỸ	NGA	17080401	138	6.37	64		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	81704066	LƯƠNG THỊ QUỲNH	NGA	17080401	138	6.25	57		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	81703035	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	17080409	141	6.49	50		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
9	81704100	TRẦN KHÁNH	TOÀN	17080401	139	6.15	66		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	81704108	NGUYỄN THỊ ANH	TRÚC	17080401	148	7.34	50	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
11	81704114	NGUYỄN VĂN BÉ	TƯ	17080401	138	6.26	55		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81800176	TRẦN TRUNG THẾ	ANH	18080101	142	6.07	53		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	81800047	NGUYỄN PHƯỚC	NGUYỄN	18080101	137	6.45	81	001203	Tiếng Anh 3	5				193	P
									Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	81800319	LƯU NGUYỄN QUỐC	THỊNH	18080101	154	6.50	72	601085	Vật lý	2				193	4.5
								D01001	Bơi lội					221	2.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 158

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81800375	THÁI ĐÌNH	HẢI	18080201	155	6.34	69	800047	Sức bền vật liệu 1	3				212	4.7



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kiến trúc

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 155

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81800679	PHẠM TRẦN BẢO	AN	18080402	139	6.15	61	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2 14	1		0		
2	81800691	VÕ ANH	ĐÀI	18080401	141	6.40	70		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
3	81800701	HỒ HUY	HIỆU	18080401	141	6.00	54		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	81800705	LÊ MẠNH	HÙNG	18080402	136	6.92	87	804CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	5 14					
5	81800735	ĐẶNG HUỖNH	NHÂN	18080401	141	6.58	60		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	81800753	NGUYỄN THANH	TÂM	18080401	141	5.92	61		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	81800760	TRẦN QUỐC	THÔNG	18080402	151	6.66	58	503021 503022	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2	2 2				182 202	0.0 0.0
8	81800165	ĐÀO THỊ HUYỀN	THƯƠNG	18080402	141	6.87	91		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 159

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	818H0062	PHẠM ĐÀO TRÚC	MAI	18H80101	154	6.99	68	811CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
2	818H0069	NGUYỄN QUANG	NHẬT	18H80101	157	6.87	60	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
3	818H0075	CHÂU HỒNG	PHÚC	18H80101	155	6.46	58	801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0
4	818H0115	NGÔ MINH	QUANG	18H80101	154	6.81	57	503022	Cơ sở tin học 2	2				192	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 157

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81900021	NGUYỄN LÊ	CHI	19080101	138	6.32	89	801CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	5 14					
2	81900072	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	HƯNG	19080102	157	6.76	82		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024						
3	81900075	TRẦN THỊ LAN	HƯƠNG	19080102	143	6.37	89		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
4	81900412	NGUYỄN VŨ TUẤN	KIỆT	19080102	152	7.21	73	801CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
5	81900146	NGUYỄN DUY	PHONG	19080101	143	6.57	76		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	81900193	NGUYỄN TRẦN NGỌC	THUẬN	19080102	151	6.55	67	C01127 C01128	Toán 1 Toán 2 Nhóm tự chọn GDTC 1 Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	3 3	1		0	191 192	4.9 4.2
7	81900447	NGUYỄN MẠNH	TRUNG	19080102	155	7.03	74	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.7



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quy hoạch vùng và đô thị

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 157

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81900492	HỒ THỊ KIM	PHỤNG	19080301	147	6.85	90		Đồ án tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kiến trúc

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

156

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	81900506	DƯƠNG QUANG ĐẠT	19080401	142	7.23	77		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	81900507	NGUYỄN HUỲNH XUÂN ĐẠT	19080401	142	6.31	74		Nhóm tự chọn GDTC 2 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14	1		0		
3	81900513	LÊ THỊ THANH GIẢNG	19080401	140	6.41	82	503021	Cơ sở tin học 1 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 14				192	0.0
4	81900514	NGUYỄN HƯƠNG GIÀU	19080402	142	6.86	81		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
5	81900519	TRƯƠNG ANH HÀO	19080401	142	7.06	90		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
6	81900525	TRẦN QUANG HUY	19080402	142	6.75	86		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
7	81900544	NGUYỄN THỊ MY	19080401	142	6.42	91		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
8	81900290	ĐẶNG BÁ KHÁNH NGỌC	19080401	140	6.24	73	503021	Cơ sở tin học 1 Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	2 14				192	0.0
9	81900550	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	19080401	142	6.25	91		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
10	81900555	HỒ HỮU PHÚC	19080402	142	6.43	77		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
11	81900562	TẮT THÚY SAN	19080402	142	6.76	80		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
12	81900566	LÊ VÕ THÀNH TÀI	19080402	142	6.77	83		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
13	81900568	ĐÀO MỸ THANH	19080401	142	6.63	80		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	14					
14	81900573	NGUYỄN HOÀNG THIÊN THIÊN	19080401	142	5.97	66		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
15	81900574	ÔN KIẾN THIẾT	19080402	142	6.32	91		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
16	81900575	TRẦN ĐỨC THỊNH	19080401	137	6.74	76	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 14	2		1		
17	81900586	BÙI THỊ TUYẾT	19080401	142	6.47	86		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	819H0023	TRẦN NGỌC	HẬU	19H80101	156	7.06	78	801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0
2	819H0007	NGUYỄN ANH	KHOA	19H80101	156	7.48	88	801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0
3	819H0037	LÊ HOÀI	PHƯỚC	19H80101	156	6.92	71	801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0
4	819H0014	HUỖNH NGỌC HUY	TRƯỜNG	19H80101	156	6.85	86	801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kiến trúc

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	82000277	TRẦN VĂN	HIỆP	20080401	137	7.12	87	804CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
									Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					
2	82000307	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	20080401	142	6.55	72		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	14					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 160

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	820H0014	NGUYỄN ĐỖ GIA HUY	20H80101	149	7.55	89	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				222	4.8
							811CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							801106	Đồ án tổng hợp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Cấp thoát nước - Môi trường nước
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91701063	LÊ CÔNG	TOÀN	17090101	129	5.51	87	D01001	Bơi lội					183	3.6
								001203	Tiếng Anh 3	5				182	P
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					203	K
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					203	K
								901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C1700047	NGUYỄN NGỌC THẢO	HIỀN	17090201	149	6.73	68	601084	Vật lý tính toán 2	2				222	4.9
2	91702048	HUỠNH LÊ QUANG	HUY	17090201	136	6.59	73	001203	Tiếng Anh 3	5				201	E
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Bảo hộ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91703048	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	17090301	149	6.86	72	401057	Kỹ thuật an toàn điện	2				231	4.7
2	91703057	LÊ VŨ KHÁNH	LY	17090301	136	6.28	79	D01001	Bơi lội					212	3.0
								903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
3	91703061	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	17090301	146	6.93	66	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Cấp thoát nước - Môi trường nước

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 150

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91800198	CAO HẢI	ĐĂNG	18090101	150	7.33	71	D01001	Bơi lội					222	0.0
2	91800266	NGUYỄN THANH	THẢO	18090101	148	6.47	81	601084	Vật lý tính toán 2	2				202	4.9
3	91800273	NGUYỄN THỊ THẢO	TIỀN	18090101	134	5.81	56	001203	Tiếng Anh 3	5				193	P
								D01001	Bơi lội					231	4.4
								901116	Tập sự nghề nghiệp	10				232	0.0
4	91800280	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	18090101	150	8.03	77	D01001	Bơi lội					212	4.7



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91800553	NGUYỄN XUÂN	HUY	18090201	132	6.11	63	901082	Hóa đại cương 2	2				182	4.4
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
2	91800351	MAI NGỌC THIÊN	LONG	18090201	136	6.24	75	D01001	Bơi lội					212	4.1
								902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
3	91800352	MAI VĂN	LONG	18090201	129	6.47	80	001203	Tiếng Anh 3	5				203	P
								902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
4	91800038	HUỖNH THÚY	NGA	18090201	136	5.76	79	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
5	91800565	UNG THỊ DIỄM	PHƯỚC	18090201	139	6.33	70	601083	Vật lý tính toán 1	2				181	4.7
								902116	Tập sự nghề nghiệp	10				232	0.0
6	91800410	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	18090201	149	6.84	52	901082	Hóa đại cương 2	2				222	4.6



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Bảo hộ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91800596	NGUYỄN KHÁNH DUY	18090301	131	5.44	61	901082	Hóa đại cương 2	2					182	4.7
								001203	Tiếng Anh 3	5				212	0.0
								903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
2	91800604	TRẦN ĐỨC HUY	18090301	134	6.25	72	001203	Tiếng Anh 3	5					211	P
							903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5						
							903113	Tập sự nghề nghiệp	10					232	0.0
3	91800157	NGÔ GIA LỘC	18090301	151	6.87	69	901082	Hóa đại cương 2	2					182	4.7
4	91800488	NGUYỄN NHẬT NAM	18090301	138	6.60	79	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5						
							903113	Tập sự nghề nghiệp	10					233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Cấp thoát nước - Môi trường nước
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91900187	VŨ ĐẶNG BÌNH	19090101	146	7.45	87	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	5			2 1		
2	91900023	PHẠM QUANG MINH	19090101	151	7.29	88	D01001	Bơi lội					222	2.0
3	91900039	VÕ QUỐC THÀNH	19090101	136	6.53	73	901CM1 901116	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Bảo hộ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 158

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	91900137	TỔNG ĐỨC DUY	19090301	138	6.48	91	001413	Tiếng Anh 3	5				211	P
							903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
2	91900139	LÊ TRUNG HIẾU	19090301	136	6.22	67	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
							903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
3	91900241	TRẦN NHẬT LONG	19090301	156	7.10	98	601083	Vật lý tính toán 1	2				223	4.7



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Cấp thoát nước - Môi trường nước

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	92000006	CAO MINH ĐẠT	20090101	131	6.55	86	001413	Tiếng Anh 3	5				212	P
							901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
2	92000355	NGUYỄN KHẮC DUY	20090101	132	6.89	91	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
3	92000017	LÊ VĂN HUY	20090101	132	6.45	84	306103	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2				212	4.9
							901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Kỹ thuật 1	4		2			
4	92000039	HUỖNH TRẦN NHẬT QUANG	20090101	136	6.19	93	901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
5	92000291	MAI ĐÌNH ANH QUỐC	20090101	136	6.45	91	901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
6	92000048	NGUYỄN QUỐC THẮNG	20090101	136	6.51	91	901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
7	92000058	LÊ THỊ DIỄM TRINH	20090101	136	6.76	99	901CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							901116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	92000070	NGUYỄN NHƯ BÌNH	20090201	139	6.98	94	902CM1 902116	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
2	92000086	BÙI THỊ THU HIỀN	20090201	139	6.37	87	902CM1 902116	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
3	92000363	NGUYỄN TRƯỞNG DIỆU HÒA	20090201	139	6.36	95	902CM1 902116	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
4	92000307	LÊ NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	20090201	135	6.61	85	503021 902CM1 902116	Cơ sở tin học 1 Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	2 5 10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
5	92000364	TRƯƠNG NHƯ HUỖNH	20090201	126	5.85	86	901081 901083 601084 D01001 503021 503022 902CM1 902116	Hóa đại cương 1 Thí nghiệm Hóa đại cương 1 Vật lý tính toán 2 Bơi lội Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2 Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	2 1 2				221 201 232 231	4.1 0.0 4.8 0.0
									2 2 5 10 4				211 233	0.0 0.0
6	92000367	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	20090201	137	6.43	84	503022 902CM1 902116	Cơ sở tin học 2 Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	2 5 10				233	0.0
7	92000113	NGÔ TOÀN MỸ	20090201	139	6.95	89	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường
Bậc: Đại học chính quy
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 154
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
8	92000114	NGUYỄN HOÀI NAM	20090201	141	7.00	94	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
9	92000116	LÊ THỊ KIM NGÂN	20090201	133	6.45	90	D01001	Bơi lội					231	2.0
							503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
10	92000371	NGUYỄN ĐÌNH THẢO NGUYỄN	20090201	139	6.56	93	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
11	92000140	LÝ THỊ THANH TÂM	20090201	137	6.73	93	D01001	Bơi lội					232	2.0
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
12	92000259	NGUYỄN THANH THẢO	20090201	139	6.80	97	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
13	92000152	NGUYỄN NGỌC MINH THỨ	20090201	131	6.32	91	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				233	0.0
							306106	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				233	0.0
							503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
14	92000157	PHẠM MINH THỨC	20090201	136	6.84	97	901083	Thí nghiệm Hóa đại cương 1	1				201	3.2

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học154

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
15	92000162	LÊ THỊ THU	THỦY	20090201	135	6.46	90	D01001	Bơi lội				231	2.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
16	92000163	NGUYỄN KA	THY	20090201	139	7.08	95	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5				
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
17	92000322	ĐỖ TRỌNG	TÍN	20090201	123	6.12	84	503021	Cơ sở tin học 1	2			202	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
							902041	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3					
							902061	Sinh thái học ứng dụng	2				241	
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn Thiết kế 3	4		2			
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
18	92000164	ĐOÀN THỊ HOÀNG	TRÂM	20090201	139	7.29	86	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5				
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
19	92000326	PHẠM THỊ CẨM	TÚ	20090201	130	6.78	77	503022	Cơ sở tin học 2	2			211	0.0
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Khoa học môi trường

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học154

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								Nhóm tự chọn Bền vững 2	2					
20	92000378	CAO THỊ THANH	TUYỀN	20090201	133	6.04	87	503021	Cơ sở tin học 1	2			202	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
							902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
								Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
								Nhóm tự chọn Bền vững 2	2					
21	92000379	DƯƠNG KIM	TUYỀN	20090201	139	7.73	97	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5				
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
22	92000268	TRẦN THANH	TUYỀN	20090201	139	6.46	96	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5				
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
23	92000175	VÕ THỊ THU	UYỀN	20090201	139	6.79	95	902CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5				
							902116	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Bảo hộ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

158

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	92000272	CHU NGỌC TÚ ANH	20090301	143	6.76	91	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp Nhóm tự chọn GDTC 1	5 10	1		0	233	0.0
2	92000273	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	20090301	141	6.52	71	306103 903CM1 903113	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	2 5 10				213 233	4.8 0.0
3	92000191	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	20090301	141	6.58	91	A03051 903CM1 903113	Quan hệ lao động Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	2 5 10				233	0.0
4	92000193	NGUYỄN PHAN NHI LAN	20090301	143	6.99	94	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
5	92000340	NGUYỄN THANH LIÊM	20090301	143	6.85	88	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
6	92000196	SỬ THỊ THANH NGUYỄN	20090301	143	6.65	91	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
7	92000279	TẠ LƯU KIỀU THANH	20090301	143	7.04	95	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
8	92000281	NGÔ PHẠM GIA THUẬN	20090301	143	7.36	90	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
9	92000395	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG THÙY	20090301	143	6.78	90	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
10	92000282	PHẠM THỊ TIỀN	20090301	143	7.31	96	903CM1 903113	Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp	5 10				233	0.0
11	92000349	PHAN THỊ BÍCH TRANG	20090301	143	6.76	91	D01001	Bơi lội					231	2.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Bảo hộ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học158

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
12	92000205	LÊ QUỐC GIA	TRIẾT	20090301	143	6.83	87	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
13	92000396	NGUYỄN XUÂN	TƯỜNG	20090301	143	6.88	95	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
14	92000351	TRẦN MẠNH	TƯỜNG	20090301	143	6.86	83	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
15	92000397	CAO VƯƠNG	VIÊN	20090301	143	6.45	89	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0
16	92000208	VÕ HOÀNG	VŨ	20090301	143	7.12	92	903CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	5					
								903113	Tập sự nghề nghiệp	10				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	A1700041	NGUYỄN NGỌC NHƯ	HUỖNH	170A0001	135	6.31	74	503021	Cơ sở tin học 1	2				203	0.0
2	A1700067	VÕ HỒNG	PHÚC	170A0001	133	6.33	64	503022	Cơ sở tin học 2	2				183	0.0
								A01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	A1700081	PHAN THỊ YẾN	THANH	170A0001	132	6.34	53		Khóa luận/Đồ án/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý Quan hệ lao động

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	A1800052	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	180A0001	133	6.65	85	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				191	0.0
2	A1800087	NGÔ KIM	TUYẾN	180A0002	135	6.81	57	A01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	A1800009	LÊ THỊ QUỲNH CHI	180A0001	122	6.04	63	503021	Cơ sở tin học 1	2				182	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
							A01114	Tập sự nghề nghiệp	2				232	0.0
							A01CM0	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	A1800128	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	180A0001	130	6.37	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	A1800167	TRẦN BẢO NHI	180A0001	127	6.06	70	A01CM0	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	A1800311	TRẦN NGỌC NHỰT THÚY	180A0002	131	6.95	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý Quan hệ lao động

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	A1900157	CHÂU TRIỆU VY	190A0001	130	6.66	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	719D0242	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	ANH	190A0001	138	6.94	69	D01001	Bơi lội					223	2.0
2	A1900016	HỒ NHÚT	HUỠNG	190A0001	125	6.36	59	L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					231	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	A1900036	LÊ HUỲNH PHƯƠNG	NHI	190A0001	125	6.45	71		Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					201	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý Quan hệ lao động

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	A2000276	PHẠM THỊ BÍCH	AN	200A0002	130	6.92	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	A2000166	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	200A0001	130	7.80	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	A2000029	TRƯƠNG NHẬT	HẠ	200A0001	130	6.94	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	A2000286	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIẾU	200A0002	130	7.03	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	A2000205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	200A0002	130	6.55	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	A2000062	VÕ CẨM	LY	200A0001	130	6.94	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	A2000297	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	200A0002	124	6.18	87	A03071	Quản lý thù lao	3				231	4.2
								A03073	Bảo hiểm xã hội	3				223	4.8
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	A2000305	DƯƠNG THANH	NGÂN	200A0001	130	7.36	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	A2000306	NGUYỄN HUỲNH KIM	NGÂN	200A0002	130	7.18	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	A2000310	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	NGỌC	200A0002	130	6.81	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	A2000312	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	200A0002	130	6.49	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	A2000101	NGUYỄN LÂM THANH	NHƯ	200A0001	130	6.91	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	A2000112	NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	200A0001	130	6.38	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	A2000236	TRẦN THANH	SANG	200A0002	130	6.53	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	A2000114	TRƯƠNG THANH	SƠN	200A0001	130	6.91	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
16	A2000119	PHAN THỊ HỒNG	THẨM	200A0001	130	6.41	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	A2000330	BÙI NGỌC MINH	THƯ	200A0002	127	6.50	82	A03071	Quản lý thù lao	3				231	3.8
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	A2000333	VÕ NGUYỄN THANH	THÚY	200A0002	130	7.58	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	A2000258	TRẦN THỊ MAI	THY	200A0002	128	6.47	79	A03072	Lý thuyết nghề nghiệp và phát triển	2				233	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý Quan hệ lao động

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	A2000335	NGUYỄN HOÀNG MỸ	TIỀN	200A0002	130	6.89	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	A2000341	PHÙNG TRẦN KHẢ	TÚ	200A0002	130	6.56	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	A2000345	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	200A0002	130	6.81	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
23	A2000155	NGUYỄN THÀNH	VĂN	200A0001	130	7.44	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	A2000346	MAI TƯỜNG	VI	200A0002	130	6.96	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
25	A2000347	HÀ DƯƠNG TUYỀN	VY	200A0002	130	7.47	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	A2000349	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	200A0002	130	7.14	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	52000297	TRẦN BÌNH	AN	200A0001	130	7.07	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	A2000002	TRẦN THỊ NHÃ	AN	200A0001	130	6.85	67		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	A2000277	TRƯƠNG TÔ HOÀI	ÂN	200A0002	123	6.60	78	A03073	Bảo hiểm xã hội	3				223	4.1
								A01114	Tập sự nghề nghiệp	2					
								A01CM0	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	A2000008	TRẦN HOÀNG MINH	ANH	200A0001	130	7.49	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	A2000016	NGUYỄN THỊ KIM	ĐÀO	200A0001	130	6.75	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	A2000283	TRẦN THỊ KIM	DUNG	200A0002	130	7.42	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	A2000019	LÊ NGUYỄN TRÍ	DŨNG	200A0001	130	7.13	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	A2000021	TRẦN PHẠM THÙY	DƯƠNG	200A0001	130	6.85	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	A2000186	TRẦN THỤY NGỌC	HÂN	200A0001	130	7.22	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	A2000190	TẠ CHÍ MỸ	HẠNH	200A0001	122	6.12	86	A03071	Quản lý thù lao	3					
								A03074	Kỹ năng viết trong quan hệ lao động	2				233	0.0
									Nhóm tự chọn	9	6				
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	A2000285	QUÁCH THỊ THU	HIỀN	200A0002	127	6.51	68	D01001	Bơi lội					232	4.6
								A03071	Quản lý thù lao	3				231	4.9
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	A2000194	TRẦN HOÀNG GIA	HIỆP	200A0002	130	6.79	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	A2000288	HỒ NGỌC MỸ	HOÀNG	200A0002	130	7.53	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	A2000041	ĐÌNH THỊ ÁNH	HỒNG	200A0001	130	7.45	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	A2000290	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	200A0002	130	7.24	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	A2000047	TRẦN THỊ LỆ	HUYỀN	200A0001	125	6.91	81	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 8	2		1		
17	A2000204	KIỀU MAI	LINH	200A0002	130	7.26	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
18	A2000295	NGUYỄN DUY THÚY	LOAN	200A0002	130	7.23	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	A2000061	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	200A0001	128	6.91	86	A01CM0	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 8					
20	A2000298	TRẦN THỊ	MAI	200A0001	130	7.36	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	A2000064	UÔNG UÔNG QUỲNH	MAI	200A0001	130	6.73	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	A2000300	CHÂU QUẾ	MY	200A0002	130	6.65	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
23	A2000069	NGUYỄN GIA THIÊN	MỸ	200A0001	130	6.52	73		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	A2000302	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NAM	200A0001	130	7.01	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
25	A2000303	TRƯƠNG THỊ THANH	NGA	200A0002	130	7.35	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	A2000218	NGUYỄN NGỌC HÀ	NGÂN	200A0002	130	7.53	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
27	A2000219	NGUYỄN THÙY PHƯƠNG	NGHI	200A0002	130	6.71	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
28	A2000083	HUỲNH HOÀI	NGỌC	200A0001	131	6.54	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
29	A2000309	HUỲNH NHƯ	NGỌC	200A0001	130	7.32	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
30	A2000222	BÙI PHƯƠNG	NGUYỄN	200A0002	130	7.37	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
31	A2000311	LƯU THÁI	NGUYỄN	200A0002	130	7.51	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
32	A2000314	NGUYỄN HIỀN	NHI	200A0001	130	6.31	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
33	A2000315	NGUYỄN PHẠM HUỲNH	NHƯ	200A0002	130	7.70	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
34	A2000317	ĐÌNH HOÀNG	PHÚC	200A0001	130	7.46	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
35	A2000318	HUỲNH THỊ THANH	PHƯƠNG	200A0002	130	6.50	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
36	A2000321	BÙI KIM	QUÝ	200A0002	122	6.75	86	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								A03071	Quản lý thù lao	3				231	4.1
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
37	A2000323	BÙI THỊ NGỌC	QUỲNH	200A0002	126	6.40	77	A03071	Quản lý thù lao	3					
								A03074	Kỹ năng viết trong quan hệ lao động	2				233	0.0
									Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
38	A2000235	PHẠM NGUYỄN NGỌC	QUỲNH	200A0001	130	6.89	79		Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
39	A2000324	NGUYỄN VĂN	SANG	200A0001	122	6.55	80	001413	Tiếng Anh 3	5				222	P
								D01001	Bơi lội					222	0.0
								A03073	Bảo hiểm xã hội	3				223	3.6
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
40	A2000325	ĐUỜNG KIM	SƠN	200A0002	130	6.27	66		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
41	A2000244	PHAN PHƯƠNG	THẢO	200A0002	130	6.72	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
42	A2000126	TRƯƠNG MINH	THƯ	200A0001	130	6.77	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
43	A2000257	NGUYỄN HẢI AN	THUYỀN	200A0002	117	5.84	86	A03054	Kinh tế lao động	3				232	4.2
								A03071	Quản lý thù lao	3				231	2.5
								A03073	Bảo hiểm xã hội	3				223	4.9
								A01114	Tập sự nghề nghiệp	2					
								A01CM0	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quan hệ lao động

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Hành vi tổ chức

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học138

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
44	A2000137	BÙI THỊ THANH	TRANG	200A0001	130	7.30	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
45	A2000138	ĐÀO THỊ	TRANG	200A0001	130	7.56	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
46	A2000259	ĐỖ THỊ QUỲNH	TRANG	200A0002	130	7.34	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
47	A2000140	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	200A0001	130	6.87	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
48	A2000141	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	200A0001	130	6.63	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
49	A2000340	NGUYỄN NGHIỆP	TRÍ	200A0001	130	7.09	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
50	A2000157	HUỲNH CẨM	VY	200A0001	130	6.92	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
51	A2000350	NGUYỄN VÕ THÚY	VY	200A0002	122	6.48	85	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								A03071	Quản lý thù lao	3				231	4.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
52	A2000163	TRƯƠNG THỊ ANH	VY	200A0001	130	6.72	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
53	A2000354	VÕ MAI NHƯ	Ý	200A0002	130	6.82	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
54	A2000164	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	200A0001	130	7.44	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 137

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	51503325	NGUYỄN TẤN KHƯƠNG	150B0101	132	7.12			Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	5					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B1701150	PHẠM TRẦN QUỲNH	GIAO	170B0102	129	6.57	50	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
2	B1701176	NGUYỄN THÚY	HUỲNH	170B0102	127	5.84	51	201081 B01CM1	Kế toán tài chính Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	3 2 4				222	4.8
3	B1701039	CAO THỊ THÚY	KIỀU	170B0102	130	6.09	75	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
4	B1701203	HÀ VĨNH	NGHI	170B0103	129	5.94	73	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
5	B1701272	LÊ THỊ MỸ	TIỀN	170B0102	130	5.72	64	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
6	B1701304	LÊ THỊ MY	UYÊN	170B0103	130	5.95	60	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2 4	1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 147

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B17H0062	HUỖNH THỊ CẨM	HƯỜNG	170B0111	146	5.96	60	503034	Cơ sở tin học 3	1				201	0.0
2	B17H0014	CHÂU TUẤN	NGHIỆP	170B0110	144	6.16	67	300030	Phương pháp học đại học	1					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	1			0		
3	B17H0086	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	170B0110	147	6.36	69	D01001	Bơi lội					231	2.0
4	B17H0093	LƯU THÚY	QUỖNH	170B0111	143	6.23	72	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	B17H0114	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	170B0110	143	6.47	78	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	A1700106	TRẦN NGỌC THU	TRINH	170B0111	143	5.94	52	503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
								B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	B17H0129	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	170B0111	143	6.44	61	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học

135

Điểm Trung Bình Tích Lũy

5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B1800348	NGUYỄN XUÂN NGUYỆT	ANH	180B0101	132	7.36	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
2	B1800356	HỒ THỊ	CHÂU	180B0103	128	6.52	73	B02034	Đầu tư tài chính	3				231	4.5
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
3	B1800365	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	180B0102	130	6.62	75	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
4	B1800387	TRẦN DIỆU	KHÁNH	180B0102	129	6.51	75	D01001	Bơi lội					212	3.0
								B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
5	B1800044	HUỖNH VŨ	KIỆT	180B0102	130	6.42	87	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
6	B1800214	LÊ THỊ TRÀ	MI	180B0102	126	6.35	77	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B02036	Thẩm định giá	3				232	4.5
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
7	51800706	ĐỖ THÀNH	NHÂN	180B0102	125	6.67	50	503021	Cơ sở tin học 1	2				191	0.0
								B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
8	B1800415	HỒ NGỌC	NHI	180B0102	132	7.60	74		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
9	B1800468	HỒ THANH	TRÚC	180B0102	133	6.64	66	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
10	B1800316	LÊ THỊ CẨM	TÚ	180B0101	131	7.41	62		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 135

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B1800488	SITHAMMARATH	LATSANIDA	180B0103	133	6.55	81	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
2	B1800490	SENGPANYA	NOUNY	180B0102	118	5.98	69	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B02036	Thẩm định giá	3				232	4.2
								B02034	Đầu tư tài chính	3				213	3.5
								B02041	Tài chính quốc tế	3				211	4.7
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4					
3	B1800493	NAMVONG	SONETHALY	180B0101	129	6.16	69	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
4	B1800494	XAYMONTY	THIPPHACH AN	180B0103	129	6.63	67	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 147

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B18H0125	PHẠM VŨ HOÀNG	ANH	18HB0101	141	6.07	70	B11CM1 B00013	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận	2 4				232	0.0
2	B18H0434	NGUYỄN HUỖNH MINH	CHÂU	18HB0104	133	6.25	72	D01001 B00013 L00001 B03006 B03007	Bơi lội Khóa luận Kỹ năng phát triển bền vững CFA 2 CFA 3 Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	4 2 4 4			201 232 201 231	3.0 0.0 4.8 4.7	
											1		0		
3	B18H0437	PHẠM THỊ LINH	CHI	18HB0101	143	6.63	75	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
4	B18H0009	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	18HB0105	138	6.03	74	503034 B00013 B03006	Cơ sở tin học 3 Khóa luận CFA 2	1 4 4			232 222	0.0 4.5	
5	B18H0010	NGUYỄN THUY NHẢ	ĐAN	18HB0102	145	6.30	65	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
6	B18H0175	TRẦN MINH	HIẾU	18HB0105	144	6.30	58	503034 B11CM1	Cơ sở tin học 3 Kỹ năng thực hành chuyên môn	1 2					
7	B18H0482	NGUYỄN NGỌC THẢO	LY	18HB0102	143	6.27	84	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
8	B18H0486	CHU THỊ BẢO	MINH	18HB0103	143	6.74	77	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
9	B18H0049	PHAN CAO THẢO	NGÂN	18HB0103	141	6.10	58	B11CM1 B00013	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận	2 4				232	0.0
10	B18H0496	HỨA BÍCH	NGỌC	18HB0102	145	6.70	56	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
											2				
11	B18H0282	VÕ THỊ MỸ	NHI	18HB0104	141	6.48	69	B11CM1 B00013	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận	2 4				232	0.0
12	B18H0505	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	18HB0103	143	7.18	79	B00013	Khóa luận	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 147
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
13	B18H0310	TRẦN THỊ TỐ	QUYÊN	18HB0105	143	6.54	92	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
14	B18H0516	CAO PHƯỚC SƠN	QUỲNH	18HB0103	145	6.58	86	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	B18H0518	NGUYỄN THÙY NHƯ	QUỲNH	18HB0104	141	6.22	87	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B1900373	QUÁCH VĨNH	ĐỨC	190B0102	133	7.07	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
2	B1900105	NGUYỄN TRẦN ANH	KHOA	190B0102	134	6.76	74	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
3	B1900349	CHAU VÕ ĐIỀU	LAM	190B0102	131	6.62	91	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
4	B1900401	NGUYỄN THỊ NGỌC	MỸ	190B0102	133	6.15	55		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4					
5	B1900417	NGUYỄN MINH	QUẢN	190B0102	137	7.24	78		Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
6	B1900418	NGUYỄN BÙI TÚ	QUYỀN	190B0102	127	6.87	97	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 4 2 2			1 1		
7	01900439	ĐÀM THỊ	THỨ	190B0102	131	6.30	89	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2 4					
8	B1900433	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	190B0102	133	6.77	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
9	B1900434	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	190B0101	133	7.20	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4					
10	B1900440	PHAN THỊ KIM	TUYỀN	190B0101	131	7.12	80	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B19H0165	HỒ NGỌC HẢI	ÂU	19HB0104	147	6.17	73	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
2	B19H0170	TRƯƠNG NGỌC	CHÂU	19HB0101	147	6.58	83	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
3	B19H0175	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ĐÀO	19HB0102	147	6.44	82	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
4	B19H0179	TRẦN KIM	DUNG	19HB0105	149	6.43	81	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
5	B19H0184	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	GIAO	19HB0103	143	6.03	84	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
								B03008	CFA 4	4				223	4.8
6	B19H0191	ĐỖ PHÚ	HÀO	19HB0101	146	6.28	70	503034	Cơ sở tin học 3	1				222	0.0
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
7	B19H0192	NGUYỄN THANH	HIỀN	19HB0105	147	6.50	77	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
8	B19H0194	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	19HB0104	151	6.29	70	D01001	Bơi lội Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ					232	4.6
9	B19H0198	TẠ TẤN	HOÀNG	19HB0104	147	6.30	72	B00013	Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				232	0.0
10	B19H0199	TRỊNH MINH	HOÀNG	19HB0101	147	6.70	67	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
11	B19H0207	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	19HB0103	147	6.74	83	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
12	B19H0210	KHA HÁN	KHANG	19HB0104	147	6.55	97	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
13	B19H0215	TRẦN DUY	KHÁNH	19HB0102	147	6.35	79	B00013	Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				232	0.0
14	B19H0220	TRẦN MINH	KHÔI	19HB0103	147	6.21	81	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
15	B19H0228	NGUYỄN TỔ	LINH	19HB0104	147	6.31	67	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
16	B19H0043	TRẦN THỊ TRÚC	LINH	19HB0101	147	6.59	87	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
17	B19H0050	DƯƠNG HOÀNG KIM	MY	19HB0101	149	6.69	87	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
18	B19H0239	THỊNH HỒNG	MY	19HB0103	147	6.38	81	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
19	B19H0244	ĐÀO KIM	NGÂN	19HB0104	147	6.47	77	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
20	B19H0247	TỪ LÊ MINH	NGÂN	19HB0101	147	6.76	67	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
21	B19H0258	VŨ HỒNG	NGỌC	19HB0104	145	6.00	85	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
22	B19H0259	LÊ BÌNH	NGUYỄN	19HB0102	147	6.46	78	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
23	B19H0261	NGUYỄN THỊ XUÂN	NGUYỄN	19HB0103	147	6.52	91	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
24	B19H0262	LÊ THANH	NHÂN	19HB0102	145	6.60	85	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
25	B19H0263	VÕ HOÀNG	NHÂN	19HB0101	147	7.63	80	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
26	B19H0265	HỒ THỊ TUYẾT	NHI	19HB0101	147	6.43	82	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
27	B19H0267	NGUYỄN HOÀNG	NHI	19HB0104	147	6.81	82	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
28	B19H0273	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHƯ	19HB0101	147	7.29	56	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
29	B19H0285	TRẦN DƯƠNG MAI	PHƯƠNG	19HB0105	145	6.59	94	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
30	B19H0310	TRƯƠNG VĂN	THÔNG	19HB0104	147	6.81	79	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
31	B19H0318	NGUYỄN THỊ LAN	THY	19HB0102	145	6.37	79	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								B00013	Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				232	0.0
32	B19H0321	NGUYỄN HOÀNG THỦY	TIÊN	19HB0102	145	6.36	80	B11CM1 B00013	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2 4				232	0.0
33	B19H0324	TRẦN THỊ HỒNG	TIẾN	19HB0101	147	6.11	79	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
34	B19H0331	TRẦN THỊ MINH	TRANG	19HB0104	147	6.46	74	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
35	B19H0104	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	19HB0101	144	6.30	78	B00013 B01029	Khóa luận Ngân hàng thương mại 2	4 3				232 222	0.0 4.5
36	B19H0340	LÊ NGUYỄN	TRƯỜNG	19HB0102	147	7.26	84	B00013	Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				232	0.0
37	B19H0347	LÊ NGUYỄN THANH	TƯỜNG	19HB0102	142	6.84	88	503021 503022 503034 B00013	Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2 Cơ sở tin học 3 Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2 2 1 4				232	0.0
38	B19H0114	PHẠM NGỌC	TUYẾT	19HB0103	149	6.52	78	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
39	B19H0358	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VY	19HB0102	147	6.53	76	B00013	Khóa luận Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B2000002	LÊ THỊ HOÀI	AN	200B0101	133	7.46	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
2	B2000340	PHẠM HẢI	AN	200B0102	133	7.96	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
3	B2000341	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	ANH	200B0102	132	7.50	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
4	B2000345	TRẦN QUỐC	ANH	200B0102	127	7.13	55	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			0		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
5	B2000252	NGUYỄN LÊ BẢO	ÁNH	200B0101	131	7.75	87	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
6	B2000347	NGÔ VŨ	CA	200B0102	132	7.71	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
7	B2000348	CHUNG BỘI	CHI	200B0102	132	7.84	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
8	B2000349	LÂM THỊ THU	DIỄM	200B0102	132	7.75	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
9	B2000350	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	200B0102	131	8.15	85	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
10	B2000256	TRƯƠNG THỊ CÔNG	DUNG	200B0101	132	7.41	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
11	B2000351	LÊ TRẦN THANH	DŨNG	200B0101	131	6.89	76	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
12	B2000352	TRẦN ĐỨC	DUY	200B0101	133	7.74	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
13	B2000353	NGUYỄN VÕ THANH	GIANG	200B0102	131	7.26	80	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
14	B2000354	ĐẶNG GIA	HÂN	200B0101	133	8.02	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
15	B2000355	VŨ BẢO	HÂN	200B0102	132	7.93	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	B2000358	TRẦN THỊ MỸ	HẰNG	200B0102	132	7.87	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
17	B2000359	LÝ	HÀO	200B0102	130	7.21	69	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
18	B2000263	LÝ GIA	HÀO	200B0101	133	7.68	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
19	B2000052	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	HƯNG	200B0101	133	7.81	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
20	B2000366	NGUYỄN XUÂN	HƯNG	200B0102	132	7.79	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
21	B2000053	NGUYỄN TRẦN NGỌC	HƯƠNG	200B0101	133	7.46	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
22	B2000368	TỔNG GIA	HUY	200B0102	132	8.37	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
23	B2000270	TRẦN MINH	KHÁNH	200B0101	133	8.26	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
24	B2000371	TÔN THẮT MINH	KHOA	200B0101	132	7.06	57		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
25	B2000372	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	200B0101	132	8.10	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
26	B2000059	PHẠM XUÂN	LAN	200B0101	131	7.28	75	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
27	B2000373	LÊ THỊ	LINH	200B0102	132	7.80	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
28	B2000374	VÕ THỊ TRÚC	LY	200B0102	133	7.85	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
29	B2000276	NGUYỄN THỊ THỤC	MỸ	200B0101	133	8.49	88		Nhóm tự chọn GDTC 1	1			0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
30	B2000378	LÊ THÚY	NGÂN	200B0102	130	7.41	87	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
31	B2000380	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	200B0102	132	7.65	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
32	B2000382	PHAN HOÀI BẢO	NGHI	200B0101	133	7.21	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
33	B2000106	MAI THỊ ÁNH	NGUYỆT	200B0101	133	7.87	67		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
34	B2000292	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	200B0101	131	7.85	86	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
35	B2000385	NGUYỄN ĐẶNG YẾN	NHI	200B0102	132	7.53	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
36	B2000386	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	200B0101	133	7.21	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
37	B2000387	TRẦN THỊ Ý	NHI	200B0102	131	6.70	80	D01001 B01CM1	Bơi lội Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	 2 4				232	3.3
38	B2000388	VÕ NGUYỆT	NHI	200B0102	130	7.09	79	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
39	B2000389	LÂM THỊ NGỌC	NHƯ	200B0102	132	7.56	75		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
40	B2000298	PHAN THỊ QUỲNH	NHƯ	200B0101	133	7.86	68		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
41	B2000391	LÊ PHƯƠNG	NI	200B0102	133	7.91	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
42	B2000129	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	200B0101	131	7.17	84	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 4					
43	B2000131	TRẦN HOÀNG	PHÚC	200B0101	132	7.33	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4					
44	B2000394	VÕ ĐAN	PHƯƠNG	200B0102	132	7.42	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
45	B2000395	NGUYỄN MINH	QUẢN	200B0102	132	7.44	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
46	B2000142	HUỲNH THỊ THẢO	QUYÊN	200B0101	132	8.28	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
47	B2000399	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	200B0102	132	7.19	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
48	B2000303	PHẠM MINH	SANG	200B0101	133	6.97	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
49	B2000405	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	200B0102	132	7.81	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
50	B2000406	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	200B0102	133	7.54	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
51	B2000176	TRẦN PHẠM MINH	THƯ	200B0101	133	7.72	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
52	B2000415	VĂN THỊ ANH	THƯ	200B0101	128	6.30	83	D01001	Bơi lội					221	2.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B02034	Đầu tư tài chính	3				231	4.2
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
53	B2000318	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	200B0101	131	6.90	82	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
54	B2000417	LÊ MINH	TIẾN	200B0102	130	7.22	78	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
55	B2000421	ĐÀO NGUYỄN NHÃ	TRÂM	200B0102	132	7.74	76	D01001	Bơi lội					212	3.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
56	B2000422	ĐỖ THỊ HOÀI	TRÂM	200B0102	132	7.34	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
57	B2000195	PHẠM THỊ MAI	TRÂN	200B0101	132	7.89	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
58	B2000424	ĐOÀN THÙY	TRANG	200B0102	132	7.72	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
59	B2000425	PHẠM LƯU NHA	TRANG	200B0102	132	7.60	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
60	B2000200	TRẦN NGỌC ĐOAN	TRANG	200B0101	133	8.14	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
61	B2000426	NGÔ THỊ HỒNG	TRIỀU	200B0102	133	7.83	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
62	B2000208	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	200B0101	131	7.50	85	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
63	B2000211	NGUYỄN PHẠM THÀNH	TRUNG	200B0101	133	7.67	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
64	B2000428	HỒ TRỊNH CẨM	TÚ	200B0102	128	6.71	81	D01001	Bơi lội					221	2.0
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
65	B2000213	NGÔ CẨM	TÚ	200B0101	132	8.10	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học136

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
66	B2000218	TRẦN THỊ QUỲNH	TUỔI	200B0101	132	7.85	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
67	B2000429	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	200B0102	132	7.52	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
68	B2000431	LÊ TRẦN ANH	TUYẾT	200B0102	132	7.91	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
69	B2000432	HỒ ĐỖ MỸ	UYÊN	200B0102	130	6.75	86	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
70	B2000433	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	200B0102	132	8.14	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
71	B2000434	TẠ MINH THẢO	UYÊN	200B0102	132	8.02	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
72	B2000435	VÕ THỊ MỸ	UYÊN	200B0102	132	7.92	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
73	B2000336	LÊ THỊ	VÂN	200B0101	132	8.51	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
74	B2000225	LÊ THỊ KIM	VÀNG	200B0101	132	7.60	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
75	B2000227	PHẠM NHẬT	VINH	200B0101	130	7.20	79	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
76	B2000443	CHÍ MỸ	YẾN	200B0102	130	7.54	86	B01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					
77	B2000444	TRẦN HẢI	YẾN	200B0101	133	7.22	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B2000447	VILAYSANE	SOUPHANS A	200B0102	133	8.17	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	4					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B20H0465	NGUYỄN BẢO	CHÂU	20HB0105	141	6.68	86	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				233	0.0
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
								B03008	CFA 4	4				223	4.9
2	B20H0466	NGUYỄN HOÀNG BẢO	CHÂU	20HB0103	147	7.33	85	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
3	B20H0467	BÙI THỰC	CHI	20HB0105	143	6.87	76	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
								B03008	CFA 4	4				233	0.0
4	B20H0468	VƯƠNG VĂN	CHÍNH	20HB0101	147	7.33	88	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
5	B20H0023	HUỖNH PHẠM LINH	ĐAN	20HB0103	147	6.39	78	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
6	B20H0480	VÕ TRÀ	GIANG	20HB0104	147	7.82	84	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
7	B20H0489	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	HẠNH	20HB0105	147	7.24	77	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
8	B20H0492	LÊ THỊ THÚY	HIỀN	20HB0105	147	7.33	76	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
9	B20H0080	NGUYỄN GIA	HUY	20HB0102	147	6.22	81	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
10	B20H0534	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	20HB0105	147	6.94	85	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
11	B20H0113	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	20HB0103	145	6.85	77	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0
12	B20H0543	NGUYỄN THANH	NAM	20HB0103	147	7.80	75	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
13	B20H0566	VŨ HUỖNH YẾN	NHI	20HB0101	147	7.69	83	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
14	B20H0576	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	PHI	20HB0103	147	6.56	83	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
15	B20H0591	HOÀNG THÔNG	THÁI	20HB0103	147	6.55	73	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
16	B20H0203	NGUYỄN TÔ PHÚC	THIỆN	20HB0105	147	6.39	81	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
17	B20H0603	PHẠM THỊ THU	THOA	20HB0104	147	7.05	80	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
18	B20H0611	TRỊNH MINH	THƯ	20HB0106	147	7.00	79	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
19	B20H0615	NGUYỄN VŨ THỦY	TIỀN	20HB0105	145	6.58	66	B11CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								B00013	Khóa luận	4				232	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 151
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
20	B20H0423	PHAN THỊ QUYỀN	TRÂN	20HB0104	147	7.23	83	B00013	Khóa luận	4				232	0.0
21	B20H0443	HUYỀN KHẢ	VY	20HB0106	147	7.38	84	B00013	Khóa luận	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Tài chính - Ngân hàng
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình đại học bằng tiếng Anh (Eng)
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 136
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	B20K0134	VÕ DUY	THẮNG	20KB0101	132	7.95	82	B00013	Khóa luận	4				232	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Toán ứng dụng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C1601167	TRẦN ĐÌNH	TUẤN	160C0101	133	5.85		001203	Tiếng Anh 3	5				185	0.0
								C01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Toán ứng dụng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C1700084	NGUYỄN THANH TÚ	170C0101	135	6.49	50	C01147	Phương trình vi phân nâng cao	3				232	4.5



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thống kê

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 129

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C1703023	LÊ THỊ QUỲNH	HƯƠNG	170C0301	127	7.18	50	300102	Kỹ năng viết và trình bày	1					
								C03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Toán ứng dụng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 138

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C1800255	PHAN MINH	KHA	180C0101	135	6.20	65	C02035	Giải tích số 2	3				233	0.0
2	C1800014	ĐÀO THIÊN ĐĂNG	KHOA	180C0101	138	7.42	92	D01001	Bơi lội					212	3.0
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Toán ứng dụng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C2000011	LÊ THỊ THÙY	DUNG	200C0101	127	7.43	81	C01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								C02035	Giải tích số 2	3				233	0.0
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					223	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								C01147	Phương trình vi phân nâng cao	3					
2	C2000204	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	200C0101	129	7.54	70	C01CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								C02035	Giải tích số 2	3				241	
								C01147	Phương trình vi phân nâng cao	3					
									Nhóm tự chọn 1	17		15			
3	C2000206	ĐẶNG THỊ	NGUYỆT	200C0101	134	6.51	93	C02035	Giải tích số 2	3				233	0.0
									Nhóm tự chọn 1	17		15			



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Toán ứng dụng

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 139

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C2000188	LÝ TRƯỜNG	GIANG	200C0101	131	8.41	99		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	C2000134	TRẦN GIA	KHÁNH	200C0101	137	7.44	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thống kê

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C2000241	HÀ THỊ KIM	ANH	200C0301	129	7.22	83	C03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	C2000243	NGUYỄN LÊ BẢO	DUYÊN	200C0301	129	7.01	90	C03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	C2000082	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	200C0301	129	7.34	91	C03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Thống kê

Bậc: Đại học chính quy

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 130

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	C2000171	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	200C0301	123	7.03	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	D1700019	TRẦN HOÀNG AN	170D0302	113	5.87	55	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2				173	0.0
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							D03076	Hệ thống tổ chức và đặc điểm môn thể thao cá nhân	3				232	4.7
							D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					222	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
2	D1700076	PHẠM ANH KHOA	170D0302	130	6.92	58		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	D1700102	NGUYỄN THÀNH NHÂN	170D0302	126	6.90	56	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2				173	0.0
							D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	D1700009	HỒ THỊ YẾN	170D0301	122	7.01	70	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	D1700119	VÒNG VĨNH	170D0302	118	6.50	61	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					202	K
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 132
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	D1800007	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG ANH	180D0301	128	7.09	68	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					202	K
							D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2	2		0		
2	D1800181	TĂNG THỊ HỒNG ĐÀO	180D0301	128	7.33	90	503021	Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
3	01800646	LÊ TẤN ĐẠT	180D0301	118	6.37	71	D03100	Tập sự nghề nghiệp	4					
							D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	D1800240	TRẦN HỮU NHÂN	180D0301	117	6.79	77	301003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				211	4.9
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					211	K
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3						
							503022	Cơ sở tin học 2	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	D1800358	PHẠM HỮU NGỌC QUANG	180D0303	124	6.69	59		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	D1800271	THÁI NGUYỄN MINH THƯ	180D0303	124	6.86	62		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	D1900001	TRƯƠNG HOÀNG	ÂN	190D0302	131	8.06	90	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	D1900275	LƯ ĐÌNH ĐỨC	ANH	190D0301	131	7.83	83	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	C1900047	NGUYỄN PHÚC	HẢI	190D0301	125	6.89	56		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	D1900043	HỒ BẢO	HÂN	190D0302	125	7.40	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	D1900296	TRẦN CÔNG NHẬT	HOÀNG	190D0301	128	7.49	75	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	5 2			1		
6	D1900222	NGUYỄN THỊ THIÊN	HƯƠNG	190D0301	131	7.60	70	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
7	D1900078	HUỖNH	MAI	190D0301	131	7.71	82	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
8	D1900311	LÊ HOÀNG UYẾN	NGHI	190D0301	116	6.48	70	L00040 L00041 503021 503022	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3 Cơ sở tin học 1 Cơ sở tin học 2 Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	5 2 2 8				211 192 203	K 0.0 0.0
9	61900137	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	190D0302	125	6.79	68		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	D1900327	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	190D0301	125	7.14	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	D1900340	PHẠM VÕ MINH	SANG	190D0301	118	6.46	83	306106 L00040	Tư tưởng Hồ Chí Minh Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 5 8				232	4.9

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 133
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
12	41900266	NGUYỄN QUANG	SƠN	190D0302	127	7.00	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	D1900138	NGUYỄN PHẠM MINH	TÂM	190D0302	117	6.74	68	D03078	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	2				221	4.7
								D03100	Tập sự nghề nghiệp	4					
								D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	D1900143	HUỖNH THANH	THẢO	190D0302	131	7.82	93	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	51900565	PHẠM VŨ	THƯ	190D0301	131	7.54	77	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
16	D1900253	HỒ THỊ THANH	THỦY	190D0301	125	6.91	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	D1900164	PHẠM CẨM	TIỀN	190D0302	131	7.55	72	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
18	219H0223	ĐỖ QUỲNH	TRÂM	190D0301	131	7.92	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	D1900257	ĐOÀN VÕ PHƯƠNG	TRINH	190D0302	123	7.11	89	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
20	D1900368	VÕ TƯỜNG	VY	190D0301	121	7.03	84	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					213	K
								D03042	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3				231	0.0
								D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	D2000372	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	200D0303	129	7.60	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
2	D2000376	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	200D0303	123	7.13	71		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
3	D2000379	NGUYỄN XUÂN	BẢO	200D0301	123	7.33	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
4	D2000381	LÊ MINH	CHÂU	200D0303	129	7.64	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
5	D2000023	NGUYỄN TẤN CÁT	ĐẰNG	200D0301	123	7.48	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
6	D2000263	TRƯƠNG THỊ YẾN	DUY	200D0303	129	7.86	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
7	D2000264	MAI TRÚC	DUYÊN	200D0303	123	7.46	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
8	D2000039	LÊ THỊ CẨM	GIANG	200D0301	121	7.00	76	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	4.8
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
9	D2000387	LÂM NGỌC BẢO	HÂN	200D0302	123	7.09	83	D03CM1	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
10	D2000046	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	200D0301	127	7.51	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
11	D2000047	NGUYỄN LÊ TRUNG	HOA	200D0301	129	7.79	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
12	D2000048	NGUYỄN THỤY DIỄM	HÒA	200D0301	125	7.27	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
13	D2000059	LÊ VÕ SÔNG	HƯƠNG	200D0301	125	7.29	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
14	D2000397	HỒ THANH	HUY	200D0302	116	6.70	71	L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				213	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
15	D2000400	MAI THỊ KIM	KHÁNH	200D0302	123	7.33	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
16	D2000078	NGÔ HỒNG	KIM	200D0301	123	6.88	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
17	D2000082	TRẦN THỊ TỔ	LIN	200D0301	129	7.90	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
18	D2000088	ĐẶNG MẬU PHƯỚC	LỘC	200D0301	125	7.53	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
19	D2000097	TRỊNH HÀ	MY	200D0301	126	7.25	79	D03042	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3				233	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
20	D2000409	BÙI THỊ MINH	NGÂN	200D0302	123	7.31	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
21	D2000106	PHẠM NGUYỄN THANH	NGÂN	200D0301	127	7.44	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
22	D2000302	TẮT KHẢ	NHI	200D0303	127	7.70	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
23	D2000135	NGUYỄN ĐẶNG GIA	PHÚC	200D0301	129	7.23	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
24	D2000137	TRẦN NGỌC THẢO	PHƯƠNG	200D0303	123	7.31	82		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
25	D2000421	TRẦN NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	200D0302	127	7.69	81		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
26	D2000139	NGUYỄN THU	QUẾ	200D0302	123	7.24	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
27	D2000422	CAO THANH	SƯƠNG	200D0303	123	6.99	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
28	D2000152	ĐỖ CHÂU THIÊN	THANH	200D0303	127	7.90	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
29	D2000155	NGUYỄN HÀ	THÀNH	200D0303	123	7.36	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
30	D2000162	NGUYỄN XUÂN	THẢO	200D0302	128	7.67	79	D03042	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3				233	0.0
31	D2000164	TRƯƠNG NGỌC	THẢO	200D0303	127	7.87	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
32	D2000165	NGUYỄN MINH	THI	200D0303	123	7.12	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
33	D2000166	TRẦN CHÂU	THI	200D0302	123	7.12	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
34	D2000179	VÕ HOÀNG MINH	THƯ	200D0303	127	7.59	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
35	D2000199	TRẦN NGỌC	TRẦN	200D0303	131	7.41	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
36	D2000202	NGÔ MINH KIM	TRANG	200D0303	123	6.88	78		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
37	D2000335	ĐOÀN PHƯƠNG	TRINH	200D0302	123	7.02	86		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
38	D2000206	HỒ THỊ NGỌC	TRINH	200D0302	123	7.43	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
39	D2000436	HỒ NGỌC THANH	TRÚC	200D0302	115	6.81	79	L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Quản lý thể dục thể thao
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 131
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
								D03042	Quản lý câu lạc bộ thể thao	3				233	0.0
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]	2			1		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
40	D2000438	NGUYỄN PHAN CẨM	TÚ	200D0303	125	7.19	76		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
41	D2000219	TĂNG THỊ BẠCH	TUYẾT	200D0302	121	7.09	71	306105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				231	3.7
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
42	D2000442	ÂU DƯƠNG TRẦN	VINH	200D0303	123	6.90	79		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					
43	D2000236	NGUYỄN HOÀNG MAI	YẾN	200D0302	123	7.49	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	8					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 141

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1600254	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	160E0102	135	6.08		503021	Cơ sở tin học 1	2				171	0.0
							503022	Cơ sở tin học 2	2				173	0.0
							E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1701165	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	170E0102	132	6.32	81	503021	Cơ sở tin học 1	2				181	0.0
								D01001	Bơi lội					212	3.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
2	E1701008	TRẦN LÂM PHƯƠNG	ANH	170E0101	136	7.17	66		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	E1701552	LƯU THỊ KHÁNH	DĂNG	170E0161	140	6.15	65	D01001	Bơi lội					212	3.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
4	E1701598	LÊ THỊ MỸ	LÝ	170E0161	140	7.14	97	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
5	E1701318	TRẦN THỊ TRÀ	MY	170E0102	136	6.92	72		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
6	E1701322	LÊ VĂN HẢI	NAM	170E0102	140	7.27	50	D01001	Bơi lội					231	2.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				202	0.0
7	E1701077	LƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	170E0102	138	6.14	71	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				221	4.6
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
8	E1701623	NGUYỄN ĐỖ KIM	PHƯƠNG	170E0181	125	5.64	66	001203	Tiếng Anh 3	5				191	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
9	E1701628	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	170E0161	140	6.23	50	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
10	E1701458	TRẦN HỒNG HOÀI	THƯƠNG	170E0101	134	6.34	78	D01001	Bơi lội					233	0.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
11	E1701476	VÕ TUYỀN PHƯƠNG	TRÂM	170E0102	146	6.57	50	503022	Cơ sở tin học 2	2				182	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					212	K
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					202	K
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		0		
12	E1701481	TRẦN BẢO	TRẦN	170E0161	138	6.21	62	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
13	E1701488	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	170E0101	139	6.48	52		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
14	E1701492	TRẦN KIM	TRANG	170E0101	136	6.44	53		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1701202	ĐỖ THỊ BÍCH	ĐIỂM	170E0161	128	5.84	66	503022	Cơ sở tin học 2	2			182	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4			232	0.0
								E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
2	E1701585	NGUYỄN VĂN	KHƯƠNG	170E0161	140	6.05	50	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
3	E1701302	PHÙNG MINH	LỘC	170E0181	138	6.41	51	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				
								E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2				202	K
								L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					
4	E1701066	PHẠM VĂN TỔ	NGỌC	170E0102	128	5.44	51	503021	Cơ sở tin học 1	2			181	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
								E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
5	E1701354	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	170E0181	138	5.97	50	D01001	Bơi lội				201	3.0
								E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6				
6	E1701361	LÊ THỊ QUỲNH	NHƯ	170E0102	122	5.21	53	503021	Cơ sở tin học 1	2			181	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2			182	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
								E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					202	K
							L00025	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3					213	K
								Nhóm tự chọn 4 (Luật dân sự)	10		8			
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
7	E1701370	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	170E0102	134	6.17	61	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
8	E1701642	LÊ XUÂN	THỊNH	170E0161	140	6.43	56	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	
9	E1701479	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	170E0102	140	6.57	61	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2			233	



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật hình sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1701568	HOÀNG HƯƠNG	GIANG	170E0181	136	6.64	70	503021	Cơ sở tin học 1	2				171	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				172	0.0
								D01001	Bơi lội					212	3.0
								E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn GDTC 1			1		0		
2	E1701581	BÙI THỊ	HUYỀN	170E0181	140	6.85	66	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	E1701049	LÝ CHÂU NGỌC	LINH	170E0101	140	6.44	47	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]			2		1		
4	E1701613	LƯƠNG HIẾU	NHƯ	170E0161	140	6.31	54	D01001	Bơi lội					212	3.0
								E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E17H0054	NGUYỄN VĂN	ANH	170E0113	139	5.72	56	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
2	E17H0062	NGUYỄN NGUYỄN HOA	BÌNH	170E0113	149	7.36	79	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
		PHƯƠNG							Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
3	E17H0074	DƯƠNG NAM	ĐỨC	170E0113	147	6.24	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
4	E17H0086	BÙI THUY	HẰNG	170E0112	138	5.90	70	503022	Cơ sở tin học 2	2				182	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	E17H0144	PHÙNG THÁI	NGUYỆT	170E0112	135	5.60	67	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1				192	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
								001215	Global Citizen English 5	9					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
6	E17H0157	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	170E0111	140	6.22	67	503021	Cơ sở tin học 1	2				181	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				182	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				191	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	E17H0168	HOÀNG VĂN	QUANG	170E0113	143	5.55	52	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
8	E17H0184	HỒ MAI THẢO	170E0112	142	5.78	50	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		
9	E17H0223	VÕ THỊ HẢI VY	170E0110	151	6.28	53	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	2			1		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1800523	NGUYỄN GIA	BẢO	180E0103	140	6.28	66		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
2	E1800492	LƯƠNG NGUYỄN HÀ	BÌNH	180E0181	134	6.26	59	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	E1800525	HỒ VIỆT	CHÁNH	180E0103	136	7.09	79	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
4	E1800144	TÔN THỊ XUÂN	ĐÀO	180E0102	134	7.20	72	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
5	E1800546	HOÀNG MINH	ĐỨC	180E0103	140	6.78	64	D01001	Bơi lội					182	0.0
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		1		0		
6	E1800561	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	180E0101	136	6.91	83		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	E1800202	ĐẶNG THỊ	HƯỜNG	180E0161	144	6.78	83	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
8	E1800211	MAI THỊ MỸ	HUYỀN	180E0101	138	6.67	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
9	E1800600	DƯ ẬU NHẬT	MINH	180E0101	128	6.05	61	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				183	0.0
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.8
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
10	E1800651	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	180E0103	134	6.20	59	503021	Cơ sở tin học 1	2				191	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				201	0.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển					192	K

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học142

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									bền vững - Thái độ sống 2						
11	E1801685	HỒ TRẦN KHÁNH	THUẬN	180E0181	136	5.99	78	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
12	E1800386	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	180E0103	134	6.20	60	503021	Cơ sở tin học 1	2				191	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỘ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1800569	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	180E0101	134	6.67	78	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6				233	
2	E1800251	NGUYỄN HỒNG NGỌC	MAI	180E0161	125	6.04	60	E01002 E01CM3 E01138 L00001 L00025	Luật hiến pháp Kỹ năng thực hành chuyên môn Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng phát triển bền vững Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3 Nhóm tự chọn chung Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	3 2 4 2 12 6 1 1		10	212 203	4.3 K	
3	E1800372	VÕ MINH	THỨ	180E0103	140	6.27	77	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
4	E1800109	TRẦN NGỌC	TRẦN	180E0181	134	6.18	78	701020 E01CM3	Kinh tế vi mô Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	3 2 6				221 233	4.9
5	E1800399	BÙI THỊ THÙY	TRANG	180E0181	137	6.16	76	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	2 6				233	



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật hình sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 142

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1800599	BÙI MINH	LUÂN	180E0102	160	7.50	55	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	E1800252	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	180E0101	134	6.46	71	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01140	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
3	E1800106	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	180E0181	140	6.48	77	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	E1800678	TĂNG THỊ THANH	TRÚC	180E0101	160	7.66	53	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	E1800447	NGUYỄN THỊ NHƯ	XUÂN	180E0101	136	6.23	68	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01140	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E18H0386	TRƯƠNG TẤN ĐẠT	18HE0106	149	6.04	50	503022	Cơ sở tin học 2	2				193	0.0
							L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
2	E18H0149	NGÔ THỊ THU HẰNG	18HE0103	145	6.35	74	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
3	E18H0023	LÊ THÚY HƯƠNG	18HE0106	145	6.21	50	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
4	E18H0434	TRẦN THÙY LINH	18HE0103	151	6.94	87	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
5	E18H0456	TRẦN HIẾU NGHĨA	18HE0106	143	6.24	57	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				231	4.3
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
6	E18H0475	PHAN THỊ HOÀI PHƯƠNG	18HE0106	145	6.44	69	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
7	E18H0060	TRẦN LƯU THANH PHƯƠNG	18HE0103	145	6.72	73	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
8	E18H0482	LÊ DIỆU QUỲNH	18HE0106	145	6.77	51	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
9	E18H0303	TRẦN HUỲNH TRÂM	18HE0105	151	6.67	59	L00001	Kỹ năng phát triển bền vững	2				203	K
							L00021	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2						
10	E18H0344	NGUYỄN NGỌC YẾN VY	18HE0102	145	6.68	77	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					
11	E18H0551	TRƯƠNG THỊ HỒNG YẾN	18HE0104	145	6.10	74	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 153
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00
***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1900020	PHẠM PHƯƠNG	ANH	190E0102	139	7.84	94	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
2	E1900420	LÊ HUỖNH	ĐỨC	190E0101	143	7.37	84	D01001	Bơi lội					231	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
3	E1900371	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	190E0161	138	6.44	78	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
4	E1900428	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	190E0102	137	6.30	78	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
5	E1900339	DƯƠNG THU	HIỂN	190E0102	139	5.93	69	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
6	E1900084	NGUYỄN LÊ NGỌC BẢO	HIỂN	190E0102	135	6.26	68	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Nhóm tự chọn chung	12		10			
7	E1900377	NGUYỄN MINH	HOÀNG	190E0161	137	5.93	60	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
8	E1900380	VÕ TRẦN BẢO	KHANG	190E0161	139	6.01	62	D01001	Bơi lội					233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
9	E1900443	NGUYỄN THỊ THANH	LAM	190E0101	139	6.57	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
10	E1900445	ĐỖ THỊ THÙY	LINH	190E0101	139	6.99	88	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
11	E1900141	TRƯƠNG TIỂU	MÃN	190E0102	139	7.06	86	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
12	E1900143	PHẠM HÙNG	MẠNH	190E0101	139	6.18	86	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
13	E1900154	LÊ THỊ KIM	NGÂN	190E0101	139	6.18	87	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
14	E1900226	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	190E0102	139	7.02	77	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
15	E1900470	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	190E0102	139	6.67	72	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
16	E1900410	CAO VÕ MINH	TRANG	190E0161	141	6.53	84	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01038	Luật cạnh tranh	2				232	4.6
17	E1900477	NGUYỄN TRẦN THÙY	TRANG	190E0101	135	6.12	73	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				203	0.0
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1900430	PHẠM HOÀNG BẢO HẠNH	190E0101	141	6.62	82	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Nhóm tự chọn 4 (Luật dân sự)	10		2			
2	E1900438	ĐÌNH KHÁNH HUYỀN	190E0102	139	7.31	81	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
3	E1900440	HUỖNH CAO KHUYẾN	190E0102	139	6.48	76	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
4	E1900446	TRỊNH THỊ HOÀI LINH	190E0101	139	6.92	74	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
5	E1900400	TRẦN BÁ TÂN	190E0181	139	6.25	91	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật hình sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E1900349	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	190E0102	143	7.00	85	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
2	E1900172	ĐOÀN HỒNG	NGUYỄN	190E0102	143	7.83	95	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
3	E1900388	NGUYỄN MINH	NHẬT	190E0181	143	7.07	78	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
4	E1900354	NEÀNG QUANH	RÊN	190E0101	139	7.17	93	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01140	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
5	E1900408	PHẠM TRƯƠNG ĐIỂM	TRÂN	190E0181	139	6.00	86	E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01140	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
6	E1900479	LẠI THỤC	TRINH	190E0101	139	7.14	83	503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01CM5	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01140	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E19H0149	PHAN NGUYỄN NAM	ANH	19HE0101	151	7.19	65	L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	5 2 2			1 1		
2	E19H0009	LÂM NGỌC	CHÂM	19HE0101	148	6.33	73	503021 E01100 E11CM2	Cơ sở tin học 1 Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	2 4 2				233	0.0
3	E19H0011	NGUYỄN PHẠM ANH	CHÂU	19HE0104	142	5.94	59	E01100 E11CM2 L00020 L00040 E01113	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng 5S và Kaizen Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững Luật hình sự 2 Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV] Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]	4 2 5 3 2 2			233 231	0.0 3.5	
4	E19H0017	HUỖNH THỊ TUYẾT	GIAO	19HE0101	150	6.33	77	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
5	E19H0127	NGUYỄN THỊ GIA	HÂN	19HE0104	152	6.24	90	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				223	0.0
6	E19H0178	LÊ MINH	HUY	19HE0101	152	6.77	61	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn	4 2				233	0.0
7	E19H0192	LÊ THỊ TÚ	LINH	19HE0103	154	6.74	75	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				221	4.6
8	E19H0045	PHẠM THANH	MAI	19HE0101	154	6.58	84	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
9	E19H0131	TRƯƠNG THỊ DIỄM MI	19HE0103	145	5.67	78	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				221	4.3
							E01023	Luật sở hữu trí tuệ	3				201	4.7
10	E19H0049	VI HOÀNG LINH	19HE0104	153	6.43	78	503022	Cơ sở tin học 2	2					
							503034	Cơ sở tin học 3	1					
11	E19H0209	NGUYỄN THỊ TRÚC	19HE0102	150	6.17	91	D01001	Bơi lội					222	2.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
12	E19H0219	NGUYỄN PHAN BẢO	19HE0101	145	5.71	63	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							503022	Cơ sở tin học 2	2				202	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				211	0.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
13	E19H0061	ĐỖ LÊ THẢO	19HE0102	150	6.10	79	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
14	E19H0223	TRẦN THỊ THANH	19HE0102	150	6.50	64	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
15	E19H0228	PHẠM NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	19HE0102	156	6.95	79		Chưa đủ điểm HK hè/2023-2024					
16	E19H0229	PHẠM YẾN	19HE0101	150	6.16	83	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
17	E19H0067	TRẦN NỮ HOÀI	19HE0104	145	6.39	85	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.2
								E01097	Luật cạnh tranh	3				231	4.9
18	E19H0251	NGUYỄN PHƯƠNG THANH	THẢO	19HE0102	154	6.45	67	E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
19	E19H0256	NGUYỄN LÊ ANH	THỨ	19HE0104	150	6.25	92	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E2000007	NGUYỄN THỊ THÚY AN	200E0101	137	6.83	81	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.8
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
2	E2000008	TRẦN NGỌC QUẾ AN	200E0101	139	6.61	82	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
3	E2000017	ĐỖ THỊ LAN ANH	200E0101	141	7.46	97	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
4	E2000337	PHẠM NGUYỄN LAN ANH	200E0102	137	6.84	89	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
5	E2000339	NGÔ THỊ BÍCH	200E0102	139	7.02	93	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
6	E2000342	TRẦN MINH CÔNG	200E0102	141	7.86	88	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
7	E2000343	HÀ HẢI ĐĂNG	200E0102	139	7.85	74	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
8	E2000344	LÊ THÀNH ĐẠT	200E0102	139	7.33	91	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
9	E2000498	HỒ ĐẮC THUY	200E0161	139	7.74	88	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Nhóm tự chọn GDTC 2		1		0		
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
10	E2000347	VĂN QUÝ HOA	200E0101	139	7.48	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
11	E2000348	VÕ THỊ NGỌC	200E0102	137	7.13	93	503022	Cơ sở tin học 2	2				213	0.0
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	H
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
12	E2000351	PHAN THỊ THÙY	200E0102	139	7.22	88	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
13	E2000352	NGUYỄN ĐĂNG DUY	200E0101	139	7.13	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
14	E2000486	ĐÌNH MỸ DUYÊN	200E0161	139	7.26	93	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH		
15	E2000354	LÊ THỊ MỸ DUYỀN	200E0102	128	6.26	85	503021	Cơ sở tin học 1	2	1		0				
							503022	Cơ sở tin học 2	2						212	0.0
							E00001	Phương pháp và kỹ năng luật học	2						201	4.8
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2						233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4						233	0.0
							L00019	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 1	5							
							L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học								
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững								
	Nhóm tự chọn GDTC 1															
	Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ															
16	E2000358	ĐẶNG THỊ BÍCH HẠ	200E0102	139	6.92	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0		
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233			
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ								
17	E2000359	LÊ THỊ BẢO HÂN	200E0102	139	7.11	91	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0		
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233			
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ								
18	E2000324	NGÔ THỊ PHƯỚC HẠNH	200E0161	137	6.13	92	E01038	Luật cạnh tranh	2				222	4.7		
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0		
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233			
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ								
19	E2000365	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	200E0161	139	6.49	91	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233			

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
20	E2000053	VƯƠNG HUỖNH NGỌC	HẢO	200E0101	139	7.51	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
21	E2000367	NGUYỄN CÔNG	HẬU	200E0161	139	6.16	87	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
22	E2000371	LƯƠNG VĂN	HIẾU	200E0101	139	7.65	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
23	E2000374	ĐỖ HỮU	HÒA	200E0101	139	8.09	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
24	E2000376	NGUYỄN MẬU	HOÀNG	200E0101	139	6.80	85	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
25	E2000378	TRƯƠNG THỊ	HƯƠNG	200E0102	139	7.11	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
26	E2000380	NGUYỄN HUỖNH GIA	HUY	200E0102	139	8.03	83	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
27	E2000073	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	200E0102	139	7.89	85	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
28	E2000076	MAI VĂN	KHÁI	200E0101	139	7.58	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
29	E2000383	NGUYỄN MINH	KHANG	200E0101	139	6.95	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
30	E2000082	VŨ BẢO	KHÁNH	200E0101	139	8.07	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
31	E2000388	NGUYỄN THỊ	KIỀU	200E0102	139	6.52	88	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
32	E2000490	NGUYỄN NGỌC BIỂU	LY	200E0161	139	6.80	92	E01031	Tư vấn thành lập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư	2				221	2.8
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
33	E2000105	NGUYỄN LÊ BAN	MAI	200E0101	139	8.34	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
34	E2000282	NGUYỄN LÊ KHƯƠNG	MÂN	200E0101	139	7.78	90	D01001	Bơi lội					202	3.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
35	E2000403	PHAN KIM	NGÂN	200E0102	139	7.22	92	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
36	E2000404	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	200E0161	139	7.52	93	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
37	E2000405	NGUYỄN THỊ	NGỌC	200E0102	139	7.22	86	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
38	E2000406	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	200E0102	141	7.81	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
39	E2000407	TRẦN THỊ KHÁNH	NGỌC	200E0101	139	7.63	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
40	E2000410	NGUYỄN QUỐC	NHẬT	200E0102	139	7.03	87	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
41	E2000144	HỒ LONG	NHI	200E0101	139	7.85	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
42	E2000415	NGUYỄN QUỲNH	NHI	200E0101	137	6.92	92	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.6
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
43	E2000291	TRẦN THỊ MỘNG	NHI	200E0101	139	7.13	82	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
44	E2000419	HUỖNH THỊ QUỲNH	NHƯ	200E0102	137	7.03	95	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.3
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
45	E2000421	PHAN THỊ QUỲNH	NHƯ	200E0101	139	7.31	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
46	E2000424	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	200E0102	139	6.97	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
47	E2000425	ĐOÀN PHƯƠNG	OANH	200E0101	139	7.47	96	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
48	E2000430	HOÀNG ĐỨC	PHƯỚC	200E0101	139	7.45	74	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
49	E2000170	VÕ THỊ THANH	QUÍ	200E0161	139	7.03	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
50	E2000171	LÊ THỊ VÂN	QUYẾN	200E0101	139	8.03	99	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
51	E2000435	HỒ THỊ NHƯ	QUỖNH	200E0102	139	8.26	97	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
52	E2000437	PHẠM NHƯ	QUỖNH	200E0102	139	6.52	87	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
53	E2000438	TỪ THỊ NHƯ	QUỖNH	200E0101	139	6.94	94	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
54	E2000442	LÊ KIỀU MỸ	TÂM	200E0101	139	6.46	92	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
55	E2000443	NGUYỄN LƯU BẢO	TÂM	200E0101	139	7.09	72	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
56	E2000446	HỨA VÕ HUY	THÁI	200E0101	139	7.50	76	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
57	E2000191	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	200E0101	139	6.92	87	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
58	E2000198	HỒ ANH	THỨ	200E0101	139	7.74	86	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
59	E2000452	HUỖNH ANH	THỨ	200E0102	139	6.90	95	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
60	E2000455	NGUYỄN THỊ HIỀN	THỨ	200E0101	139	6.97	66	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
61	E2000457	LÊ TRẦN VIỆT	THÙY	200E0102	137	6.95	90	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.2
								E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
62	E2000458	NGUYỄN LÊ THỦY	TIỀN	200E0102	139	7.08	80	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
63	E2000211	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRÂM	200E0161	139	6.47	82	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
64	E2000462	NGUYỄN THỊ NHƯ	TRÂM	200E0102	139	7.15	90	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
65	E2000464	LÊ HOÀNG THU	TRANG	200E0101	139	7.20	93	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
66	E2000508	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRANG	200E0161	139	6.91	85	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
67	E2000466	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	200E0102	139	6.40	74	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
68	E2000467	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	200E0102	143	6.98	94	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
69	E2000468	NGUYỄN THỊ KIM	TRÚC	200E0102	139	6.85	82	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
70	E2000511	NGUYỄN THỊ THÙY	VI	200E0161	139	6.02	80	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
71	E2000480	NGUYỄN NGỌC ÁNH	XUÂN	200E0101	137	7.18	87	E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.9

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
72	E2000483	PHẠM THỊ NHƯ Ý	200E0102	139	7.03	89	E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
73	E2000484	HOÀNG HẢI YẾN	200E0161	137	7.10	66	503021	Cơ sở tin học 1	2					
							E01CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01137	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 145

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E2000333	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	200E0102	139	7.32	89	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
2	E2000037	TRẦN LÝ TIẾN	200E0101	139	7.92	90	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
3	E2000356	TRƯƠNG HOÀNG	200E0102	139	7.47	93	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
4	E2000044	MAI THÚY	200E0101	139	7.86	96	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
5	E2000361	ĐÌNH THỊ	200E0102	143	6.73	70	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
6	E2000363	TRẦN THỊ PHƯƠNG	200E0102	139	7.07	92	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
7	E2000377	LƯU MINH	200E0102	139	6.82	87	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
8	E2000391	PHẠM NGỌC NHÃ	200E0102	139	6.64	93	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
							E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
9	E2000399	ĐÌNH THỊ	NA	200E0101	139	7.04	84	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
10	E2000400	ĐỖ NGỌC KIM	NGÂN	200E0161	139	6.88	93	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
11	E2000130	PHẠM NGUYỄN GIA	NGHI	200E0101	139	7.90	97	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
12	E2000411	CHU THỊ TUYẾT	NHI	200E0102	139	7.46	96	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
13	E2000416	NGUYỄN YẾN	NHI	200E0102	139	6.90	94	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
14	E2000417	VƯƠNG TỬ Ý	NHI	200E0102	134	7.44	96	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	0.0 K
								E01138	Tập sự nghề nghiệp	4				233	
								L00041	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 3				213		
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
15	E2000426	ĐỖ TIẾN	PHÁT	200E0101	139	6.65	76	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Luật dân sự

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học145

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
16	E2000431	BÙI THỊ NAM	PHƯƠNG	200E0161	139	6.86	92	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
17	E2000434	NGUYỄN TẮT	QUYẾT	200E0101	139	6.25	74	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Nhóm tự chọn GDTC 1 Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4	1		0	233	0.0
18	E2000447	NGUYỄN QUỐC	THÁI	200E0102	139	7.37	92	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
19	E2000507	NGUYỄN LÊ HÀ	THƯƠNG	200E0161	139	7.10	94	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
20	E2000493	LÊ NGỌC	TRÂM	200E0161	141	6.63	88	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0
21	E2000315	VŨ THÚY	VI	200E0101	139	6.70	76	E01CM3	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				233	
								E01138	Tập sự nghề nghiệp Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4				233	0.0



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	E20H0319	LÊ THUY VÂN ANH	20HE0103	143	5.94	78	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4	2		1	233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]						
	Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ													
2	E20H0203	NGUYỄN HUỆ ANH	20HE0104	148	7.48	85	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.5
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
3	E20H0212	THÁI MINH BÌNH	20HE0102	150	7.99	66	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
4	E20H0015	ĐÌNH HUỖNH MINH CHÂU	20HE0103	146	6.34	87	503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				231	4.0
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
5	E20H0324	NGUYỄN THỊ HOÀNG CHÂU	20HE0104	150	6.58	92	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
6	E20H0020	TRẦN ANH	CHƯƠNG	20HE0103	148	6.10	75	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.5
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
7	E20H0326	LÂM NGỌC	ĐÌNH	20HE0103	150	6.92	82	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
8	E20H0331	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	20HE0103	150	7.18	93	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
9	E20H0333	MAI KỲ	DUYÊN	20HE0101	149	6.60	84	503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
10	E20H0334	DƯƠNG HOÀNG	GIANG	20HE0104	150	7.58	94	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
11	E20H0336	TRẦN MAI NGỌC	GIANG	20HE0104	145	6.25	77	503021	Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								Nhóm tự chọn GDTC 1 Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ		1		0		
12	E20H0223	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	20HE0102	148	6.35	90	503022 Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								E01100 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
13	E20H0337	NGUYỄN NGỌC	GIÀU	20HE0104	145	6.56	93	503021 Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
								503022 Cơ sở tin học 2	2				211	0.0
								503034 Cơ sở tin học 3	1				212	0.0
								E01100 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
14	E20H0339	TRẦN THANH	HẢI	20HE0101	145	6.41	76	E01100 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045 Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.2
								E01097 Luật cạnh tranh	3				233	0.0
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
15	E20H0342	TRẦN NGUYỄN BÍCH	HÂN	20HE0104	150	6.87	74	E01100 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
16	E20H0041	BÙI THANH	HƯỜNG	20HE0104	150	6.80	99	E01100 Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2 Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
17	E20H0350	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	HUỠNG	20HE0102	143	6.13	85	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.3
18	E20H0351	HUỠNH GIA	HUY	20HE0102	142	6.19	84		Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.7
								E01097	Luật cạnh tranh	3				231	4.5
								E01112	Pháp luật về Phá sản và trọng tài thương mại	3				231	4.1
19	E20H0245	TRẦN HOÀNG	HUY	20HE0104	150	6.56	88		Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
20	E20H0045	ĐẶNG THỊ MINH	KHÁNH	20HE0103	142	6.31	67		Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
								D01001	Bơi lội					231	R
								503034	Cơ sở tin học 3	1				231	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00026	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Kỹ năng tự học						
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Nhóm tự chọn GDTC 1 Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2	1		0	231	4.4
21	E20H0357	PHAN VŨ HIẾU	LAM	20HE0102	148	6.12	86	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2				231	4.5
22	E20H0358	TIÊU HOÀNG	LÂM	20HE0102	150	7.77	94	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
23	E2000389	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	20HE0103	144	6.56	89	D01001	Bơi lội					231	4.6
								503021	Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2				231	4.8
24	E20H0250	NGUYỄN ĐIỀU	LINH	20HE0101	150	6.91	80	D01001	Bơi lội					223	3.3
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
25	E20H0359	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	20HE0103	146	6.58	77	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.4
							E01031	Tư vấn thành lập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư	2				223	4.7
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
26	E20H0071	HỨA NGUYỄN BẢO LỘC	20HE0104	150	6.66	78	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
27	E20H0362	LÂM GIA LONG	20HE0103	150	7.29	80	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
28	E20H0365	NGUYỄN PHƯƠNG LƯỢNG	20HE0103	150	7.87	92	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
29	E20H0368	PHẠM THỊ HÀ MY	20HE0103	150	6.93	85	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
30	E20H0371	TRẦN HẢI NAM	20HE0101	147	6.70	66	503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
							503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
31	E20H0256	BIỆN NGỌC KIM NGÂN	20HE0103	150	6.21	87	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
32	E20H0373	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	20HE0104	145	7.15	78	503021	Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ							
33	E20H0377	NGUYỄN TUYẾT	NGÂN	20HE0104	150	6.18	71	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
34	E20H0378	TÔ THỊ BẢO	NGÂN	20HE0102	148	7.28	81	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.1
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
35	E20H0089	TRẦN LÊ PHƯƠNG	NGHI	20HE0101	150	7.52	91	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
36	E20H0380	BÙI BẢO	NGỌC	20HE0101	148	6.27	64	503021	Cơ sở tin học 1	2				202	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
37	E20H0381	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	20HE0104	143	6.18	62	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.4
								Nhóm tự chọn [Kỹ năng thiết yếu cho sự PTBV]		2		1		
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
38	E20H0096	VÕ THỊ BÍCH	NGỌC	20HE0102	150	7.64	94	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
39	E2000143	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	20HE0101	150	7.42	85	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
40	E20H0268	LÊ THỊ THANH	NHI	20HE0101	148	7.15	93	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2			231	4.9	
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
41	E20H0105	TRƯƠNG THỊ THẢO	NHI	20HE0104	150	7.19	92	D01001	Bơi lội				202	R
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0	
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
42	E20H0387	PHẠM THỊ TUYẾT	NHƯ	20HE0103	150	7.47	90	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
43	E20H0271	PHẠM NGUYỄN HỒNG	NHUNG	20HE0104	150	6.60	88	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
44	E20H0389	NGUYỄN MINH	NHỤT	20HE0103	150	7.65	75	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
45	E20H0390	VƯƠNG MINH	NHỤT	20HE0104	150	6.71	72	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
46	E20H0391	ĐỖ LÊ VÂN	PHI	20HE0103	146	7.08	75	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
47	E20H0274	HOÀNG NGỌC DIỄM	PHÚC	20HE0103	150	7.16	95	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
48	E20H0394	NGÔ THỊ ĐAN	PHƯỢNG	20HE0102	148	6.41	76	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.3
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
49	E20H0280	ĐOÀN TRẦN VINH	QUANG	20HE0101	150	8.07	88	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
50	E20H0400	DƯƠNG HOÀNG MINH TÂM	20HE0101	150	6.57	79	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Nhóm tự chọn GDTC 1 Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2	1		0	233	0.0
51	E20H0401	LÊ MINH NHẬT TÂM	20HE0101	150	7.12	86	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2				233	0.0
52	E20H0402	LƯƠNG TRẦN THANH TÂM	20HE0102	150	7.22	69	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2				233	0.0
53	E20H0403	VIỄN TRANG TÂM	20HE0103	150	6.97	78	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2				233	0.0
54	E20H0133	ĐỖ HỒ DUY TÂN	20HE0104	150	7.04	83	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2				233	0.0
55	E20H0135	BẠCH NGỌC THANH	20HE0104	148	6.52	93	E01100 E11CM2 E01045	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2 2				233 231	0.0 4.1
56	E20H0408	NGUYỄN TRÚC THI	20HE0104	150	7.84	93	E01100 E11CM2	Tập sự nghề nghiệp Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	4 2				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
57	E20H0410	NGUYỄN TRUNG ANH	THỨ	20HE0103	150	7.58	70	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
58	E20H0156	PHẠM ANH	THỨ	20HE0101	150	6.56	74	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
59	E20H0157	PHAN NGUYỄN MINH	THỨ	20HE0102	146	6.95	91	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4					
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.6
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
60	E20H0411	TRẦN MINH	THỨ	20HE0103	146	6.33	88	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4					
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.5
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
61	E20H0413	VŨ THỊ ANH	THỨ	20HE0102	143	6.44	72	503021	Cơ sở tin học 1	2				233	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2					
								503034	Cơ sở tin học 3	1					
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4					
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
62	E20H0159	THÀNH THANH	THƯƠNG	20HE0101	148	6.13	88	E01100	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.9
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
63	E20H0416	TRẦN THỊ TRÚC	THY	20HE0102	150	6.73	91	E01100	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
64	E20H0297	PHẠM TIẾN	TÓI	20HE0101	140	6.09	87	302003	Logic học	2				221	4.8
								D01001	Bơi lội					233	R
								503021	Cơ sở tin học 1	2				211	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								E01100	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								L00033	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững - Thái độ sống 2					212	K
								L00040	Những kỹ năng thiết yếu cho sự phát triển bền vững	5					
									Nhóm tự chọn [Kỹ năng PTBV]		2		1		
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
65	E20H0420	LÊ NGỌC	TRÂM	20HE0104	150	8.14	94	E01100	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
									Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
66	E20H0421	VÕ THỊ QUỲNH	TRÂM	20HE0101	150	7.24	90	E01100	Tập sự' nghề nghiệp	4				233	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
67	E20H0422	HOÀNG LÊ BẢO	TRÂN	20HE0103	150	7.00	76	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
68	E20H0169	LÊ ĐỖ MINH	TRÍ	20HE0104	148	6.21	84	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2				231	4.4
69	E20H0425	LÊ THANH	TRÚC	20HE0104	150	7.26	94	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2					
70	E20H0427	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	20HE0104	148	6.42	61	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2				231	4.7
71	E20H0428	ĐOÀN NGUYỄN	TÚ	20HE0103	143	6.32	64	503021	Cơ sở tin học 1	2					
								503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0
								503034	Cơ sở tin học 3	1				221	0.0
								E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
								E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ	2				231	4.9

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
72	E20H0429	LÊ NGỌC LAN TUỜNG	20HE0103	150	7.22	91	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
73	E20H0430	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG UYÊN	20HE0104	146	6.11	79	503022	Cơ sở tin học 2	2				233	0.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4					
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				231	3.6
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					
74	E20H0431	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG UYÊN	20HE0101	150	6.41	85	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
75	E20H0433	TRỊNH HOÀNG THANH VI	20HE0101	152	6.91	93	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
76	E20H0435	DƯƠNG THÚY VY	20HE0102	146	6.53	77	D01001	Bơi lội					232	3.3
							503021	Cơ sở tin học 1	2					
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.5
77	E20H0184	NGÔ THỊ THẢO VY	20HE0102	150	7.11	95	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
78	E20H0186	NGUYỄN HỒ THẢO VY	20HE0103	150	7.55	94	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
79	E20H0310	NGUYỄN LÊ VY	20HE0102	146	6.88	77	503022	Cơ sở tin học 2	2				233	0.0
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4					
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2				231	4.7
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2					
80	E20H0436	TRẦN TỔNG TRÚC VY	20HE0102	150	6.88	90	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
81	E20H0311	TRƯƠNG NGUYỄN NHÃ VY	20HE0103	150	7.00	70	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
82	E20H0196	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	20HE0104	148	7.48	83	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
							E01045	Pháp luật về mua bán, sáp nhập công ty	2				231	4.9
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
83	E20H0197	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG YÊN	20HE0104	148	6.79	93	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Nhóm tự chọn 3	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
84	E20H0313	LÊ THỊ YẾN	20HE0102	148	6.64	89	503022	Cơ sở tin học 2	2				212	0.0

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Luật
Bậc: Đại học chính quy - Chương trình Chất lượng cao (VN)
Chuyên ngành đào tạo : Luật kinh tế
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 156
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
							E01100	Tập sự nghề nghiệp	4				233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						
85	E20H0437	LÊ THỊ HẢI	YẾN	20HE0104	150	6.95	83	E01100	Tập sự nghề nghiệp	4			233	0.0
							E11CM2	Kỹ năng thực hành chuyên môn	2					
								Thông tin văn bằng THPT chưa hợp lệ						



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý và Cung ứng thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 187

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	H1700065	TRẦN LƯU NGỌC	MINH	170H0102	184	6.13	77	H01009	Hóa hữu cơ 1	3				232	4.8
2	H1700272	LƯU VĂN	SÁNG	170H0101	187	6.74	50	D01001	Bơi lội					231	0.0
									Nhóm tự chọn GDTC 1		1		0		



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý và Cung ứng thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 188

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	H1800268	ĐỖ MINH	HUÂN	180H0102	191	6.64	82	D01001	Bơi lội					232	2.3
2	H1800360	NGÔ HUỲNH TÚ	YẾN	180H0101	185	6.51	90	H01049	Dược lý 2	3				231	4.9



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Sản xuất phát triển thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 188

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	H1900001	TRẦN DIỆU	ÁI	190H0102	179	6.94	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
2	H1900014	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	190H0101	177	7.06	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
3	H1900257	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	190H0102	178	6.89	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
4	H1900025	TRỊNH VĨ	CƯỜNG	190H0102	179	6.85	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
5	H1900029	NGUYỄN MINH THÀNH	ĐẠT	190H0102	179	8.02	100		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
6	H1900030	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	190H0101	178	7.07	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
7	H1900040	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	190H0102	177	6.41	80		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
8	H1900056	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	190H0102	178	6.51	95	D01001	Bơi lội Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
9	H1900061	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	190H0102	178	7.49	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
10	H1900063	VÕ NGUYỄN HUY	HOÀNG	190H0101	178	7.70	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
11	H1900065	PHẠM THỊ MAI	HỒNG	190H0102	178	6.07	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
12	H1900073	TRẦN CHÍ	KHA	190H0102	178	7.26	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
13	H1900079	ĐỖ TRUNG	KIÊN	190H0102	178	6.77	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
14	H1900083	NGUYỄN THANH	LIÊM	190H0102	176	6.55	92		Nhóm tự chọn 1 (CN Sản xuất phát triển thuốc) Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	6 10		4			
15	H1900284	PHẠM HOÀNG	LINH	190H0102	178	6.52	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
16	H1900090	TỪ PHƯỚC	LỢI	190H0101	178	6.81	92	D01001	Bơi lội Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10				222	2.0
17	H1900102	PHAN THỊ NGỌC	NGÀ	190H0101	178	7.03	98		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
18	H1900103	LÊ KIM	NGÂN	190H0101	178	6.64	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
19	H1900289	BÙI NGUYỄN THANH	NGÂN	190H0102	178	6.39	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
20	H1900290	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	190H0102	178	6.69	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Sản xuất phát triển thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học188

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
21	H1900114	LÊ TRUNG	NGHĨA	190H0101	178	7.12	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
22	H1900115	TẠ TUẤN	NGHĨA	190H0101	179	6.78	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
23	H1900127	LÊ THỊ PHƯƠNG	NHI	190H0102	178	6.71	99		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
24	H1900234	PHƯƠNG THỊ NGỌC	NHI	190H0102	178	7.47	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
25	H1900136	PHẠM KIỀU	OANH	190H0101	179	6.66	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
26	H1900305	VÕ KHÁNH	PHƯƠNG	190H0101	179	6.60	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
27	H1900150	NGUYỄN NHẬT	QUANG	190H0101	178	7.06	84		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
28	H1900323	TRẦN THỊ XUÂN	THẢO	190H0101	178	6.91	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
29	H1900239	HUỲNH THỊ QUẾ	TRÂN	190H0102	179	6.70	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
30	H1900338	TRẦN NGỌC CẨM	TRANG	190H0101	178	7.15	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
31	H1900196	VÕ KIỀU	TRINH	190H0102	178	6.21	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
32	H1900222	CÙ THỊ HOÀNG	YẾN	190H0102	179	7.21	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					



TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý và Cung ứng thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 188

Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

*****Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
1	H1900003	HỒ THỊ THÚY	AN	190H0102	178	6.64	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
2	H1900250	THẠCH THỊ THÚY	AN	190H0102	177	6.25	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
3	H1900254	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	ANH	190H0102	178	6.36	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
4	H1900224	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG HUẾ	ANH	190H0102	178	6.71	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
5	H1900019	THÁI PHẠM HẢI	BẮNG	190H0102	174	6.82	87	D01001	Bơi lội					191	0.0
								H01011	Vật lý đại cương	3				193	3.1
								H01040	Dược cổ truyền	2				221	4.3
									Nhóm tự chọn GDTC 1	1			0		
									Nhóm tự chọn GDTC 2	1			0		
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
6	H1900258	DƯƠNG NGUYỄN HÒA	BÌNH	190H0102	174	6.02	77	503021	Cơ sở tin học 1	2				192	0.0
								503022	Cơ sở tin học 2	2				231	0.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
7	H1900042	TRẦN ÁNH	DƯƠNG	190H0102	178	6.67	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
8	H1900049	PHẠM THỊ THÚY	HÀ	190H0101	178	6.32	94	D01001	Bơi lội					231	2.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
9	H1900273	NGUYỄN SĨ	HIỆP	190H0102	179	6.40	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
10	H1900274	NGUYỄN VĂN	HIẾU	190H0101	178	6.29	85		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
11	H1900275	VÕ THỊ KIM	HỒNG	190H0102	178	7.51	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
12	H1900068	VÕ TRẦN PHI	HÙNG	190H0102	178	6.54	89		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
13	H1900087	PHAN CẨM	LINH	190H0102	178	6.90	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
14	H1900287	NGUYỄN NGỌC	MINH	190H0102	178	6.87	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
15	H1900104	LÊ NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	190H0102	178	7.23	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học

Bậc: Đại học chính quy

Chuyên ngành đào tạo : Quản lý và Cung ứng thuốc

Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học188

Điểm Trung Bình Tích Lũy5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
16	H1900113	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	190H0101	178	6.34	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
17	H1900292	VÕ KIM THU	NGÂN	190H0102	177	7.12	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
18	H1900294	ĐỒNG THỊ ÁNH	NGỌC	190H0101	178	6.70	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
19	H1900121	NGUYỄN NHẬT TÚ	NGUYỄN	190H0102	178	6.36	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
20	H1900122	BÙI ĐÌNH	NGUYỄN	190H0102	178	7.24	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
21	H1900299	HỒ TÂM	NHANH	190H0102	178	6.59	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
22	H1900126	LÊ KIM	NHI	190H0102	178	6.77	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
23	H1900304	NGUYỄN TRÚC QUỲNH	PHƯƠNG	190H0101	178	6.31	87		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
24	H1900311	LA NGUYỄN ĐIỀU	SINH	190H0101	177	6.92	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
25	H1900165	HUỲNH THỊ ĐOAN	THANH	190H0101	178	6.17	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
26	H1900320	NGUYỄN NGỌC	THẢO	190H0101	178	6.38	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
27	H1900326	TRƯƠNG QUỐC	THỊNH	190H0101	178	6.18	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
28	H1900174	PHAN NGỌC Ý	THƯ	190H0102	178	7.10	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
29	H1900180	HỒI DƯƠNG NGỌC	THY	190H0101	179	6.54	92		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
30	H1900238	TRẦN THỊ KIM	TÒA	190H0102	178	6.85	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
31	H1900188	PHAN LÝ BÍCH	TRÂM	190H0102	179	6.77	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
32	H1900336	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	190H0101	178	6.69	88		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
33	H1900191	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	190H0101	178	6.53	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
34	H1900192	TRẦN NGUYỄN THỊ THUY	TRÂN	190H0102	178	6.63	94		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
35	H1900241	VÕ NGUYỄN BẢO	TRÂN	190H0101	178	5.98	87	D01001	Bơi lội					221	2.0
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
36	H1900243	CHU ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	190H0102	178	6.71	96		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
37	H1900203	LÙ MINH	TUẤN	190H0101	178	6.36	90		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
38	H1900341	BÙI MỸ	UYÊN	190H0101	178	7.36	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					

TÌNH HÌNH NỢ MÔN

Ngành: Dược học
Bậc: Đại học chính quy
Chuyên ngành đào tạo : Quản lý và Cung ứng thuốc
Số Tín Chỉ Tích Lũy Của Ngành Học 188
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

***Sinh viên xem thêm trong Sơ đồ tích lũy. Sinh viên lưu ý: Các môn học chưa có điểm sẽ tính là điểm 0 khi chạy xét. Vì Vậy, TBTL trong đây sẽ có sự chênh lệch với thực tế.

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên lớp	TCTL	TBTL	ĐRLTB	Mã MH	Tên môn học	TC	Số MHTT	TC đạt	Số MH đạt	NHHK	ĐTBMH
39	H1900211	TRẦN NHẬT	UYÊN	190H0102	178	6.38	93		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
40	H1900244	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI	190H0102	178	6.98	97		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
41	H1900213	LÊ TÂM	VY	190H0101	178	6.43	91		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
42	H1900218	TRẦN NHẬT	VY	190H0101	178	7.20	95		Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					
43	H1900346	PHẠM NGUYỄN BÌNH	YÊN	190H0101	174	6.00	84	H01041	Dược liệu 2	3				231	4.8
									Khóa luận tốt nghiệp/Thay thế tốt nghiệp	10					